

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - SSI



Sức Mạnh Của Nhà Đầu Tư

Tổ chức thực hiện đấu giá
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Hà Nội, tháng 12 năm 2008



Nâng giá trị cuộc sống

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục lục

TÓM TẮT THÔNG TIN.....	5
THÔNG TIN CHUNG.....	7
1. Căn cứ pháp lý.....	7
2. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành	7
2.1. Tổ chức công bố thông tin.....	7
2.2. Tổ chức thực hiện đấu giá.....	8
2.3. Tổ chức tư vấn.....	8
3. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin.....	9
3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCT.....	9
3.2. Tổ chức công bố thông tin.....	9
3.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước.....	10
4. Danh sách các thuật ngữ, từ viết tắt và các định nghĩa.....	10
5. Các tuyên bố có tính chất tương lai.....	11
PHẦN I: TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	13
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	13
1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	13
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	13
3. Ngành nghề kinh doanh.....	16
3.1. Huy động vốn.....	17
3.2. Hoạt động tín dụng.....	17
3.3. Hoạt động đầu tư.....	17
3.4. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.....	17
3.5. Các hoạt động khác	17
4. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp.....	17
5. Cơ cấu lao động.....	18
6. Hệ thống tổ chức.....	19
7. Bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp.....	22
8. Danh sách các công ty NHCT đang nắm giữ toàn bộ vốn, quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	26
II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BA NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	27
1. Hoạt động kinh doanh.....	27

1.1.	Tình hình huy động vốn.....	27
1.2.	Hoạt động tín dụng.....	33
1.3.	Hoạt động kinh doanh ngoại tệ.....	38
1.4.	Hoạt động kinh doanh thẻ.....	39
1.5.	Hoạt động góp vốn và đầu tư.....	41
1.6.	Dịch vụ ngân hàng quốc tế	42
1.7.	Dịch vụ thu/chí hộ.....	44
1.8.	Dịch vụ cho thuê kết sắt và cất giữ tài sản.....	44
1.9.	Dịch vụ thu đổi Séc du lịch	44
1.10.	Hoạt động kinh doanh chứng khoán (Công ty TNHH Chứng khoán NHCT).....	45
1.11.	Hoạt động cho thuê tài chính (Công ty Cho thuê Tài chính NHCT).....	46
1.12.	Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản (Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản NHCT).....	47
2.	Quản trị rủi ro.....	47
3.	Thuận lợi.....	53
4.	Khó khăn và hạn chế.....	58
5.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm 2004 - 2008.....	62
III.	TÀI SẢN CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM.....	64
1.	Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2007.....	64
2.	Tình hình quản lý và sử dụng đất.....	64
IV.	GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	65
PHẦN II: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	66	
1.	Tên gọi và địa chỉ.....	66
2.	Hình thức cổ phần hóa.....	66
3.	Cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa.....	66
4.	Các hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa.....	68
5.	Vốn điều lệ sau cổ phần hóa.....	69
6.	Thuận lợi và khó khăn.....	70
6.1.	Thuận lợi.....	70
6.2.	Khó khăn.....	71
7.	Chiến lược kinh doanh trong các năm tới	71
7.1.	Mục tiêu chiến lược sau cổ phần hóa.....	71
7.2.	Chiến lược của NHTMCP Công thương.....	71
7.3.	Kế hoạch tài chính.....	73
7.4.	Các giải pháp thực hiện kế hoạch.....	77
8.	Các rủi ro dự kiến.....	79
8.1.	Rủi ro về lãi suất.....	79
8.2.	Rủi ro về tín dụng.....	79

8.3.	Rủi ro về ngoại hối.....	80
8.4.	Rủi ro về thanh khoản.....	81
8.5.	Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....	81
8.6.	Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.....	82
8.7.	Rủi ro tác nghiệp.....	82
8.8.	Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	82
8.9.	Rủi ro về luật pháp.....	83
8.10.	Rủi ro của đợt phát hành.....	83
8.11.	Rủi ro khác.....	83
9.	Kế hoạch niêm yết trên thị trường chứng khoán.....	83
10.	Các hạng mục ngoại bảng.....	84
11.	Thông tin về đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.....	84
12.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá.....	87
	KẾT LUẬN	88

LỜI MỞ ĐẦU

Bản công bố thông tin này được lập và công bố liên quan đến việc phát hành cổ phần ra công chúng theo hình thức đấu giá công khai, là một phần của quá trình cổ phần hóa Ngân Hàng Công Thương Việt Nam.

Với tư cách là tổ chức công bố thông tin và tổ chức bán cổ phần theo Bản công bố thông tin này, Ngân hàng Công thương Việt Nam xin lưu ý rằng các nhà đầu tư chỉ nên dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. Ngân hàng Công thương Việt Nam chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Các nhà đầu tư không nên dựa vào bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không được trình bày hoặc đưa ra trong các tài liệu liệt kê trên đây. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư có nghi ngờ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến tư vấn của các tổ chức tư vấn độc lập.

Ngân hàng Công thương Việt Nam hiện nay đang thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức giữ nguyên phần vốn Nhà nước hiện có và phát hành thêm cổ phần mới để huy động vốn, dự kiến khối lượng cổ phần phát hành lần đầu chiếm 20% vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – tổ chức hình thành từ việc cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Là kết quả của quá trình cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, sau khi được thành lập, sẽ kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Công thương Việt Nam theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Cổ phần được phát hành theo Bản công bố thông tin này là cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và pháp luật Việt Nam có liên quan.

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

●	Số lượng cổ phần bán đấu giá	53.600.000 cổ phần
●	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
●	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
●	Giá khởi điểm	20.000 đồng/cổ phần
●	Số lượng cổ phần tối đa một tổ chức được đăng ký mua	5.000.000 cổ phần
●	Số lượng cổ phần tối đa một cá nhân được đăng ký mua	1.000.000 cổ phần
●	Tổng số cổ phần tối đa phân phối cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài	16.080.000 cổ phần, tương ứng 30% số lượng cổ phần bán đấu giá lần đầu.
●	Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
●	Vốn điều lệ	13.400.000.000.000 đồng

Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến

STT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần (triệu đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	1.072.000.000	80,0%	10.720.000
2	Cổ phần phát hành thêm	268.000.000	20,0%	2.680.000
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	<i>Phần bán đấu giá công khai</i>	<i>53.600.000</i>	<i>4,0%</i>	<i>536.000</i>
2.2	<i>Phần bán cho nhà đầu tư chiến lược trong nước</i>	<i>44.220.000</i>	<i>3,3%</i>	<i>442.200</i>
2.3	<i>Phần ưu đãi cho CBCNV</i>	<i>22.780.000</i>	<i>1,7%</i>	<i>227.800</i>
2.4	<i>Phần bán cho Tổ chức Công đoàn</i>	<i>13.400.000</i>	<i>1,0%</i>	<i>134.000</i>
2.5	<i>Phần bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài</i>	<i>134.000.000</i>	<i>10,0%</i>	<i>1.340.000</i>
	TỔNG CỘNG 1+2	1.340.000.000	100%	13.400.000

- **Phương thức đấu giá:** Đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Đối tượng tham gia:** Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- **Đặt cọc:** Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
- **Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- **Thời gian đăng ký tại các Đại lý:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- **Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- **Thời gian tổ chức đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- **Địa điểm tổ chức đấu giá:**

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
45 – 47 Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua lại được cổ phần căn cứ theo kết quả đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Theo Quyết định 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam và Quyết định 2604/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về công bố giá trị doanh nghiệp, mức vốn điều lệ dự kiến của Ngân hàng Công thương Việt Nam sau quá trình CPH là 13.400.000.000.000 đồng.

Giá khởi điểm cổ phiếu bán đấu giá cho đợt phát hành lần đầu ra công chúng trong nước và cơ cấu vốn điều lệ trên được căn cứ theo Công văn số 300/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 05 tháng 11 năm 2008 của HĐQT NHCT về trình Chính phủ phê duyệt một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN, Công văn số 2901/TTg-ĐMDN ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung cổ phần hoá NHCTVN và Biên bản tổng hợp ý kiến và biểu quyết Ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCTVN ngày 02 tháng 12 năm 2008.

THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định số 109);
- Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109;
- Thông báo số 03/TB-VPCP ngày 04/01/2007 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước;
- Thông báo số 09/BĐMDN ngày 23/01/2007 của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về Kế hoạch cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam;
- Thông báo số 897/TTg-ĐMDN ngày 05/07/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kết quả đấu thầu chọn tổ chức tư vấn cổ phần hoá Ngân hàng Công thương Việt Nam;
- Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hoá Ngân hàng Công thương Việt Nam (Quyết định số 1354);
- Quyết định số 2604/QĐ-NHNN ngày 04/11/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về công bố giá trị doanh nghiệp và bán đấu giá cổ phần Ngân hàng Công thương Việt Nam;
- Công văn số 300/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 05/11/2008 của NHCT về trình Chính phủ phê duyệt một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN;
- Công văn số 2901/TTg-ĐMDM ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN;
- Biên bản Tổng hợp ý kiến và biểu quyết Ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCTVN ngày 02 tháng 12 năm 2008

2. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành

2.1. Tổ chức công bố thông tin

Ngân hàng Công thương Việt Nam là Tổ chức công bố thông tin liên quan đến đợt phát hành cổ phần được trình bày trong Bản công bố thông tin này với tư cách là doanh nghiệp cổ phần hóa và là tổ chức tiền thân của tổ chức có cổ phần được phát hành theo Bản công bố thông tin này – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Dưới đây là các thông tin cơ bản về Tổ chức công bố thông tin:

- Tên tiếng Việt : Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Tên tiếng Anh : Vietnam Bank for Industry and Trade
- Tên viết tắt tiếng Anh: Vietinbank
- Trụ sở chính : Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 3942.1030
- Fax : (84.4) 3942.1032
- Website : www.vietinbank.vn
- Biểu trưng (logo) : 

2.2. Tổ chức thực hiện đấu giá

Tên	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Địa chỉ	45 – 47 Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.8) 3821.7713
Fax	(84.4) 3821.7452
Website	www.hsx.vn
Email	market_info@hsx.vn

2.3. Tổ chức tư vấn

2.3.1. Tổ chức tư vấn tài chính và cổ phần hóa

Tên	Công ty TNHH J.P.Morgan Securities (Asia-Pacific)
Địa chỉ	Số 8 Connaught Rd, Central, Tầng 27, Hong Kong
Vai trò và nhiệm vụ chính	Tư vấn tài chính trong suốt quá trình cổ phần hóa NHCTVN

2.3.2. Tổ chức tư vấn pháp lý trong nước

Tên	Công ty Luật hợp danh YKVN
Địa chỉ	Tòa nhà Trung tâm quốc tế, Phòng 301, 17 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vai trò và nhiệm vụ chính	Tư vấn các vấn đề liên quan đến pháp lý trong nước trong suốt quá trình Cổ phần hóa NHCTVN

2.3.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước

Tên	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
Địa chỉ	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.8) 3824.2897
Website	www.ssi.com.vn
Vai trò và nhiệm vụ chính	Tư vấn duy nhất cho quá trình bán đấu giá trong nước

2.3.4. Tổ chức kiểm toán

Tên	Công ty TNHH Ernst & Young Vietnam
Địa chỉ	Tầng 15 Trung tâm Thương mại Daeha, 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Vai trò và nhiệm vụ chính	Tư vấn về kế toán và kiểm toán cho NHCTVN

3. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin

3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCT

Ông:	Phạm Huy Hùng	Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT – Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa
------	---------------	----------	--

3.2. Tổ chức công bố thông tin

Ông:	Phạm Huy Hùng	Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT
Ông:	Phạm Xuân Lập	Chức vụ:	UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Chung	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Bà:	Phạm Thị Hoàng Tâm	Chức vụ:	UV HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát HĐQT

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Ngân hàng Công thương Việt Nam trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước

Ông:	Nguyễn Duy Hưng	Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn
------	-----------------	----------	---

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do NHCTVN cung cấp. Chúng tôi bảo đảm rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

4. Danh sách các thuật ngữ, từ viết tắt và các định nghĩa

Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc nhắc nhiều lần hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong Bản công bố thông tin này được thể hiện như sau:

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ALCO	Hội đồng quản lý tài sản Nợ, tài sản Có
ATM	Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động
BCTC	Báo cáo tài chính
BGD	Ban giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CIRM	Quản trị rủi ro tín dụng và đầu tư
CKH	Có kỳ hạn
CNTT	Công nghệ thông tin
DFC	Chiết khấu dòng tiền
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
FDI	Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài

GDP	Tổng thu nhập quốc nội
HDQT	Hội đồng quản trị
INCAS	Hệ thống ngân hàng hiện đại của NHCTVN
IPO	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng
IT	Công nghệ thông tin
KBNN	Kho bạc nhà nước
KKH	Không kỳ hạn
NHCT, NHCTVN	Ngân hàng Công thương Việt Nam
NHNN, NHNNVN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng Thương mại
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
NHTMCPCT	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
SSI	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UV HDQT	Ủy viên Hội đồng quản trị
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VietinBank	Ngân hàng Công thương, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương
VietinBankSC	Công ty TNHH Chứng khoán NHCTVN

5. Các tuyên bố có tính chất tương lai

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến kế hoạch, ý định, dự kiến và các dự đoán của NHCT về tương lai. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn xảy ra trong tương lai.

Các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Cơ cấu tổ chức của NHTMCPCT

- Kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa
- Các chiến lược kinh doanh trong những năm tới của NHTMCPCT và các kế hoạch và giải pháp để thực thi các chiến lược này
- Kế hoạch tài chính dự kiến cho giai đoạn 2008 – 2012
- Ngoài ra, các tuyên bố có sử dụng các từ “sẽ”, “dự kiến”, “dự đoán”, “nên” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù NHCT tin tưởng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng NHCT không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chính xác và NHCT xin lưu ý các nhà đầu tư không nên tin tưởng quá mức vào các tuyên bố đó.
- Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, NHCT không có nghĩa vụ phải cập nhật công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này.

PHẦN I: TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên tiếng Việt	Ngân Hàng Công Thương Việt Nam
Tên tiếng Anh	Vietnam Bank for Industry and Trade
Tên viết tắt tiếng Anh	Vietinbank
Trụ sở chính	Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	(84.4) 3942.1030
Fax	(84.4) 3942.1032
Website	www.vietinbank.vn
Biểu trưng (logo)	
Đăng ký kinh doanh	Số 0106000742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 03 năm 1997 và cấp bổ sung lần thứ 6 ngày 20 tháng 12 năm 2007.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngày 26 tháng 03 năm 1988, Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy NHNNVN, và chính thức được đổi tên thành “Ngân hàng Công thương Việt Nam” theo quyết định số 402/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 14 tháng 11 năm 1990.

Ngày 27 tháng 03 năm 1993, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 về việc thành lập NHCTVN thuộc NHNNVN. Ngày 21 tháng 09 năm 1996, được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 về việc thành lập lại NHCTVN theo mô hình Tổng Công ty Nhà nước được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 1994 của Thủ tướng Chính Phủ.

Trải qua 20 năm xây dựng và trưởng thành đến nay, Ngân hàng Công thương Việt Nam đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với mạng lưới hoạt động được phân bố rộng khắp trên 56 tỉnh, thành phố trong cả nước, bao gồm 01 Hội sở chính; 03 Sở Giao dịch; 138 chi nhánh; 188 phòng giao dịch; 258 điểm giao dịch; 191 quỹ tiết kiệm; 742 máy rút tiền tự động (ATM); 02 Văn phòng đại diện; và 03 Công ty con bao gồm

Công ty cho thuê tài chính, Công ty TNHH Chứng khoán (VietinbankSC) và Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, NHCT còn góp vốn liên doanh vào Ngân hàng Indovina và Công ty Liên doanh Bảo hiểm Châu Á NHCTVN (IAI); góp vốn vào 07 công ty trong đó có Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương v.v.

NHCT hiện tại có quan hệ đại lý với trên 800 ngân hàng, định chế tài chính tại trên 90 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Vốn điều lệ của NHCT tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2007) là hơn 7.608 tỷ đồng, tổng tài sản lên tới 166.112 tỷ đồng, chiếm khoảng 10% tổng tài sản toàn ngành ngân hàng. Theo BCTC chưa kiểm toán của NHCT, tại thời điểm 30/09/2008 vốn điều lệ và tổng tài sản của NHCT tương ứng là 7.626 tỷ đồng và 187.534 tỷ đồng.

2.2. Các mốc lịch sử và thành tựu được ghi nhận

- Ngày 26 tháng 03 năm 1988, Ngân hàng Chuyên doanh Công thương Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.
- Ngày 14 tháng 11 năm 1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ký Quyết định số 402/CT chuyển Ngân hàng Chuyên doanh Công thương Việt Nam thành Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Ngày 08 tháng 02 năm 1991, NHCT thành lập 69 chi nhánh trực thuộc theo Quyết định số 12/NHCT của Tổng Giám đốc NHCTVN.
- Ngày 20 tháng 04 năm 1991, thành lập Sở Giao dịch II NHCTVN theo Quyết định số 48/NH-QĐ của Thống đốc NHNNVN.
- Ngày 29 tháng 10 năm 1991, liên doanh Indovina được thành lập theo giấy phép số 08/NH-GPVN.
- Ngày 27 tháng 03 năm 1993, Ngân hàng Công thương Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 67/QĐ-NH5 của Thống đốc NHNN Việt Nam; thành lập và thành lập lại 77 chi nhánh trên cả nước theo Quyết định số 67/QĐ-NH5 của Thống đốc NHNNVN.
- Ngày 30 tháng 03 năm 1995, thành lập Sở Giao dịch NHCTVN (nay là Sở Giao dịch I) theo Quyết định số 83/NHCT-QĐ của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCTVN.
- Ngày 21 tháng 09 năm 1996 thành lập lại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo Quyết định 285/QĐ-NH5 của Thống đốc NHNNVN.
- Ngày 28 tháng 10 năm 1996, Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam được thành lập theo giấy phép số 01/GP-CTCTTC của Thống đốc NHNNVN.
- Ngày 01 tháng 07 năm 1997, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ được thành lập theo Quyết định số 37/QĐ-NHCT1 của Tổng Giám đốc NHCTVN, được đổi tên thành Trung tâm Đào tạo theo Quyết định số 52/QĐ-HĐQT-NHCT1 của Hội đồng quản trị NHCTVN ngày 29 tháng 06 năm 1998. Từ tháng 10/2008, Trung tâm này được đổi tên

thành Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo quyết định số 410/QĐ-HDQT-NHCT1 ngày 01/10/2008.

- Năm 2005, hệ thống thanh toán chuyển tiền của NHCTVN đã nhận được giải thưởng “Cúp vàng Top Ten – Thương hiệu Việt” của Cục Sở hữu trí tuệ và Hội Sở hữu Công nghiệp Việt Nam.

- Ngày 17 tháng 12 năm 2006, Ngân hàng Công thương Phúc Yên – một chi nhánh trong hệ thống NHCTVN – là ngân hàng duy nhất trong toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam được vinh dự nhận giải thưởng “Chất lượng Việt Nam” do Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng trao tặng.

- Năm 2006, NHCT vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì cho 01 tập thể, Huân chương Lao động hạng Ba cho 04 tập thể và 09 cá nhân, Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ cho 13 tập thể và 27 cá nhân, Cờ thi đua của Thủ tướng Chính Phủ cho 2 tập thể, bằng khen của Thống đốc NHNN cho 120 tập thể và cá nhân và các phần thưởng khác.

- Tháng 07 năm 2007, NHCT đã được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Chứng nhận Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu Vietinbank và logo. Trong năm 2007, NHCT cũng đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu Vietinbank và logo tại 40 quốc gia trên thế giới.

- Năm 2007, NHCT được trao tặng nhiều giải thưởng và danh hiệu lớn như Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” (lần thứ 4 liên tiếp), giải thưởng “Thương hiệu mạnh”, “Cúp vàng Thương hiệu và Nhân hiệu” (lần thứ 2 liên tiếp), “Cúp vàng Vì sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững”, “Cúp vàng ISO 2007”, Giải “Cầu vàng Việt Nam – The Best Banker 2007”. Tổng giám đốc NHCT cũng vinh dự đón nhận danh hiệu “Nhà quản lý giỏi”, “Doanh nhân tiêu biểu”, “Doanh nhân tâm tài” trong năm này.

- Ngày 12 tháng 11 năm 2007, NHCT bắt đầu triển khai phần mềm Chuyển tiền kiểu hối mới trên phạm vi toàn quốc. Đây là phần mềm hiện đại do NHCTVN tự nghiên cứu và phát triển, được tích hợp hoàn toàn với hệ thống Hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán của NHCTVN (INCAS), góp phần đưa NHCT trở thành NHTM hàng đầu ở Việt Nam cung cấp Dịch vụ chuyển tiền kiểu hối chất lượng cao.

- Năm 2007, NHCT vinh dự được Nhà nước tặng thưởng: 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 05 Huân chương Lao động hạng Nhì, 15 Huân chương Lao động hạng Ba và 50 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể và cá nhân.

- Ngày 09 tháng 01 năm 2008, NHCT được vinh dự bình chọn là một trong 5 Ngôi sao kinh doanh 2007 do Báo Thế giới và Việt Nam (Bộ Ngoại giao) lần đầu tiên phối hợp với Tạp chí Nhà kinh tế thuộc Tập đoàn Truyền thông The Economics (Anh) tổ chức.

- Ngày 16 tháng 01 năm 2008, Thống đốc NHNN ký Quyết định số 196/QĐ-NHNN chấp thuận cho NHCTVN được thay đổi tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh và tên viết tắt bằng tiếng Anh thành Vietinbank.

- Ngày 23 tháng 02 năm 2008, NHCT được chứng nhận đạt danh hiệu “Dịch vụ ngân hàng bán lẻ được hài lòng nhất năm 2008” do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra lần đầu tiên do Báo Sài Gòn Tiếp thị tổ chức.

- Ngày 03 tháng 03 năm 2008, NHCT vinh dự được đón nhận Huân chương Độc

lập hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng nhân kỷ niệm 20 năm “Xây dựng và phát triển”.

- Ngày 29 tháng 03 năm 2008, lần thứ 3 liên tiếp NHCTVN đạt danh hiệu “Thương hiệu mạnh Việt Nam”.

- Ngày 01 tháng 04 năm 2008 thành lập Sở giao dịch III theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1.

- Ngày 19 tháng 04 năm 2008, NHCT vinh dự nhận giải thưởng Cúp vàng “Vì sự nghiệp cộng đồng” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam, Hiệp hội các DNVVN Việt Nam, Báo Quân đội Nhân dân v.v. tổ chức; Tổng Giám đốc Phạm Xuân Lập vinh dự là một trong hai đại biểu ngành ngân hàng được trao tặng Cúp “Lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc” năm 2008.

- Ngoài ra cũng trong năm 2008, NHCT còn được trao tặng Giải thưởng “Sao vàng Thủ đô 2008” trao cho sản phẩm thẻ E-Partner; Cup vàng “Thương hiệu - Nhân hiệu” lần III; Giải thưởng “Cúp Vàng ISO lần thứ IV – 2008” do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức bình chọn và trao tặng. Chủ tịch HĐQT Phạm Huy Hùng được vinh dự nhận giải “Doanh nhân tâm tài lần II” và giải “Doanh nhân tiêu biểu Việt Nam Vàng”.

- Năm 2008, NHCT vinh dự được đón nhận thêm 2 Huân chương Lao động hạng Nhì, 36 Huân chương Lao động hạng Ba, 108 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể và cá nhân.

- Trong năm 2008, NHCT được nhận “Giải thưởng chất lượng quốc tế” International Star Award (ISAQ) tại Thụy Sĩ, trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được nhận vinh dự này. Giải thưởng này được Ủy ban Sáng kiến Kinh doanh (Business Initiative Directions BID) tổ chức trao hàng năm cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau trên toàn thế giới để quảng bá các sản phẩm và dịch vụ của mình.

- Tính từ năm thành lập (1988) đến nay NHCT đã được tặng thưởng: 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 04 Huân chương Lao động hạng Nhất, 22 Huân chương Lao động hạng Nhì, 121 Huân chương Lao động hạng Ba, 01 Huân chương Chiến công hạng ba, 03 tập thể được tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới”, 333 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 08 Cờ thi đua của Chính phủ, 20 Cờ Thi đua của Thống đốc NHNN và hàng ngàn bằng khen của Thống đốc và các bộ, ban, ngành v.v.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 03 năm 1997, cấp bổ sung lần thứ 6 ngày 20 tháng 12 năm 2007, NHCT đăng ký hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau:

3.1. Huy động vốn

Hoạt động huy động vốn bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng bằng nội và ngoại tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu, và các giấy tờ có giá khác để huy động nguồn vốn, vay từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài, vay từ NHNN, và các hình thức vay vốn khác theo quy định của NHNN.

3.2. Hoạt động tín dụng

Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chính của NHCT. Các hoạt động tín dụng của NHCT bao gồm cấp vốn vay bằng nội và ngoại tệ, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính, và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.

3.3. Hoạt động đầu tư

Các hoạt động đầu tư của NHCT được thực hiện thông qua việc tích cực tham gia vào thị trường liên ngân hàng và thị trường vốn. Tài sản đầu tư bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHNN, Công trái xây dựng Tổ quốc, Trái phiếu giáo dục, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, v.v. Ngoài ra NHCT còn góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp trong và ngoài nước và góp vốn liên doanh với các tổ chức nước ngoài.

3.4. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

NHCT tập trung cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng, bao gồm thanh toán trong nước và quốc tế, thu chi hộ khách hàng, thu chi bằng tiền mặt và séc.

3.5. Các hoạt động khác

Bên cạnh các dịch vụ kinh doanh chính, NHCT cung cấp một số dịch vụ bổ sung cho khách hàng bao gồm các hoạt động trên thị trường tiền tệ, kinh doanh giấy tờ có giá bằng VND và ngoại tệ, chuyển tiền trong nước và quốc tế, chuyển tiền kiều hối, kinh doanh vàng và ngoại hối, các hoạt động đại lý và ủy thác, bảo hiểm, các hoạt động chứng khoán thông qua các công ty con, dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ quản lý vốn, dịch vụ thấu chi, dịch vụ thẻ, gửi và giữ tài sản, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại, dịch vụ ngân hàng điện tử, v.v.

4. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp

- Dịch vụ thẻ (thẻ tín dụng quốc tế, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước)
- Dịch vụ chuyển tiền kiều hối
- Dịch vụ bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Dịch vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh
- Cho thuê tài chính
- Cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và đầu tư
- Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài nước
- Dịch vụ chứng khoán

- Dịch vụ mở và sử dụng tài khoản
- Dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu
- Các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước
- Dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- Dịch vụ chiết khấu và tái chiết khấu
- Các dịch vụ khác theo Điều lệ hoạt động của NHCTVN.

5. Cơ cấu lao động

Hiện tại, tổng số lao động của NHCT là 14.334 người, được phân loại như sau:

Bảng 1: Phân loại lao động tại thời điểm 30/09/2008

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1.	<i>Phân theo trình độ:</i>	14.334	100%
+	Đại học và trên Đại học	9.685	67,57%
+	Cao đẳng và cao cấp	723	5,04%
+	Trung cấp và sơ cấp	1.421	9,91%
+	Khác	2.505	17,48%
2.	<i>Phân theo thời hạn lao động:</i>	14.334	100%
+	Lao động không phải ký hợp đồng	27	0,19%
+	Lao động không xác định thời hạn	11.590	80,86%
+	Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm	1.808	12,61%
+	Lao động có thời hạn dưới 1 năm	909	6,34%
3.	<i>Phân loại theo đơn vị kinh doanh</i>	14.334	100%
+	Tại Hội sở chính	776	5,41%
+	Tại chi nhánh, Công ty trực thuộc và đơn vị sự nghiệp khác	13.558	94,59%

NHCT luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của hệ thống NHCT. Thực hiện chủ trương trên,

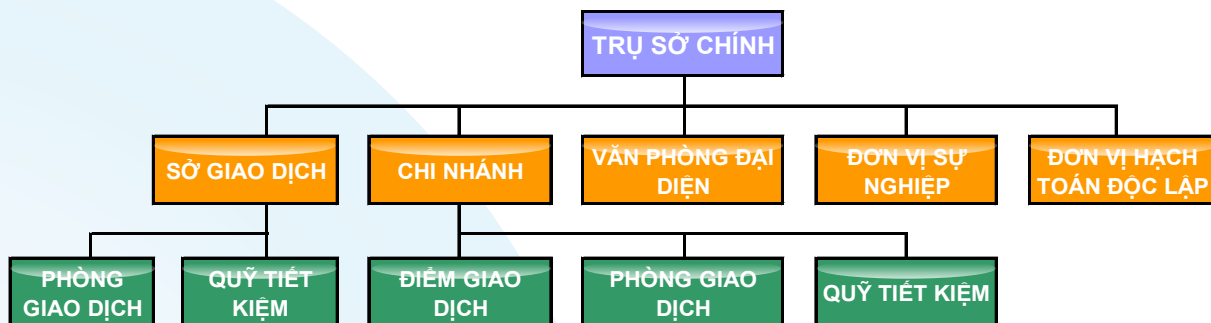
NHCT đã không ngừng tăng cường và cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

Hàng năm, NHCT thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để các đơn vị tự chủ trong hoạt động kinh doanh, tiếp cận phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, dịch vụ; thường xuyên tổ chức các đợt học tập, thực tập, khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước về các lĩnh vực then chốt như quản trị rủi ro, giải pháp công nghệ cho ngân hàng, tài trợ thương mại, thẩm định, dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ, v.v. Đặc biệt, NHCT chú trọng nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất và năng lực cán bộ cho sự nghiệp phát triển của Ngân hàng, quan tâm tới chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, ưu đãi tiền lương cán bộ, thu hút tuyển dụng nhân tài, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người đúng việc để phát huy hiệu quả công tác quản trị điều hành.

6. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức của NHCT thời điểm trước Cổ phần hóa được trình bày theo sơ đồ sau:

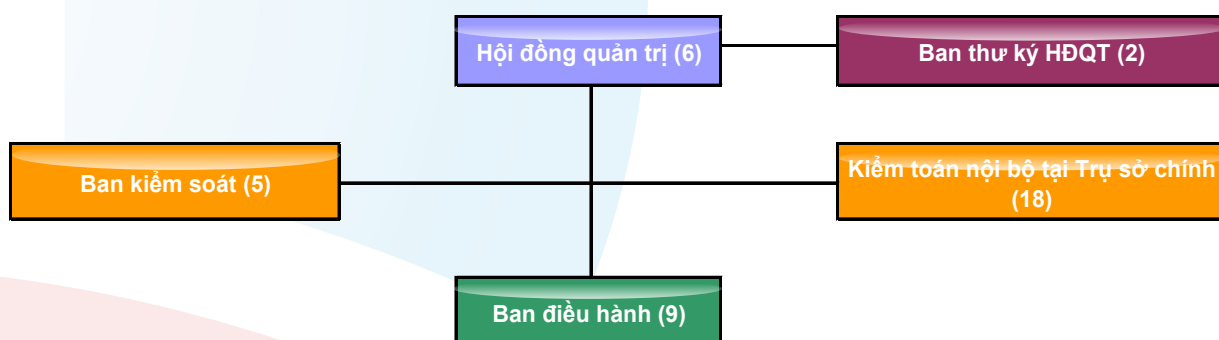
Hình 1: Hệ thống tổ chức



Nguồn: VietinBank

Cơ cấu tổ chức của NHCT bao gồm Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và một số phòng ban giúp việc khác thực hiện báo cáo cho HĐQT. Cơ cấu tóm tắt như sau:

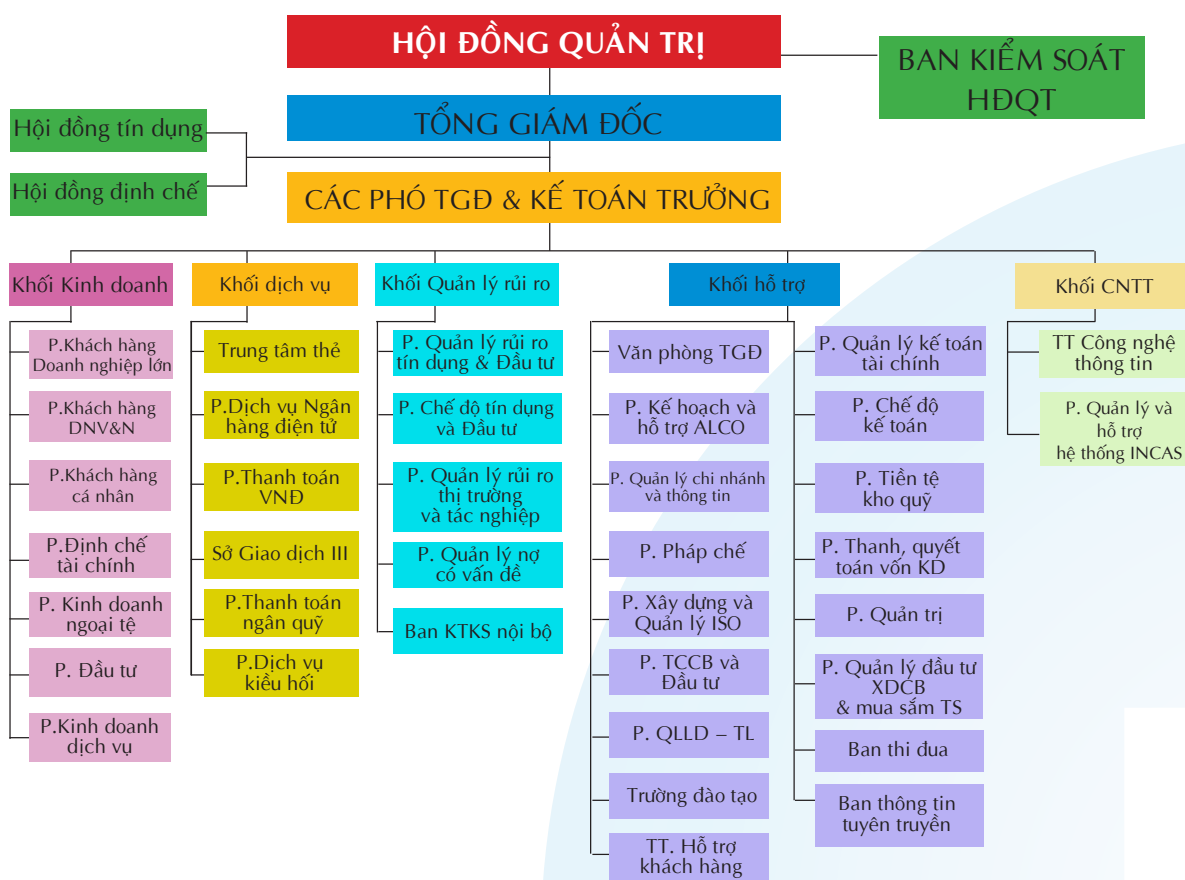
Hình 2: Cơ cấu bộ máy điều hành



Nguồn: VietinBank (Con số trong ngoặc đơn chỉ số người trong bộ phận)

Hiện nay, NHCT được tổ chức theo mô hình một ban điều hành cao cấp bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của NHCT được phân chia thành các khối chức năng như sau:

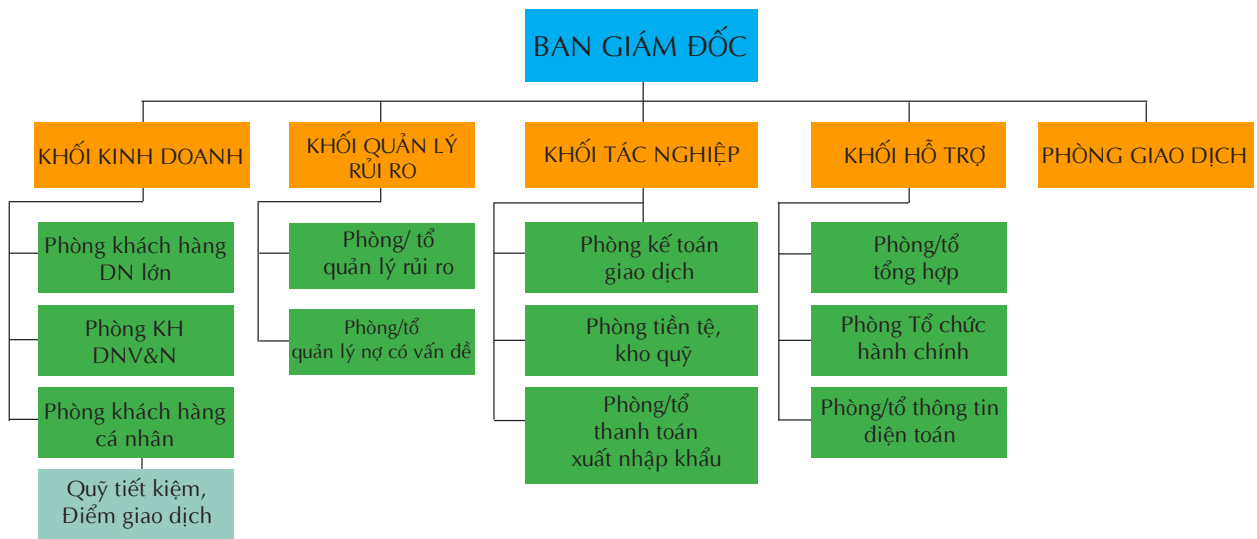
Hình 3: Cơ cấu tổ chức (Trụ sở chính)



Nguồn: Vietinbank

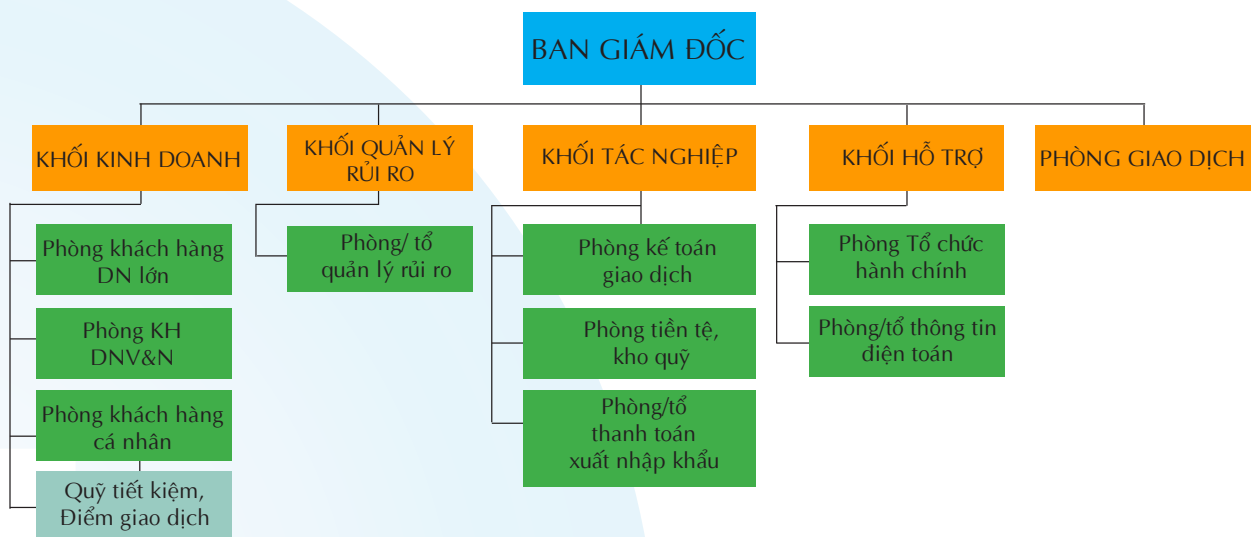
Các chi nhánh của NHCT được cơ cấu theo hai mô hình tổ chức sau:

Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)



Nguồn: Vietinbank

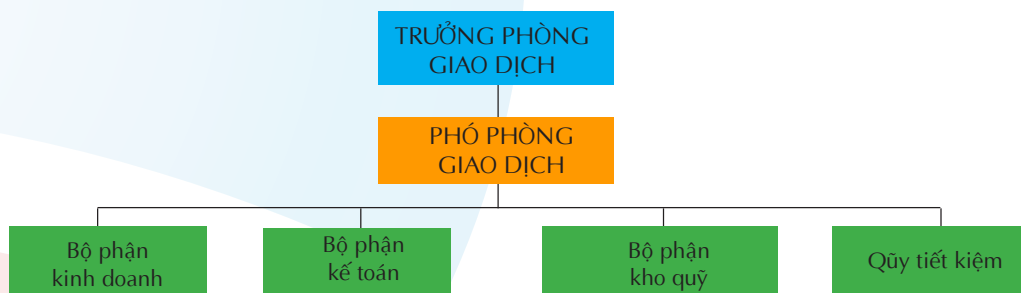
Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)



Nguồn: Vietinbank

Cơ cấu tổ chức của Phòng Giao dịch được thể hiện như sau:

Hình 6: Cơ cấu tổ chức: Phòng Giao dịch



Nguồn: Vietinbank

7. Bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp

NHCT được tổ chức và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2004.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành NHCT là các văn bản pháp luật của Nhà nước và Điều lệ được Hội đồng quản trị NHCTVN ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 18/11/2002, và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y tại Quyết định số 1325/QĐ-NHNN ngày 28/11/2002.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của NHCT. Hội đồng quản trị quản lý NHCT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, các quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của NHTM và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên của Hội đồng quản trị do Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ nhiệm và có thể được bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị hiện có 06 thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và 01 Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát HĐQT.

Hội đồng quản trị của NHCT:

Ông Phạm Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT

Phó Trưởng phòng tín dụng NHCT từ năm 1990 đến năm 1992
Trưởng phòng Tiền tệ NHCT từ năm 1992 đến năm 1993
Phó Giám đốc NHCT Ba Đình từ năm 1993 đến năm 1994
Giám đốc NHCT Ba Đình từ năm 1994 đến năm 1996
Phó Tổng giám đốc NHCT từ năm 1996 đến năm 2002
Giữ chức UVHĐQT kiêm Tổng giám đốc NHCT từ năm 2002 đến 2007
Từ tháng 11 năm 2007 đến nay giữ chức Chủ tịch HĐQT NHCT
Bằng cấp: Tiến sỹ Kinh tế, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Ông Phạm Xuân Lập - UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giám đốc điều hành Hội sở NHCT từ năm 1994 đến năm 1996
Phó Giám đốc NHCT Chương Dương từ tháng 5/1996 đến tháng 12/1996
Giám đốc NHCT Ba Đình từ năm 1997 đến năm 1999
Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ năm 1999 đến năm 2007
Từ năm 2007 đến nay giữ chức Tổng Giám đốc, kiêm UVHĐQT, kiêm Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy NHCT
Bằng cấp: Tiến sỹ kinh tế, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Bà Phạm Thị Hoàng Tâm - UV HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát

Phó Giám đốc NHCT Bến Tre từ năm 1988 đến năm 1991
Giám đốc NHCT Bến Tre từ năm 1991 đến năm 1999
Phó Tổng Giám đốc NHCT từ năm 1999 đến năm 2003
Phó Tổng Giám đốc NHPT Nhà Đồng Bằng sông Cửu Long từ 2003 đến 2006
Từ năm 2006 đến tháng 8/2007 giữ chức UV HĐQT, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê Tài chính NHCT
Từ 2007 đến nay: UV HĐQT, kiêm Trưởng ban Kiểm soát NHCT, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê Tài chính NHCT
Bằng cấp: Tiến sỹ kinh tế, cử nhân lý luận chính trị.

Bà Đỗ Thị Thủy - UV HĐQT

Phó phòng Tín dụng ngắn hạn NHCT từ năm 2001 đến năm 2003
Trưởng phòng Tín dụng ngắn hạn NHCT từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2003
Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn NHCT từ năm 2003 đến 2007
Giám đốc NHCT chi nhánh Ba Đình từ năm 2007 đến năm 2008
Giữ chức UV HĐQT NHCT từ tháng 8 năm 2008 đến nay
Bằng cấp: Tiến sỹ kinh tế, Trung cấp lý luận chính trị.

Ông Trần Xuân Châu - UV HĐQT

Phó phòng phụ trách phòng Quản lý Tổ chức tín dụng cổ phần đô thị Vụ các định chế tài chính NHNN từ năm 1991 đến năm 1993
Vụ phó Vụ các định chế tài chính NHNN từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1998
Phó Vụ trưởng Vụ các ngân hàng và các Tổ chức tín dụng phi ngân hàng, NHNN-VN từ năm 1998 đến năm 2008
Từ tháng 8/2008 đến nay giữ chức UV HĐQT NHCT
Bằng cấp: Cử nhân kinh tế Đại học KTQD, lý luận chính trị cao cấp.

Bà Nguyễn Hồng Vân - UV HĐQT

Phó phòng Cân đối tổng hợp NHCT từ năm 1995 đến năm 2003
Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp và đầu tư NHCT từ năm 2003 đến 2006
Trưởng phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO từ tháng 3 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008
Từ tháng 9 năm 2008 đến nay: giữ chức UV HĐQT NHCT
Bằng cấp: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, trình độ lý luận chính trị trung cấp.

Ban Điều hành

Tổng Giám đốc NHCT là đại diện theo pháp luật của NHCT, là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Tổng Giám đốc do Thống đốc NHNN bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của HĐQT. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ.

Thành viên Ban Điều hành của NHCT:

Ông Phạm Xuân Lập

Tổng Giám đốc kiêm UV HĐQT (trích ngang đã nêu trên)

Ông Nguyễn Việt Mạnh - Phó Tổng Giám đốc thường trực

Phó Trưởng phòng Kế toán NHCT Đống Đa từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1993

Trưởng phòng Kế toán NHCT Đống Đa từ năm 1993 đến năm 1997

Phó Giám đốc NHCT Đống Đa từ năm 1997 đến năm 1999

Giám đốc NHCT Đống Đa từ tháng 2 đến tháng 9 năm 1999

Giám đốc NHCT Ba Đình từ năm 1999 đến năm 2003

Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ năm 2003 đến nay

Bằng cấp: Thạc sỹ Kinh tế, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Ông Nguyễn Văn Thạnh - Phó Tổng Giám đốc

Phó Trưởng phòng Kế toán NHCT từ năm 1991 đến năm 1994

Chánh văn phòng NHCT từ năm 1994 đến năm 1996

Giữ chức Trưởng phòng Quản lý tài chính NHCT từ năm 1996 đến năm 1999

Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ năm 1999 đến nay

Bằng cấp: Tiến sỹ Kinh tế, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Ông Võ Tấn Thành - Phó Tổng Giám đốc

Phó Giám đốc Quỹ Tiết kiệm, Phó Giám đốc NHNN tỉnh Tây Ninh từ năm 1980 đến năm 1988

Giám đốc NHCT tỉnh Tây Ninh từ năm 1988 đến năm 1994

Giám đốc Sở Giao dịch II NHCT từ năm 1994 đến năm 1995

Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ tháng 4 năm 1995 đến nay

Bằng cấp: Cử nhân Đại học ngoại ngữ, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Bà Nguyễn Phương Ly - Phó Tổng Giám đốc

Cán bộ, Phó phòng Tín dụng NHCT từ năm 1988 đến năm 1995

Trưởng phòng Tổ chức cán bộ NHCT từ năm 1995 đến năm 2003

Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ năm 2003 đến nay

Bằng cấp: Thạc sỹ Quản lý Nhà nước, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Ông Nguyễn Văn Du - Phó Tổng Giám đốc

Trưởng phòng Khai thác vốn Quốc tế và Phát triển sản phẩm mới NHCT từ năm 1996 đến năm 2003.

Trưởng Phòng TCCB và Đào tạo NHCT từ năm 2003 đến tháng 8/2008

Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ tháng 8 năm 2008 đến nay

Bằng cấp: Thạc sỹ Kinh tế, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Ông Phạm Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

Phó phòng Thông tin điện toán Sở Giao dịch II từ năm 1997 đến năm 1999
Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin NHCT từ tháng 6 năm 1999 đến năm 2008

Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ tháng 8 năm 2008 đến nay
Bằng cấp: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, trung cấp lý luận chính trị.

Bà Bùi Như Ý - Phó Tổng Giám đốc

Phó phòng Xây dựng & QLDA đầu tư NHCT từ năm 1995 đến năm 1997
Phó phòng Quản lý dự án và Tín dụng trung, dài hạn NHCT từ năm 1997 đến năm 2003

Trưởng phòng Quản lý tín dụng NHCT từ năm 2003 đến năm 2006
Trưởng phòng Chế độ tín dụng đầu tư NHCT từ năm 2006 đến năm 2008
Giữ chức Phó Tổng giám đốc NHCT từ tháng 8 năm 2008 đến nay
Bằng cấp: Thạc sỹ Kinh tế, trung cấp lý luận chính trị.

Ông Nguyễn Văn Chung – Kế toán trưởng

Phó phòng Kế toán tài chính NHCT từ năm 1992 đến năm 1994
Trưởng phòng Thanh toán quốc tế NHCT từ năm 1994 đến năm 1998
Giữ chức Kế toán trưởng NHCT từ năm 1998 đến nay
Bằng cấp: Cử nhân Tài chính kế toán, trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Ban Kiểm soát HĐQT

Ban Kiểm soát HĐQT thực thi chức năng của HĐQT về công tác kiểm soát, kiểm toán đối với hoạt động của Ban Giám đốc theo quy định hiện hành và Điều lệ NHCT. Ban Kiểm soát do HĐQT thành lập, là bộ phận giúp việc cho HĐQT thực hiện chức năng kiểm soát, kiểm toán hoạt động của NHCT. Ban Kiểm soát có 06 thành viên, trong đó có Trưởng Ban và 05 thành viên chuyên trách.

Thành viên Ban Kiểm soát HĐQT của NHCT:

Bà Phạm Thị Hoàng Tâm

Trưởng Ban Kiểm soát kiêm UV HĐQT (trích ngang đã nêu trên)

Ông Đỗ Văn Khả - Thành viên

Bà Vương Thị Minh Hiền - Thành viên

Ông Lê Quốc Hùng - Thành viên

Bà Phan Thị Quý - Thành viên

Ông Vũ Trần Bình - Thành viên

8. Danh sách các công ty NHCT đang nắm giữ toàn bộ vốn, quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bên cạnh các hoạt động chính của một ngân hàng thương mại, NHCT còn thực hiện các hoạt động khác như đầu tư vào các công ty con với việc sở hữu 100% vốn và vào các Công ty liên doanh, liên kết. Năm 2006 và 2007, tất cả các công ty mà NHCT tham gia liên doanh, góp vốn cổ phần đều hoạt động có lãi. Đến 31/12/2007, NHCT đã đầu tư 630 tỷ đồng theo giá trị sổ sách vào 3 công ty con do NHCT sở hữu 100%, cụ thể:

Bảng 2: Danh sách các công ty mà NHCT đang nắm giữ 100% vốn (thời điểm 31/12/2007)

Nguồn: VietinBank

Pháp nhân được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh chính	Giá trị sổ sách (tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cho thuê tài chính NHCTVN	Cho thuê tài chính, mua và cho thuê lại, nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị vận chuyển, tư vấn cho thuê tài chính, cung cấp dịch vụ ủy thác, quản lý tài sản và bảo lãnh	300	100
Công ty Chứng khoán NHCTVN	Kinh doanh chứng khoán và các hoạt động khác theo quy định của Luật chứng khoán	300	100
Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản NHCTVN	Quản lý tài sản	30	100
Tổng		630	

NHCT kiểm soát và chi phối hoạt động của các công ty con, kể cả việc bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên, quy trình và quy chế hoạt động và các vấn đề quan trọng khác về hoạt động và tổ chức.

Ngoài việc đầu tư vào các công ty con do NHCTVN sở hữu 100% vốn NHCT còn nắm giữ cổ phần hoặc góp vốn với tổng giá trị 394,5 tỷ đồng tính theo giá trị sổ sách (thời điểm 31/12/2007), vào 2 công ty sau:

Bảng 3: Danh sách các công ty mà NHCT là đồng sáng lập và nắm giữ cổ phần, phần vốn góp chi phối (thời điểm 31/12/2007)

Pháp nhân được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh chính	Giá trị số sách (tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ngân hàng Indovina	Ngân hàng - Tài chính	348,3	50
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Châu Á – NHCT (IAI)	Bảo hiểm	46,2	50
		394,5	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2007 Vietinbank

Căn cứ vào tỷ lệ cổ phần hoặc phần góp vốn nắm giữ, NHCT có thể đề xuất đại diện của mình tham gia Hội đồng quản trị, tham gia vào việc điều hành và quản lý các công ty này cũng như xây dựng các quy trình hoạt động kinh doanh và tham dự các Đại hội cổ đông hoặc hội đồng thành viên thường niên của công ty.

II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BA NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Hoạt động kinh doanh

1.1. Tình hình huy động vốn

Trong giai đoạn 2004 – 2007 và đặc biệt bước vào năm 2008, thị trường tiền tệ đã có nhiều biến động về lãi suất trong nước và quốc tế, lạm phát và cạnh tranh giữa các TCTD trong nước về huy động vốn đã ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của các NHTM nói chung và NHCT nói riêng. Mặc dù môi trường đầy thách thức, NHCT đã thành công trong việc tăng cường các hoạt động huy động vốn bằng cách áp dụng chiến lược huy động vốn với quan điểm đảm bảo hoạt động kinh doanh song song với việc tuân thủ các quy định hiện hành. Các chiến lược huy động vốn của NHCT như sau:

Phát triển các sản phẩm mới với sự hỗ trợ của các hoạt động khuyến mại có trọng điểm và tích cực quảng bá sản phẩm dịch vụ tới các cá nhân.

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về tiền gửi tiết kiệm, về phát hành giấy tờ có giá trong hệ thống NHCTVN.

Áp dụng các sản phẩm huy động mới trong thị trường nội địa và quốc tế, đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi, linh hoạt về thời hạn và lãi suất huy động như sản phẩm tiết kiệm rút gốc linh hoạt, sản phẩm tiết kiệm lãi suất bậc thang, tiết kiệm cùng với bảo hiểm, phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi v.v., phối hợp với các bộ phận chức năng khác để phát triển sản phẩm thẻ nhằm tăng cường khả năng huy động vốn.

Áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt dựa trên yếu tố cung - cầu, cũng như lãi suất khác nhau giữa các chi nhánh của NHCT. NHCT có hệ thống mạng lưới rộng khắp trên toàn quốc nên có thể khai thác tối đa lợi thế của từng vùng, miền để huy động và sử dụng

vốn một cách có hiệu quả.

Nguồn vốn huy động của NHCTVN bao gồm:

Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước và các TCTD khác;

Vay từ NHNN;

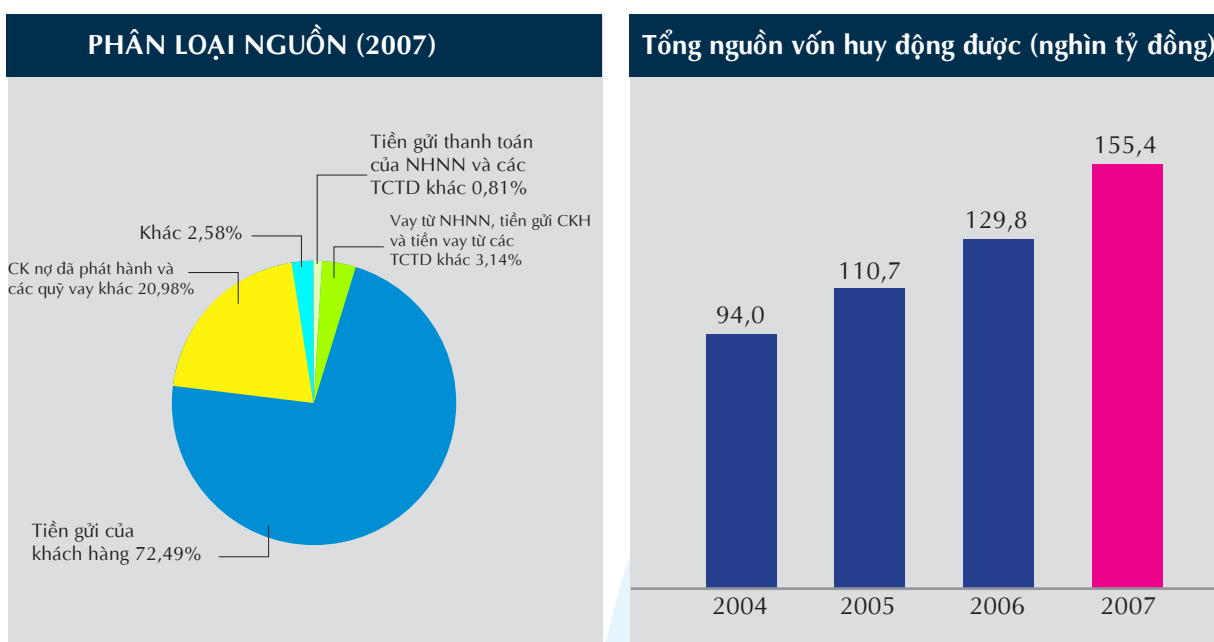
Tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các TCTD khác;

Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng;

Các nguồn vốn vay khác.

Tiền gửi của khách hàng là nguồn huy động vốn lớn nhất, chiếm trên 70% nguồn vốn huy động của Ngân hàng :

Hình 7: Phân tích hoạt động huy động vốn



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 Vietinbank

Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của Vietinbank theo các khoản huy động

Chỉ tiêu	2004		2005		2006		2007	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
Tiền gửi thanh toán của NHNN và các TCTD	810.980	0,86	2.426.565	2,19	236.792	0,18	1.263.234	0,81
Vay từ NHNN, tiền gửi CKH và tiền vay từ các TCTD khác	4.161.676	4,43	2.595.346	2,34	5.178.313	3,99	4.878.367	3,14
Tiền gửi của khách hàng	72.258.562	76,86	84.387.013	76,18	91.505.860	70,49	112.692.813	72,49
Chứng khoán nợ đã phát hành và các quỹ vay khác	15.299.209	16,27	19.196.691	17,33	29.704.053	22,88	32.624.916	20,98
Khác	1.477.591	1,57	2.160.516	1,95	3.179.877	2,45	4.007.112	2,58
Tổng	94.008.018	100	110.766.131	100	129.804.895	100	155.466.442	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 Vietinbank

Vay Ngân hàng Nhà nước: Chi tiết các khoản vay NHNNVN như sau:

Bảng 5: Vay NHNNVN

Chỉ tiêu	2004		2005		2006		2007	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
Vay hỗ trợ các khoản nợ khoanh cho DNNN bằng VND	75.162	3	47.922	18	0	0	0	0
Vay hỗ trợ nạn nhân bị thiên tai	94.121	4	53.928	20	53.928	11,0	53.928	7,6
Vay hỗ trợ các DNNN	63.551	3	84.260	32	57.697	11,7	54.411	7,6
Vay thực hiện dự án Hiện đại hóa ngân hàng bằng ngoại tệ	85.922	3	79.129	30	72.567	14,7	65.021	9,1
Vay thương mại bằng VND	2.121.259	87	0	0	0	0	0	0
Các khoản khác	236	0	0	0	307.171	62,6	539.385	75,7
Tổng	2.440.251	100	265.239	100	491.363	100	712.745	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 Vietinbank

Vay từ NHNN để hỗ trợ các khoản nợ khoanh nhằm củng cố khả năng thanh khoản của Ngân hàng là do tình trạng “treo” của các khoản nợ trước đây cấp cho các DNNN

theo chỉ định của Chính Phủ. Các khoản vay này không chịu lãi suất và có thời hạn 5 năm, có thể được gia hạn khi đáo hạn tùy thuộc vào tình hình thu nợ thực tế. Từ năm 2006 NHCT đã giải quyết xong các khoản nợ này.

Các khoản vay đặc biệt là các khoản vay từ NHNN nhằm hỗ trợ người dân bị thiên tai trong năm 1997 và 1999 theo hướng dẫn của Chính phủ. Các khoản vay này chịu lãi suất 0% đến 2,4%/năm.

Vay để cho vay lại nhằm giải quyết các khoản nợ của các DNNN là số tiền nhận được từ NHNN, cho doanh nghiệp vay lại nhằm giải quyết các khoản nợ giữa các DNNN theo chương trình thanh toán nợ giữa các DNNN của Chính phủ. Các khoản vay này chịu lãi suất 2,4%/năm.

Vay bằng ngoại tệ để thực hiện Dự án Hiện đại hoá Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán là các khoản vay lại NHNN từ vốn vay World Bank để thanh toán cho nhà cung cấp Hệ thống CNTT của NHCT. Các khoản vay này có thời hạn 20 năm và chịu lãi suất từ 2,86% đến 3,89%/năm (lãi suất LIBOR 6 tháng + chênh lệch 1,5% + phí dịch vụ 0,2%).

Năm 2004 là năm có tỷ lệ vay NHNN khá cao để thanh toán các khoản nợ thương mại bằng VND, chủ yếu do tăng nhu cầu vay từ các khách hàng của NHCT. Từ năm 2005, NHCT đã tăng nguồn vốn huy động để đảm bảo đủ vốn tài trợ cho các khoản vay thương mại nên từ năm 2005 đến nay đã không phát sinh khoản vay trên.

Trong các khoản vay khác năm 2007 gồm: (i) khoản vay chiết khấu Tín phiếu NHNN trị giá 218.000 triệu đồng trên tổng hạn mức 218.000 triệu đồng được phân bổ bởi NHNN, có kỳ hạn 90 ngày, lãi suất 7,75%/năm; (ii) tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước 321.385 triệu đồng và (iii) các khoản vay khác chiếm tỷ trọng nhỏ như: vay để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, vay thực hiện dự án hiện đại hóa ngân hàng và vay hỗ trợ các DNNN.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các ngân hàng khác

Tại thời điểm 31/12/2007, tổng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và vay các TCTD khác là 4.165 tỷ đồng (tại thời điểm 30/09/2008 tổng tiền gửi và vay các TCTD khác là 11.173 tỷ đồng). Với mạng lưới rộng lớn khắp cả nước và với vai trò là ngân hàng cung cấp khả năng thanh khoản cho các ngân hàng khác, NHCT có hệ thống tài khoản của các ngân hàng thương mại cả trong nước và nước ngoài vừa thực hiện các dịch vụ thanh toán hộ các ngân hàng, vừa thực hiện vai trò là ngân hàng quản lý tiền gửi cho các ngân hàng thương mại ngoài ra NHCT còn có chức năng nhận tiền gửi đầu tư của các ngân hàng khác trên thị trường liên ngân hàng. Các chức năng này được NHCT thực hiện linh hoạt, bên cạnh đó, NHCT cũng sử dụng nguồn vay từ NHNN bằng cả nội và ngoại tệ để

tăng cường năng lực hoạt động.

Bảng 6: Vay và nhận tiền gửi có kỳ hạn từ các TCTD khác

Chỉ tiêu	2004		2005		2006		2007	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VND	1.615.151	94	2.193.071	94	3.522.989	75	3.480.000	84
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	36.274	2	57.036	2,5	1.053.961	23	370.622	9,5
Vay từ các TCTD trong nước bằng VND	70.000	4	80.000	3,5	110.000	2	315.000	7,5
Tổng	1.721.425	100	2.330.107	100	4.686.950	100	4.165.622	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 Vietinbank

Tiền gửi của khách hàng

Tính đến thời điểm 31/12/2007, tiền gửi của khách hàng tăng 23,2% lên 112.693 tỷ đồng so với 91.506 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2006, (tại thời điểm 30/09/2008 tiền gửi của khách hàng là 112.514 tỷ đồng), trong đó có sự đóng góp lớn của tăng trưởng tiền gửi có kỳ hạn bằng cả VND và ngoại tệ.

Bảng 7: Tiền gửi của khách hàng

Chỉ tiêu	2004		2005		2006		2007	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
Tiền gửi không kỳ hạn	24.912.202	34,48	27.905.495	33,07	24.341.752	26,60	29.354.060	26,05
Tiền gửi KKH bằng VND	22.852.650	31,63	25.790.466	30,56	21.794.927	23,82	25.537.677	22,66
Tiền gửi tiết kiệm KHH bằng VND	503.415	0,70	303.145	0,36	205.161	0,22	557.426	0,49
Tiền gửi KHH bằng ngoại tệ	1.348.004	1,87	1.703.518	2,02	2.298.478	2,51	3.219.531	2,86
Tiền gửi tiết kiệm KHH bằng ngoại tệ	208.133	0,29	108.366	0,13	43.186	0,05	39.426	0,03
Tiền gửi có kỳ hạn	42.255.836	58,48	50.135.777	59,41	65.158.332	71,21	79.627.947	70,66
Tiền gửi CKH bằng VND	9.083.695	12,57	10.758.331	12,75	19.599.905	21,42	26.715.367	23,71
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	21.310.137	29,49	27.189.171	32,22	31.966.928	34,93	38.957.974	34,57
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	282.573	0,39	419.122	0,50	1.211.953	1,32	2.121.006	1,88
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	11.579.431	16,02	11.769.153	13,95	12.379.546	13,53	11.833.600	10,50
Chứng chỉ tiền gửi (CCTG)	3.899.441	5,40	5.057.860	5,99	0	0,00	0	0,00
CCTG bằng VND	3.899.213	5,40	4.378.395	5,19	0	0,00	0	0,00
CCTG bằng ngoại tệ	228	0,00	679.465	0,81	0	0,00	0	0,00
Tiền ký quỹ	825.406	1,14	908.851	1,08	1.393.970	1,52	2.599.884	2,31
Bằng VND	247.470	0,34	475.004	0,56	832.826	0,91	1.601.637	1,42
Bằng ngoại tệ	577.936	0,80	433.847	0,51	561.144	0,61	998.247	0,89
Chuyển tiền phải trả	52.531	0,07	79.155	0,09	177.193	0,19	134.485	0,12
Bằng VND	31.130	0,04	60.118	0,07	160.388	0,18	116.790	0,10
Bằng ngoại tệ	21.401	0,03	19.037	0,02	16.805	0,02	17.695	0,02
Các khoản phải trả khác	313.146	0,43	299.875	0,36	434.613	0,47	976.437	0,87
Tổng	72.258.562	100	84.387.013	100	91.505.860	100	112.692.813	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 Vietinbank

Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 97%) trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng. Khoảng 16% tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn của NHCT là tiền gửi bằng ngoại tệ. Tỷ lệ tiền gửi bằng VND ngày càng tăng lên (đặc biệt là tiền gửi

có kỳ hạn) do NHCT có chiến lược huy động tiền gửi bằng đồng nội tệ. NHCT là ngân hàng trong nhóm dẫn đầu về nguồn tiền gửi nội tệ.

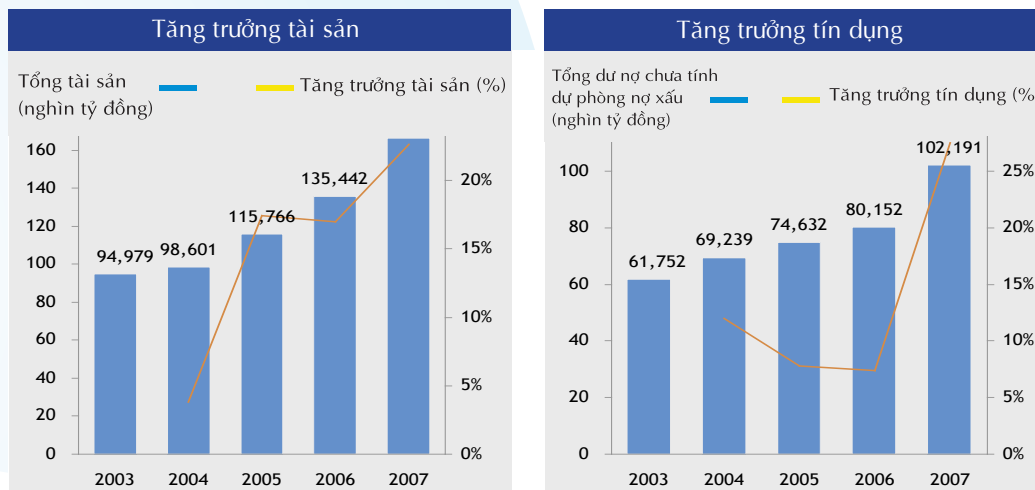
Cùng với vai trò ngày càng quan trọng của tiền gửi bằng đồng nội tệ, NHCT đã mở rộng cơ cấu kỳ hạn của tiền gửi để đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn với mức lãi suất cao hơn thay vì tiền gửi không kỳ hạn. Xu hướng này cũng phản ánh sự phát triển không ngừng của các sản phẩm có kỳ hạn của NHCT. Vào cuối năm tài chính 2006 và 2007, tiền gửi có kỳ hạn chiếm trung bình 71% tổng số tiền gửi của khách hàng, tăng so với tỷ lệ trung bình 59% vào cuối năm tài chính 2005.

Theo các quy định của NHNN, NHCT phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới hình thức dự trữ bắt buộc. NHCT đã tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN về tính toán và duy trì dự trữ bắt buộc tại NHNN. Để tăng cường bảo vệ người gửi tiền, NHCT đã tham gia mua bảo hiểm tiền gửi tại công ty Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam – Một tổ chức tài chính trực thuộc Chính phủ, đảm bảo bất kỳ khi nào NHCT mất khả năng thanh toán, tiền gửi của người gửi tiền vẫn được chi trả.

1.2. Hoạt động tín dụng

Cùng với sự tăng trưởng mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian gần đây, NHCT đạt tốc độ tăng trưởng mạnh về tài sản. Từ năm 2003 đến năm 2007, tổng tài sản của NHCT đã tăng gần 2 lần, từ 94.979 tỷ đồng lên khoảng 166.000 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/09/2008, tổng tài sản của NHCT được ghi nhận là 187.534 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này chủ yếu là do tăng dư nợ cho vay. Đặc biệt doanh thu và thu nhập từ cho vay doanh nghiệp tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu từ nghiệp vụ ngân hàng thương mại và tài sản. Dư nợ cho vay doanh nghiệp (tài sản có sinh lời) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản có của NHCTVN.

Hình 8: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2004, 2005, 2006, 2007 Vietinbank

Kể từ khi thành lập, hoạt động cho vay là phần trọng tâm trong chiến lược kinh doanh của NHCT. Những năm gần đây, tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của NHCT giảm do rất nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do NHCT có chiến lược chuyển dịch cơ cấu hoạt động trực tiếp sang kinh doanh dịch vụ - phù hợp với thông lệ quốc tế và hoạt động của ngân hàng hiện đại. Mặt khác, NHCT cũng nhận thức rõ việc quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay và điều hành hoạt động tín dụng sát hơn với các quy định quốc tế cũng như các quy định của NHNN về quản trị rủi ro theo Basel II về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn trong hoạt động. NHCT cũng đã nỗ lực xây dựng các hệ thống chính sách, quản lý và theo dõi, đảm bảo cho các khoản vay được kiểm soát chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.

Những năm gần đây, tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản có sinh lời giảm, trong khi các hoạt động dịch vụ của ngân hàng như: hoạt động kinh doanh nguồn vốn, chuyển tiền kiều hối, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại v.v. tăng mạnh. Trong tương lai, các hoạt động tài chính ngoài cho vay như tiền gửi và đầu tư dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hoá danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro cũng như đảm bảo tính thanh khoản của NHCT.

Trong thời gian gần đây, chiến lược của NHCT là tập trung nâng cao năng lực quản trị tín dụng theo định hướng áp dụng các thông lệ quốc tế và thực hành tốt nhất, hoàn thiện các quy chế, quy trình tín dụng cũng như các sản phẩm tín dụng phù hợp với nhu cầu thị trường. Các sản phẩm tín dụng ngày càng được đa dạng hoá, chủ yếu được chia làm 2 loại: tín dụng doanh nghiệp và tín dụng cá nhân.

Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính của NHCT là cung cấp tín dụng cho khách hàng là doanh nghiệp. Từ hoạt động tín dụng truyền thống là cho vay công nghiệp, thương nghiệp, NHCT đã mở rộng sản phẩm tín dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ, và đầu tư phát triển. NHCT không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn có các dự án trọng điểm, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt, mặt khác để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, NHCT cũng rất chú trọng phát triển sản phẩm tín dụng đối với khối các DNVVN.

Các khách hàng lớn của NHCT bao gồm các Tập đoàn và Tổng Công ty như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng công ty Thép, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex, Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex), Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam v.v. Trong năm 2006, NHCT đã thẩm định và ký kết cấp tín dụng cho 23 dự án lớn với tổng số tiền cam kết là 10.858 tỷ đồng. Trong đó, NHCT làm đầu mối thu xếp cho vay đồng tài trợ cho nhiều dự án, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế quốc gia như: Dự án Vệ tinh viễn thông Vinasat tổng vốn đầu tư 108 triệu USD, Dự án Xi măng Bim Sơn tổng vốn đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng, 4 dự án thủy điện lớn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

v.v. NHCT đã cho vay đồng tài trợ 83 dự án lớn, tổng dư nợ gần 10.000 tỷ đồng, trong đó có Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La, Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Tranh, Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ, Dự án Nhà máy Thủy điện Sesan 3 v.v. và nhiều dự án mua tàu của Tổng Công ty Hàng Hải, Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy, Tập đoàn Dầu khí quốc gia.

DNVVN hiện đang là nhóm khách hàng mục tiêu của NHCT, chiếm khoảng 80% số lượng khách hàng doanh nghiệp của NHCT với dư nợ chiếm trên 40% dư nợ toàn hệ thống. Với định hướng phát triển nhóm khách hàng này, ngay từ năm 2003, NHCT đã thành lập bộ phận chuyên trách phục vụ khách hàng DNVVN xuyên suốt từ Trụ sở chính tới các chi nhánh. Đồng thời NHCT cũng rất chú trọng việc phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với các DNVVN. Ngoài các sản phẩm dịch vụ áp dụng với mọi đối tượng khách hàng, bằng nguồn vốn tự huy động hoặc kết hợp với các nguồn vay quốc tế, NHCT đã thiết kế tới 9 chương trình tín dụng cho DNVVN. Dư nợ của các Chương trình này khoảng 1.100 tỷ đồng, chất lượng nợ rất tốt. NHCT thực hiện chính sách không phân biệt đối xử đối với mọi qui mô doanh nghiệp, loại hình, thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, để thu hút và giữ vững các khách hàng tốt, NHCT đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ phi tài chính như cung cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo, hỗ trợ khách hàng DNVVN tham gia các sự kiện v.v. miễn phí cho DNVVN. Ngân hàng cũng đã khai thác nhiều nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước như SMEDF, JBIC, KFW..., phối kết hợp với nguồn vốn thương mại của NHCT thiết kế nhiều sản phẩm tín dụng giành riêng cho DNVVN. NHCT là NHTM duy nhất được lựa chọn quản lý 2 quỹ bảo lãnh tín dụng dành cho DNVVN và là Ngân hàng có Website riêng phục vụ đối tượng khách hàng này (<http://www.vietinbank.vn/sme>). Với nỗ lực phát triển khách hàng DNVVN, NHCT được Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước, Cục Phát triển DNVVN - Bộ KHĐT, các đối tác các Tổ chức trong và ngoài nước như Bộ TC, NHNN, Hiệp hội DNVVN, các đối tác v.v. ghi nhận là tổ chức luôn đi tiên phong trong phục vụ các DNVVN. NHCT hiện là đại diện Việt Nam duy nhất ký kết thoả thuận với các tổ chức tài chính APEC vì sự phát triển của DNVVN, đồng thời tham gia Ban chấp hành và ký Thoả thuận hợp tác với các Hiệp hội DNVVN Việt Nam, Hiệp hội các DNVVN Công thương để tạo tiền đề phát triển nhóm khách hàng này.

Tín dụng doanh nghiệp của NHCTVN chủ yếu là bằng VND, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và nền kinh tế cũng như chính sách quản lý ngoại hối của NHNN.

NHCT đã cung cấp các sản phẩm tín dụng đa dạng cho doanh nghiệp bao gồm:

Cho vay từng lần: NHCT áp dụng phương thức cho vay từng lần khi khách hàng vay có nhu cầu vay bổ sung vốn lưu động không thường xuyên. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng v.v. khách hàng sẽ được cấp cho một khoản tín dụng cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định.

Cho vay theo hạn mức tín dụng: phương thức này được áp dụng đối với khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên và có đặc điểm sản xuất kinh doanh, luân chuyển

vốn không phù hợp với phương thức cho vay từng lần. Căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm tiền vay, NHCT và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.

Cho vay theo dự án đầu tư: NHCT cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng: Phương thức cho vay này áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu dự phòng nguồn vốn tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo khả năng chủ động về tài chính khi thực hiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đời sống. Trong thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng khách hàng phải trả phí cam kết theo mức quy định của NHCT.

Cho vay hợp vốn (đồng tài trợ): NHCT cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, NHCT hoặc một tổ chức tín dụng khác làm đầu mối dàn xếp. Cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của NHNN và hướng dẫn của NHCT.

Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của khách hàng và thực tế phát sinh, NHCT sẽ xem xét cho vay theo các phương thức khác phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ và không trái với quy định của pháp luật như cho vay trả góp, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng v.v. Các đối thủ cạnh tranh chính của NHCT về mảng tín dụng doanh nghiệp là các NHTMNN khác cũng như các ngân hàng nước ngoài, đây là những ngân hàng có thể cạnh tranh với NHCT trên thị trường tín dụng cả bằng VND và ngoại tệ.

Tín dụng cá nhân

NHCT cấp cho khách hàng cá nhân nhiều loại sản phẩm tín dụng, bao gồm chủ yếu hai nhóm sản phẩm:

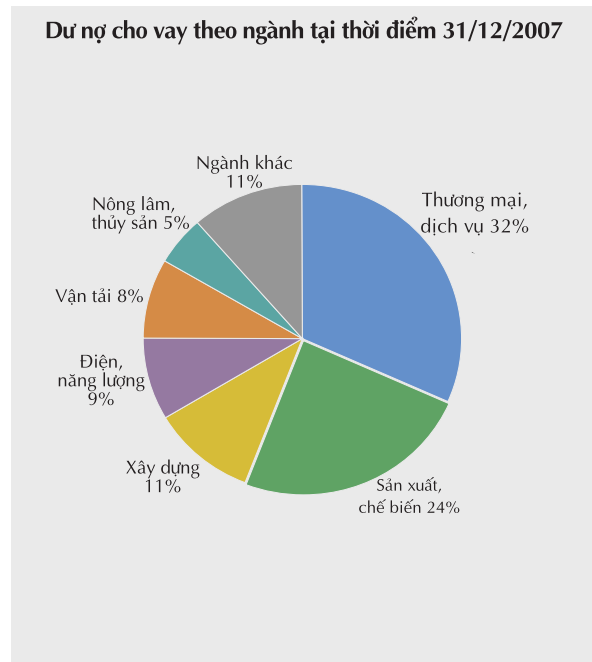
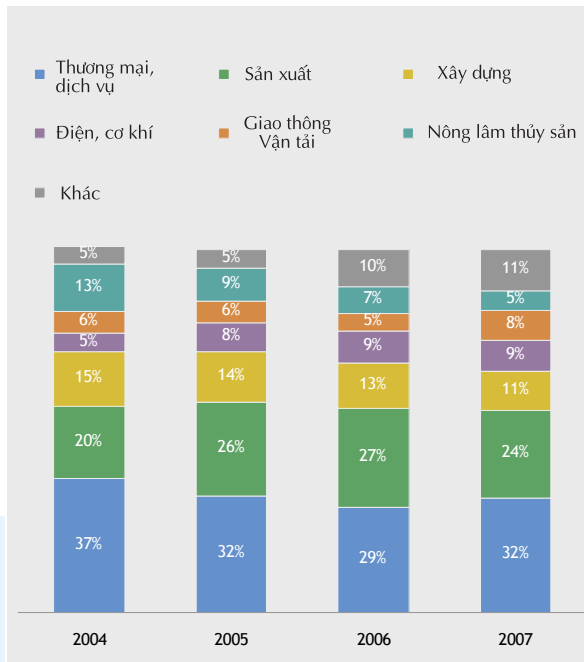
Cho vay sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển: bao gồm cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, xây dựng thương mại, đầu tư, dài hạn, cho vay nông nghiệp và phát triển nông thôn ...

Cho vay tiêu dùng: mua nhà, xây dựng và sửa chữa nhà, mua ô tô, du học, chữa bệnh...

Các phương thức cho vay cũng rất linh hoạt, bao gồm cho vay từng lần, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay trả góp v.v. Khách hàng chủ yếu là những người tiêu dùng có mức sống khá và CBCNV có mức thu nhập cao.

Theo số liệu thống kê 31/08/2008 của NHCT, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân chiếm khoảng 20% trong tổng dư nợ. Trong giai đoạn hiện nay, đây chưa phải lĩnh vực kinh doanh trọng tâm trong chiến lược tín dụng của NHCTVN.

Hình 9: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007 Vietinbank

Sự phát triển của danh mục tín dụng theo ngành hàng phản ánh tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước. Dư nợ tín dụng của NHCT đối với các ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 13% tổng dư nợ tín dụng năm 2004 và giảm xuống còn 5,46% năm 2007. Xu thế này phù hợp với chiến lược tín dụng của NHCT giai đoạn sắp tới - tập trung vào các ngành đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam đó là: Thương mại, Sản xuất và Chế biến, Xây dựng, Điện, Năng lượng và Dầu khí, Viễn thông. Ngoài ra, hầu hết các chi nhánh của NHCT được đặt tại trung tâm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị lớn nên thế mạnh của Ngân hàng là tập trung tín dụng vào các ngành hàng này. Chiến lược tín dụng của NHCT tới năm 2010 là hạn chế tín dụng đối với các ngành đã phát triển đến giai đoạn bão hòa và kém cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập của Việt Nam.

Đa dạng hoá danh mục tín dụng theo ngành kinh tế đã được chú trọng và tập trung vào khách hàng mục tiêu. Năm 2004, khách hàng truyền thống của NHCT chủ yếu là các DNNN (chiếm khoảng 45% dư nợ tín dụng) bao gồm các DNNN như: Petro Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, v.v. Tuy nhiên, năm 2005, các khoản tín dụng DNNN giảm còn 38%, tín dụng đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty tư nhân tăng lên 46%. Xu thế này tiếp tục phát triển trong năm 2007, trong đó cho vay DNNN chỉ chiếm 25%, còn tín dụng các loại hình doanh nghiệp khác đạt mức kỷ lục 50,5% trong danh mục tín dụng của NHCT. Xu hướng này tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Yếu tố chính dẫn đến sự thay đổi này là do chiến lược tín dụng của NHCT có sự thay

đổi cho phù hợp với diễn biến chung của nền kinh tế, nhằm tăng hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra cũng do việc cổ phần hoá DNNN diễn ra trong những năm gần đây và những nỗ lực của NHCT trong việc giảm tỷ trọng dư nợ đối với DNNN – là đối tượng có mức độ rủi ro tín dụng cao hơn các loại hình doanh nghiệp khác xét theo mục đích và hiệu quả sử dụng vốn vay.

Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của NHCT thực hiện theo cơ chế thị trường, tín dụng trên cơ sở an toàn, hiệu quả, xếp hạng khách hàng, không phân biệt thành phần kinh tế. NHCT đã hoàn thiện, ban hành lại và ban hành mới đầy đủ hệ thống các văn bản, cơ chế nghiệp vụ tín dụng, qui định cụ thể hóa các điều kiện lựa chọn khách hàng, cấp tín dụng, quy trình cho vay bảo lãnh, quy trình nhận và xử lý tài sản đảm bảo, triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001. Hiện nay NHCT đã có bộ phận chuyên trách soạn thảo và ban hành các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng (Sổ tay tín dụng) và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa để đảm bảo ngày càng phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Trong năm 2007, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt trên 48,5 tỷ USD, tăng 21,9% so với năm 2006; kim ngạch nhập khẩu đạt 62,7 tỷ USD, tăng 39,6% so với năm 2006 (số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2007), tổng giá trị chuyển tiền kiều hối đạt trên 5,5 tỷ USD. 9 tháng đầu năm 2008, kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu tương ứng là 48,6 tỷ USD và 64,4 tỷ USD (Nguồn: Tổng cục Thống kê). Đó là những điều kiện thuận lợi cho kinh doanh ngoại tệ. Với thị trường trọng điểm là thị trường nội địa, các khách hàng chính của NHCT chủ yếu là các khách hàng có quan hệ kinh doanh xuất - nhập khẩu trong các lĩnh vực then chốt như Công nghiệp và Thương mại; Giao thông vận tải; Dầu và khí đốt; Điện; Bưu chính viễn thông; nông lâm, thủy hải sản. NHCT đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua ngoại tệ của khách hàng, trong đó có Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Minh Phú. Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa trong năm 2007 đạt 3,2 tỷ USD, tăng 27,48% so với năm 2006 (đạt 2,5 tỷ USD).

Bên cạnh đó, NHCT còn mở rộng hoạt động kinh doanh ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng với NHNN và các tổ chức tín dụng khác, với tổng doanh số mua bán trên thị trường liên ngân hàng trong năm 2007 đạt 344 triệu USD, tăng 44,54% so với năm 2006.

Trên thị trường quốc tế, doanh số kinh doanh ngoại tệ của NHCT cũng tăng đáng kể với mức 1,78 tỷ USD năm 2007, tăng 30,32% so với 1,36 tỷ USD thu được năm 2006.

Nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý, NHCT đã đưa ra các hạn mức khác nhau, được áp dụng tại Trụ sở chính, bao gồm:

- Hạn mức dành cho đối tác

- Hạn mức để chặn thua lỗ
- Hạn mức dành cho mỗi nhân viên giao dịch giao dịch tự doanh trên thị trường ngoại hối quốc tế là 1.000.000 USD hoặc các ngoại tệ khác tương đương

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng đạt 96,9 tỷ đồng năm 2007, trong đó trên 90% là từ các giao dịch giao ngay.

Các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của NHCT do Phòng Kinh doanh Ngoại tệ thực hiện, và được hỗ trợ bởi các phòng ban nghiệp vụ khác. Tất cả các chi nhánh tuy không có phòng kinh doanh ngoại tệ riêng, nhưng đều được phép thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ với các tổ chức và cá nhân.

NHNNVN đã cấp phép cho các định chế tài chính cung cấp 4 hình thức kinh doanh ngoại hối, bao gồm: giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi và giao dịch quyền chọn. Tuy nhiên, NHCT mới chỉ cung cấp 3 hình thức kinh doanh ngoại hối (ngoại trừ hình thức quyền chọn). NHCT đã có hoạt động tự doanh, tuy nhiên doanh số giao dịch chưa nhiều, trung bình khoảng 100 triệu USD/1 tháng.

1.4. Hoạt động kinh doanh thẻ

NHCT có kế hoạch trở thành ngân hàng phát hành thẻ hàng đầu Việt Nam bằng việc phát triển hoạt động kinh doanh thẻ với sự đa dạng về sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh với thương hiệu uy tín và phong cách chuyên biệt. NHCT chủ trương tăng cường phân phối các sản phẩm và dịch vụ thẻ tới khách hàng với tỷ lệ là 40% thông qua chi nhánh, 50% thông qua các kênh phân phối gián tiếp và 10% thông qua phân phối tự động trong giai đoạn 2008 - 2010.

Thống kê đến hết 30/6/2008, NHCT đã thu hút trên 1 triệu 800 khách hàng cá nhân dùng thẻ ghi nợ với hơn 500 nghìn khách hàng mới trong 6 tháng đầu năm 2008. Riêng đối với thẻ ATM, thị phần của NHCT chiếm 15%-20% thị trường thẻ trong nước. Hoạt động kinh doanh thẻ thực sự trở thành một dịch vụ ngân hàng hiện đại mang tính nền tảng, là mũi nhọn cho chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, mở ra một hướng mới cho việc huy động vốn, giúp giảm lãi suất đầu vào cho NHCT.

NHCT hiện đang sở hữu mạng lưới ATM với 742 máy, tăng hơn 150% so với năm 2007, đặt tại trụ sở các chi nhánh, các phòng giao dịch của Ngân hàng, khu dân cư tập trung, cơ quan, trường học, v.v trên toàn quốc. Thẻ ATM được cải tiến nhiều chức năng và tiện ích, đáp ứng ngày càng nhiều dịch vụ thông qua thẻ ATM như nhận tiền kiều hối qua thẻ, thanh toán hóa đơn tiêu dùng, tra cứu thông tin và thanh toán cước phí điện thoại trực tuyến, có thể mua các loại thẻ viễn thông trả trước của Vinaphone, Mobiphone, Viettel, S – Fone và EVN v.v., gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại ATM, thanh toán vé tàu với Công ty Đường sắt Sài Gòn tại các chi nhánh và ATM của NHCT tại khu vực Tp. HCM, tra cứu biến động số dư tài khoản qua SMS v.v.

Ngoài các chức năng thông thường như rút tiền, chuyển khoản, thẻ E-Partner còn được bổ sung rất nhiều tính năng, tiện ích như: tự động nhận tiền kiều hối; mua thẻ viễn thông trả trước; thanh toán cước viễn thông, tiền điện, thanh toán vé tàu tại ATM; gửi tiền có kỳ hạn tại ATM; dịch vụ nạp tiền tài khoản viễn thông (dịch vụ VNTopup), tra cứu số

dư tài khoản, sao kê giao dịch bằng SMS v.v.

Bên cạnh đó, NHCT hiện đang hoàn tất thủ tục trở thành đại lý thanh toán thẻ JCB tại các POS (chủ thẻ JCB vẫn có thể rút tiền tại hệ thống VietinBank ATM). Với tổ chức thanh toán thẻ Diner Club và AMEX, hiện NHCT đang xúc tiến các bước đàm phán để trở thành ngân hàng đại lý thanh toán cho các tổ chức này.

Tính đến hết tháng 6/2008, NHCT đã phát hành trên 7.000 thẻ tín dụng quốc tế VISA, MasterCard. NHCT có kế hoạch tăng gấp đôi số lượng thẻ ghi nợ và gấp 5 lần số lượng thẻ tín dụng quốc tế vào năm 2010.

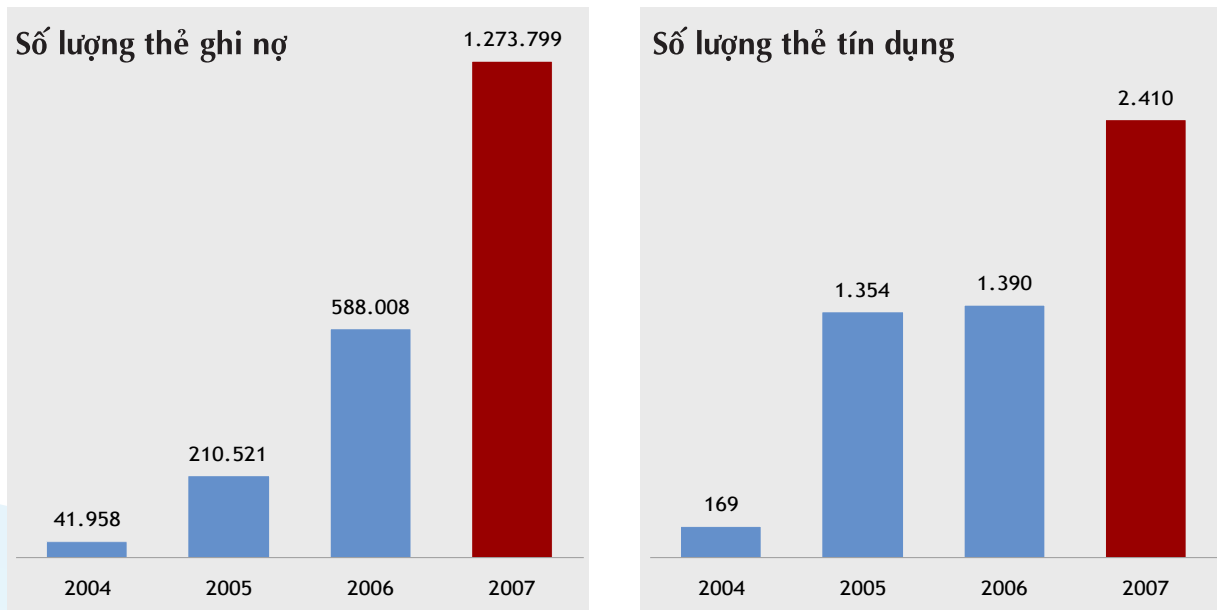
NHCT cũng dự kiến sẽ triển khai sản phẩm thẻ Ghi nợ quốc tế và thẻ Trả trước mới vào đầu năm 2009 nhằm đa dạng sản phẩm dịch vụ và đáp ứng nhu cầu của các khách hàng.

Ngày 23/05/2008, hệ thống Banknetvn (gồm 14 ngân hàng với 3.480 máy ATM và 11.750 POS, chiếm gần 67% thị phần về máy ATM tại Việt Nam) đã kết nối thành công với hệ thống Smartlink. Trong giai đoạn đầu kết nối 2 liên minh thẻ này, NHCT trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tiên trong liên minh Banknetvn kết nối thành công với 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink (gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam). Với việc kết nối thành công này, chủ thẻ E-partner của NHCT không chỉ thực hiện giao dịch được tại hệ thống các ATM của các ngân hàng trong liên minh Banknetvn mà còn thực hiện được giao dịch tại hệ thống ATM của 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink với hơn 3.600 máy trên toàn quốc và 90% thị phần thẻ trên thị trường thẻ Việt Nam. Trong thời gian tới NHCT dự định sẽ liên thông Banknet với một tổ chức thẻ của Trung Quốc thông qua liên kết của Smartlink với tổ chức này.

NHCT đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa và Master trên toàn hệ thống, chính thức trở thành ngân hàng thương mại thứ hai ở Việt Nam thực hiện kết nối thành công thẻ tín dụng quốc tế với hệ thống ATM của NHCT từ tháng 12 năm 2005, cho phép chủ thẻ Visa và Master có thể rút tiền tại máy ATM của NHCTVN. Bên cạnh đó, NHCT còn là đại lý thanh toán cho của các tổ chức thẻ quốc tế bao gồm Dinner Club và JCB. Với tổ chức thẻ thanh toán Amex, hiện NHCT đang xúc tiến các bước đàm phán để trở thành ngân hàng đại lý thanh toán cho tổ chức này.

Do NHCT thực hiện chiến lược thận trọng trong lựa chọn khách hàng cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng nên chưa có trường hợp khách hàng thanh toán chậm. Hiện nay, NHCT chưa cho phép rút tiền vượt quá hạn mức, nhưng NHCT cũng dự kiến sẽ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng dựa trên cơ sở đánh giá quá trình sử dụng tín dụng của từng khách hàng.

Hình 10: Tốc độ tăng phát hành thẻ



Nguồn: Vietinbank

1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư **Hoạt động góp vốn**

Các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngày càng được mở rộng và tăng trưởng. NHCT hiện đang góp vốn vào 03 công ty con (nắm giữ 100% vốn) và 02 công ty liên doanh. Giá trị sổ sách của các khoản góp vốn tính đến 31/12/2007 là 1.024,5 tỷ đồng (63,6 triệu USD). Trong đó, đầu tư vào các công ty con và các công ty liên doanh tương ứng là 630 tỷ đồng và 394,5 tỷ đồng tính theo mệnh giá. Đối với hoạt động góp vốn liên doanh liên kết, giá trị ròng của các khoản đầu tư tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu đạt 579,5 tỷ đồng năm 2007, tăng 30% so với năm 2006.

Bên cạnh đó, NHCT còn đầu tư vào một số tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế khác với tỷ lệ cổ phần không chi phối, bao gồm NHTMCP Sài Gòn Công thương, NHTMCP Gia Định, Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung Ương, Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam, và Công ty CP Xi măng Hà Tiên II. Tại thời điểm 31/12/2007, tổng mức đầu tư vào các tổ chức này trị giá 91,15 tỷ đồng tính theo mệnh giá, tương đương 104,61 tỷ đồng tính theo thị giá.

Thông qua các hoạt động đầu tư, NHCT đang nỗ lực mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của mình với định hướng chiến lược sau:

Tập trung và ưu tiên hàng đầu cho những hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực mà NHCT có khả năng riêng biệt, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính.

Thiết lập các mối quan hệ chiến lược với các đối tác, hợp tác lâu dài với các công ty và doanh nghiệp lớn, cụ thể là với các tổ chức trong nước và quốc tế có thế mạnh và

tiềm năng chiến lược.

Phát triển các hoạt động của các công ty mà NHCT đầu tư.

Phát triển cơ cấu và quản lý danh mục đầu tư một cách chủ động và hiệu quả.

NHCT kiểm soát và gây ảnh hưởng đối với phần vốn đầu tư thông qua việc quản lý các công ty mà NHCT đầu tư dưới các hình thức:

Với công ty mà NHCTVN nắm giữ 100% vốn: NHCT bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát xây dựng điều lệ công ty và cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động chủ yếu của công ty;

Với các công ty mà NHCT nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Ngân hàng có thể đề xuất đại diện của mình là các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc (Tổng giám đốc, Kế toán trưởng), những người tham gia xây dựng điều lệ công ty và đồng thời là cổ đông của công ty;

Với các công ty NHCT nắm giữ cổ phần không chi phối: tham gia với tư cách là cổ đông của công ty.

Hoạt động đầu tư chứng khoán

Ngoài các chứng khoán vốn nêu trên NHCTVN cũng mở rộng danh mục đầu tư vào các công cụ nợ có lãi suất cố định như Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Kho bạc, Tín phiếu NHNN, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, v.v. với số dư hàng chục nghìn tỷ đồng và trở thành nhà tạo lập thị trường, thúc đẩy thị trường trái phiếu Việt Nam phát triển. Tính đến 31/12/2007, số dư chứng khoán đầu tư – hoàn toàn là các công cụ nợ của NHCT là 37.405 tỷ đồng, tăng 115,85% so với năm 2006 (17.329 tỷ đồng). Danh mục chứng khoán được đa dạng hóa bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán là 32.353 tỷ đồng, tăng 166,3% so với năm 2006, và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là 5.052 tỷ đồng, giảm 2,5% so với năm 2006. Đầu tư vào giấy tờ có giá là biện pháp quan trọng để NHCT chuyển dịch cơ cấu tài sản có, nâng cao khả năng sinh lợi, giảm thiểu rủi ro, và tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết, đồng thời góp phần không nhỏ vào các công trình xây dựng trọng điểm của Nhà nước và đầu tư phát triển trong các ngành kinh tế xã hội.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được ghi nhận theo giá gốc. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh của NHCT. Tại thời điểm 31/12/2007, số dư chứng khoán kinh doanh của NHCT (bao gồm chứng khoán nợ và cổ phiếu) là 739,38 tỷ đồng (tính cả khoản dự phòng 3,07 tỷ đồng), giảm 15% so với 867,39 tỷ đồng năm 2006, trong đó giá trị cổ phiếu nắm giữ của các tổ chức trong nước chỉ chiếm khoảng 16% chứng khoán kinh doanh.

1.6. Dịch vụ ngân hàng quốc tế

Dịch vụ ngân hàng điện tử

Là một phần trong Dự án Hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán do Ngân hàng Thế giới tài trợ, NHCT đã bắt đầu thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng điện tử từ

tháng 3/2005 khi NHCT bắt đầu triển khai hệ thống INCAS tới tất cả các chi nhánh trên toàn quốc. Hiện tại, NHCT đang cung cấp dịch vụ hỏi đáp cơ bản cho khách hàng có đăng ký sử dụng dịch vụ này, bao gồm: thông tin cơ bản về tài khoản, thông tin chi tiết tài khoản, liệt kê các giao dịch đã thực hiện, đăng ký các hoạt động qua mạng, trang chủ, thay đổi mã số cá nhân, thay đổi địa chỉ hòm thư và các lời chào cá nhân. Các chức năng khác như chuyển tiền, thanh toán khoản vay, thanh toán hóa đơn v.v. vẫn chưa được triển khai. Hiện NHCT đang triển khai các dịch vụ ngân hàng điện tử mới tới khách hàng. Bên cạnh đó, NHCT đã cung cấp các dịch vụ HomeBanking, ICB money cho phép khách hàng có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng tại nhà, văn phòng, công ty v.v. như chuyển khoản, in sao kê, báo nợ, báo có. Sử dụng chứng từ điện tử được bảo mật bằng công nghệ tiên tiến và phương thức xác thực mạnh.

NHCT sẽ tiếp tục tham gia vào Dự án Hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn 2 do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Dự án này tập trung vào các mảng sau: Trung tâm liên lạc - Call center, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại cố định, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động, các giải pháp thương mại điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử.

Tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế

Tài trợ thương mại

Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại, NHCTVN hiện đang nắm giữ 8% thị phần trong lĩnh vực này (tính đến thời điểm tháng 6/2007). NHCT thu phí khi cung cấp các dịch vụ như tài trợ thương mại, cam kết thanh toán, nhận lãi trên khoản tín dụng đã cấp. Thu nhập từ các khoản phí từ hoạt động tài trợ thương mại trong năm 2007 là nguồn thu quan trọng, lên tới 180 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2008, hoạt động này đem lại trên 170 tỷ tiền phí.

Các sản phẩm tài trợ thương mại chủ yếu của NHCT bao gồm: thư tín dụng nhập khẩu, nhờ thu trên cơ sở chấp nhận/thanh toán chứng từ, bảo lãnh, nhờ thu, chuyển tiền bằng điện và thanh toán quốc tế. Khách hàng sử dụng các dịch vụ tài trợ thương mại của NHCT bao gồm các tập đoàn trong nước và quốc tế, và các DNVVN, trong đó hầu hết là các nhà nhập khẩu hàng đầu như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Tổng Công ty Xi măng.

Thanh toán quốc tế

Trong những năm gần đây, nghiệp vụ này có điều kiện phát triển mạnh do tốc độ tăng trưởng nhanh về doanh số thương mại và chuyển tiền của Việt Nam. Doanh số thanh toán nhập khẩu cả năm 2007 đạt 4,9 tỷ USD (tăng so với tổng giá trị năm 2006 đạt 4,8 tỷ), 9 tháng đầu năm 2008 hoạt động này đem lại cho NHCT trên 4,2 tỷ USD doanh số.

Tổng phí thu từ hoạt động thanh toán quốc tế năm 2007 đạt trên 180 tỷ đồng, tăng đáng kể (32%) so với 136,7 tỷ đồng thu được trong năm 2006.

Tháng 04/2008, thành lập SGD III, đây là một trung tâm xử lý tập trung các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại cho cả Hệ thống NHCTVN theo mô hình một ngân hàng hiện đại. Ngoài ra, SGD III còn có nhiệm vụ khai thác các nguồn vốn ngắn

hạn và dài hạn từ các tổ chức tài chính để hỗ trợ cho hoạt động tài trợ thương mại; cung cấp dịch vụ bao thanh toán; dịch vụ tư vấn giải pháp TTQT và TTTM cho khách hàng và đặc biệt không chỉ xử lý cho các giao dịch của hệ thống NHCT, SGD III còn cung cấp dịch vụ insourcing cho các ngân hàng khác (tức là xử lý giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại cho các ngân hàng khác).

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối tại Việt Nam ngày càng tăng trưởng mạnh và hứa hẹn đem lại nhiều lợi nhuận đã tạo cơ hội lớn cho sự phát triển nghiệp vụ này của NHCT. Doanh số chi trả kiều hối của NHCT năm 2007 là 750 triệu USD, tăng 66,67% so với năm 2006 (đạt 450 triệu USD) và ước đạt 14% tổng lượng kiều hối về Việt Nam. Bên cạnh sản phẩm chuyển tiền kiều hối truyền thống (điện Swift qua ngân hàng), NHCT đã triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh như Western Union, Xpress Money, Chuyển tiền nhanh từ Malaysia về Việt Nam (IME), v.v. Thu nhập từ dịch vụ kiều hối bao gồm phí thanh toán 0,05%, tối thiểu 2USD/giao dịch cộng thêm 0,15% nếu rút tiền bằng ngoại tệ. Đối với dịch vụ chuyển tiền nhanh, phí dịch vụ trong khoảng 0,6% - 0,7% tổng số tiền chi trả.

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối ngày càng có tiềm năng phát triển do lượng tiền Việt kiều và người Việt Nam lao động tại nước ngoài chuyển về ngày càng nhiều. NHCT chủ yếu chi trả kiều hối bằng USD, EUR và VND. Thị trường trọng điểm bao gồm Mỹ, Đài Loan, Hàn quốc, Malaysia, Nhật, Séc, Úc và các nước Trung đông. Trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2008 - 2010, NHCT sẽ tiếp tục việc mở rộng mạng lưới chuyển tiền kiều hối tới các thị trường quốc tế lớn, nơi có số lượng lớn người Việt Nam sinh sống và làm việc, trong khi thị trường nội địa chủ yếu được xác định là Tp Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Thuận, Đà Nẵng, Huế, các tỉnh phía Bắc có nhiều lao động xuất khẩu như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. NHCT cũng lên kế hoạch cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng như dịch vụ giao tiền ngoại hối tận nhà.

1.7. Dịch vụ thu/chi hộ

Dịch vụ thu/chi hộ được cung cấp cho các khách hàng chiến lược có cân đối tài khoản tiền gửi lớn tại NHCT hoặc khách hàng có khối lượng thu chi tiền mặt, chuyển khoản lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Hiện tại, khoảng 70% các chi nhánh của NHCT cung cấp dịch vụ này cho các khách hàng tại các khu công nghiệp và khu chế xuất. NHCT hiện không thu phí đối với dịch vụ này.

1.8. Dịch vụ cho thuê két sắt và cất giữ tài sản

Dịch vụ này đã được Sở giao dịch II của NHCT tại Tp.HCM và Chi nhánh Đà Nẵng triển khai từ đầu năm 2006. Doanh thu từ dịch vụ này mới đạt gần 1 tỷ đồng trong năm 2006, sang năm 2007 đã tăng đáng kể và đạt 1,6 tỷ đồng. Trong thời gian tới, dịch vụ này sẽ được cung cấp tại tất cả các chi nhánh của NHCT trên các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước.

1.9. Dịch vụ thu đổi Séc du lịch

Được giới thiệu lần đầu vào năm 1994, dịch vụ Thu đổi séc du lịch được cung cấp tại

các Phòng giao dịch, quầy giao dịch và quầy tiết kiệm. Hiện nay, 50% các chi nhánh đã cung cấp dịch vụ này tới khách hàng với doanh thu thu đổi hàng năm đạt từ 3 - 5 triệu USD.

Dịch vụ Thu đổi séc du lịch bao gồm việc đổi séc du lịch Amex và các loại séc du lịch do các định chế có uy tín phát hành bằng USD và EUR. Điều này thể hiện nỗ lực của NHCTVN trong việc tăng doanh thu từ phí dịch vụ. NHCT cũng cung cấp dịch vụ thu séc của các tổ chức nước ngoài như là một cách giới thiệu các dịch vụ ngân hàng khác và nhằm nâng cao thương hiệu “Ngân hàng Công thương Việt Nam”.

1.10. Hoạt động kinh doanh chứng khoán (Công ty TNHH Chứng khoán NHCTVN)

Năm 2000, NHCTVN thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinbankSC) theo mô hình Công ty TNHH một thành viên với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng và do NHCT sở hữu 100% vốn. VietinbankSC đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng tại thời điểm 26/06/2007. Tính đến 30/09/2008, vốn chủ sở hữu của VietinbankSC đạt 651,91 tỷ đồng, vốn điều lệ của VietinbankSC là 500 tỷ đồng.

Các hoạt động chính của VietinbankSC bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư và tài chính. Hiện nay, VietinbankSC chiếm khoảng 6% thị phần môi giới chứng khoán và có kế hoạch tăng thị phần lên 7% trong năm 2008.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	9 tháng đầu năm 2008
1. Tổng tài sản	608.459	1.172.565	888.499	745.584
2. Vốn chủ sở hữu	130.407	155.207	429.054	651.909
3. Doanh thu	52.103	102.875	205.371	124.844
4. Chi phí	37.963	71.293	83.950	101.581
5. Lợi nhuận trước thuế	14.140	31.582	121.421	23.263
6. Lợi nhuận sau thuế (LNST)	12.822	25.723	98.226	19.776
7. LNST/Tổng tài sản (%)	2,10	2,19	11,05	2,65
8. LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	9,83	16,57	22,89	3,03

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 và BCTC chưa kiểm toán Q3/2008 Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trong 7 năm hoạt động, lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán của VietinbankSC đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao về quy mô cũng như hiệu quả. Tính đến 31/12/2007, tổng tài sản của VietinbankSC đạt 888,5 tỷ đồng. Doanh thu đạt 205,4 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm 2006.

Hệ số sinh lời cho các hoạt động kinh doanh nói chung trong giai đoạn 2005 – 2007 có xu hướng tăng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu năm 2005 đạt 9,83%, năm 2006 đạt 16,57%, năm 2007 đạt 22,89%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tài sản đạt 2,1%, năm 2005, năm 2006 đạt 2,19%, và đạt 11,05% trong năm 2007.

Công ty Chứng khoán NHCTVN là thành phần nòng cốt trong tầm nhìn chiến lược của NHCTVN nhằm phát triển các hoạt động kinh doanh có thu phí, cụ thể là sự phát triển trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư.

1.11. Hoạt động cho thuê tài chính (Công ty Cho thuê Tài chính NHCTVN)

Công ty Cho thuê Tài chính NHCTVN là một trong những công ty hoạt động sớm trong lĩnh vực cho thuê tài chính ở Việt Nam. Công ty là thành viên hạch toán độc lập, được NHCT cấp 100% vốn điều lệ, tính đến 31/12/2007 là 300 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào hoạt động cho thuê tài chính, quản lý vốn đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, tư vấn và nhận bảo lãnh cho khách hàng về các dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính.

Bảng 9: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	9 tháng đầu năm 2008
1. Tổng tài sản	661.760	695.754	839.051	986.062
2. Vốn chủ sở hữu	132.486	141.238	348.652	371.165
3. Dư nợ cho thuê tài chính	577.055	625.154	612.515	728.560
4. Doanh thu	62.977	79.346	80.670	82.065
5. Chi phí	48.291	66.499	62.335	58.108
6. Lợi nhuận trước thuế	14.686	12.847	18.335	23.957
7. Lợi nhuận sau thuế (LNST)	10.574	9.250	13.202	22.604
8. Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,62	4,36	6,75	4,84
9. LNST/tổng tài sản (%)	1,59	1,33	1,57	2,29
10. LNST/vốn chủ sở hữu (%)	7,98	6,55	3,78	6,09

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 và BCTC chưa kiểm toán Q3/2008 Công ty cho thuê tài Chính Ngân hàng Công thương Việt Nam

Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân 3 năm từ năm 2005-2007 trung bình đạt 1,5%. Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân 3 năm 2005-2007 đạt 6,1%, tỷ lệ nợ xấu bình quân là 4,64%. Riêng 9 tháng đầu năm 2008, và lợi nhuận sau thuế của công ty đã có sự tăng trưởng vượt bậc, gấp 1,3 lần so với cả năm 2007 do chi phí giảm 6,7%.

1.12. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản (Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản NHCT VN)

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản NHCTVN thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 09/2000 theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/07/2000 của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCT, là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng quản lý các khoản nợ xấu và khai thác các tài sản xiết nợ, thế chấp do NHCT chuyển sang. NHCT đã đạt được kết quả đáng kể trong xử lý nợ tồn đọng, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản NHCT.

Bảng 10: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	9 tháng đầu năm 2008
Tổng tài sản (*)	501.217	88.820	137.343	109.660
Nguồn vốn chủ sở hữu	28.811	28.088	27.830	27.225
Thu nhập	1.963	2.096	2.143	2.850
Chi phí	3.153	4.010	4.338	(3.436)
Lợi nhuận trước thuế	(1.190)	(1.914)	(2.195)	(586)

Nguồn: Bảng cân đối tài khoản 2005, 2006, 2007, Q3/2008 Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản

(*) Ghi chú: Tổng tài sản năm 2006 giảm nhanh so với năm 2005 là do khi thu được các khoản tiền bán tài sản đảm bảo nợ, Công ty thực hiện xuất giảm tương ứng vào giá trị tổng tài sản nhận quản lý khai thác

2. Quản trị rủi ro

NHCTVN sẽ thành lập Ban Quản trị rủi ro và Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) để giám sát và quản lý toàn diện các loại rủi ro trong kinh doanh. Thành viên của ALCO bao gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng bộ phận quản lý rủi ro, trưởng bộ phận kinh doanh, dịch vụ, và trưởng các bộ phận liên quan khác.

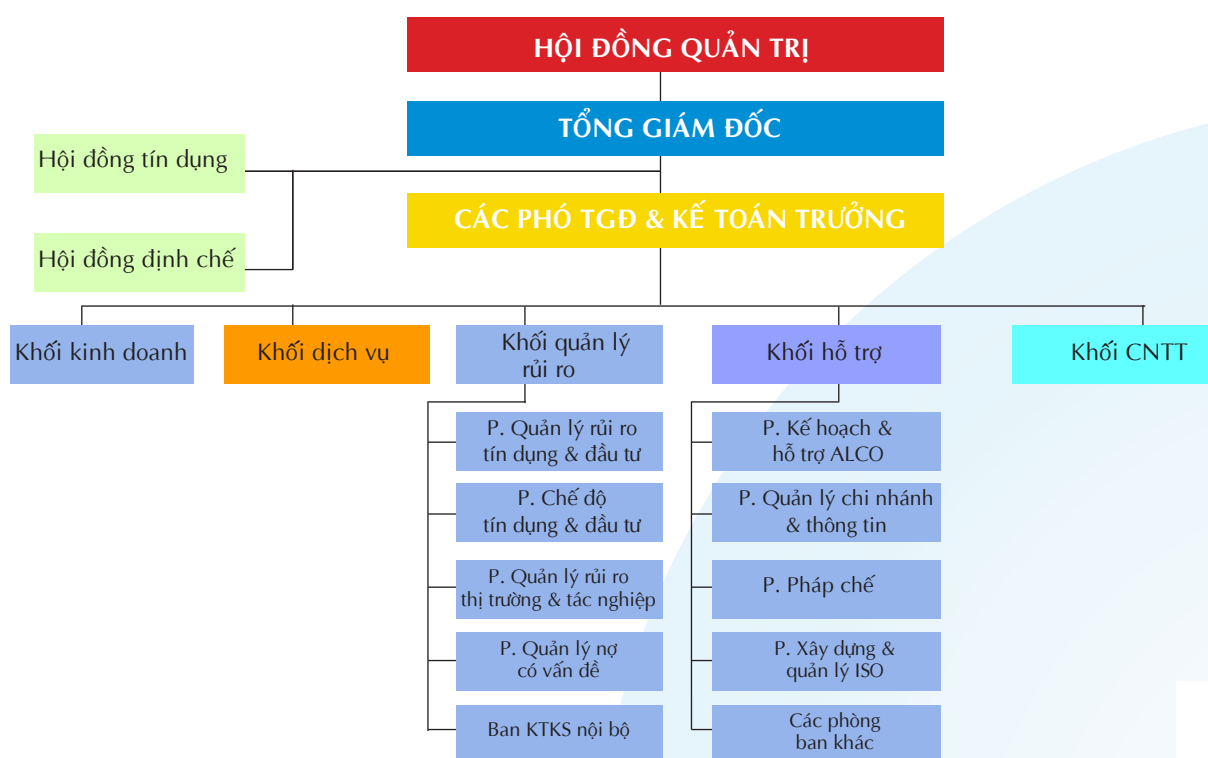
NHCT đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, trong đó Hội đồng quản trị có trách

nhiệm xem xét và thông qua các chiến lược và chính sách quản trị rủi ro của NHCT, trong khi Ban Điều hành có trách nhiệm thực hiện và phát triển các chiến lược và chính sách đã được thông qua đó.

Chức năng quản trị rủi ro của NHCT hiện do Khối quản trị rủi ro (RMG) thực hiện. Khối này được tách riêng khỏi các giao dịch trực tiếp và thực hiện báo cáo trực tiếp lên Ban Điều hành.

Sơ đồ dưới đây tóm lược cơ cấu hiện tại của NHCT:

Hình 11: Tóm lược sơ đồ cơ cấu tổ chức hiện tại của Vietinbank



Nguồn: Vietinbank

Khối quản trị rủi ro bao gồm 5 phòng ban có trách nhiệm quản trị các loại rủi ro khác nhau, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, và rủi ro tác nghiệp:

- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư (CIRM)
- Phòng Chế độ tín dụng và đầu tư
- Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp
- Phòng Quản lý nợ có vấn đề
- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ

Thêm vào đó, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO có trách nhiệm quản trị rủi ro thanh khoản, lãi suất và ngoại hối; Phòng pháp chế phụ trách quản trị các rủi ro pháp lý.

Quản trị rủi ro tín dụng

NHCT đã xây dựng chiến lược cho vay từ năm 2005, trong đó nêu rõ đối tượng khách hàng mục tiêu, vị trí, và lĩnh vực cần hướng tới. Khách hàng mục tiêu là các công ty lớn có tình hình tài chính lành mạnh và năng lực cao, còn khách hàng tiềm năng là các DN VVN (SMEs) và cá nhân. Thị trường mục tiêu là các thành phố lớn, các khu vực kinh tế có tiềm năng, các khu vực đô thị và khu công nghiệp đang phát triển. Các lĩnh vực, ngành nghề mục tiêu NHCT hướng tới bao gồm lĩnh vực công nghiệp, thương mại, và dịch vụ.

NHCT đã đưa ra chính sách quản trị rủi ro tín dụng trong Sổ tay tín dụng ban hành vào cuối năm 2004. Các nguyên tắc chung của chính sách này bao gồm: đa dạng hóa danh mục đầu tư, quá trình xem xét và phê chuẩn đa cấp, quy trình giám sát thường xuyên và kiểm soát hạn mức tín dụng. Căn cứ vào thị trường mục tiêu và chiến lược tín dụng tổng thể của NHCT cũng như kết quả tình hình hoạt động tín dụng trong quá khứ, sự thay đổi của thị trường và nhu cầu vốn dự kiến, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư đề xuất mức tăng trưởng tín dụng của NHCT, các giới hạn tín dụng toàn hệ thống theo sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, ngành hàng, thành phần kinh tế, khách hàng, nhóm khách hàng v.v. Các đề xuất của Phòng sau đó sẽ được trình Tổng giám đốc để trình HĐQT phê duyệt.

Chức năng quản trị rủi ro tín dụng hàng ngày của NHCT do các Phòng Chế độ tín dụng và đầu tư, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư, và Phòng Quản lý nợ có vấn đề, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO cùng phối hợp đảm trách. Thêm vào đó, Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ tiến hành các đánh giá định kỳ và đánh giá đột xuất đối với các hoạt động cấp tín dụng của NHCT để đảm bảo các hoạt động này phù hợp với các hướng dẫn của NHCT và các quy định của pháp luật.

Chức năng định giá tài sản bảo đảm hiện do các phòng Khách hàng và quản lý rủi ro tại chi nhánh đảm trách tại thời điểm cho vay và định giá lại theo quy định của NHCT. Tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo được giới hạn theo tỷ lệ phần trăm giá trị của từng loại tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo được định giá lại ít nhất 1 lần/năm (tuỳ theo loại tài sản) hoặc đột xuất.

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

Sau khi nhận và kiểm tra đơn đề nghị cấp tín dụng của khách hàng cùng với các hồ sơ vay vốn, chuyên viên tín dụng thuộc bộ phận khách hàng tiến hành thẩm định khoản vay: tư cách pháp lý của khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng tài chính của khách hàng, hiệu quả, tính khả thi của phương án/dự án vay vốn, tình hình vay trả nợ của khách hàng, tình hình tài sản đảm bảo, xác định phương thức cho vay, lãi suất v.v. và lập Tờ trình thẩm định tín dụng.

Trong một số trường hợp (tùy thuộc vào các điều kiện cấp tín dụng của NHCT), bộ phận khách hàng sẽ chuyển đơn đề nghị cấp tín dụng và hồ sơ, tài liệu liên quan sang bộ phận quản lý rủi ro. Tại đây, chuyên viên quản lý rủi ro tín dụng sẽ tiến hành thẩm định độc lập và lập Báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng, trong đó đánh giá mức độ

rủi ro tín dụng và đề xuất biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Việc cấp tín dụng được xem xét căn cứ vào định hướng cấp tín dụng hàng năm của HĐQT, thông tin thu thập từ khách hàng, nhu cầu sử dụng tín dụng của khách hàng, xếp hạng khách hàng, kết quả thẩm định tín dụng và thẩm định rủi ro tín dụng v.v.

Tờ trình thẩm định của chuyên viên tín dụng và báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng của chuyên viên quản lý rủi ro (trường hợp phải thẩm định rủi ro tín dụng) cùng hồ sơ tín dụng sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng được xác định trên cơ sở (i) mức phán quyết tín dụng: định kỳ được xem xét lại hàng năm căn cứ vào phân cấp quản lý khách hàng, năng lực trình độ của cấp được xem xét (tại Trụ sở chính), quy mô, năng lực trình độ cán bộ, kết quả hoạt động v.v. (tại chi nhánh); (ii) việc đáp ứng các điều kiện tín dụng của khách hàng: điều kiện tín dụng được xây dựng, chỉnh sửa, thay đổi tuân theo các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn đảm bảo an toàn và tính cạnh tranh của NHCT

Khoản tín dụng sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt sẽ được bộ phận quản lý rủi ro giám sát tùy thuộc vào mức độ rủi ro của khoản tín dụng đó, trong suốt quá trình đàm phán ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo, hoàn thiện hồ sơ tín dụng và nhập vào hệ thống INCAS.

Hiện tại, NHCT chưa thiết lập quy trình nghiên cứu đánh giá khách hàng toàn diện, nhưng trong thời gian sắp tới, NHCT sẽ cân nhắc xây dựng chính sách “Hiểu biết về khách hàng của bạn” (KYC), “Chống rửa tiền” (AML) để ngăn ngừa việc người vay sử dụng ngân hàng như là công cụ để thực hiện các giao dịch bất hợp pháp.

NHCTVN hiện đang triển khai 3 hệ thống tính điểm khác nhau dành cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và nhóm khách hàng định chế tài chính. Tuy nhiên, đây đều là các quá trình tính toán thủ công và còn nhiều đánh giá mang tính định tính của cán bộ quản lý khách hàng. Hiện nay NHCT đang trong quá trình xây dựng hệ thống tính điểm tín dụng tự động hướng theo các Chuẩn mực quốc tế, dự kiến hệ thống này sẽ được hoàn thiện trong năm 2009.

Phân loại các khoản nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

Việc phân loại các khoản nợ ở NHCT tuân theo quy định của NHNN, theo đó các khoản nợ được xếp vào 5 nhóm: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, và Nợ có khả năng mất vốn. Hàng ngày, hệ thống tín dụng sẽ nhắc nhở các cán bộ tín dụng về các khoản nợ đến hạn, các khoản nợ sắp đến hạn và các khoản nợ quá hạn. Cán bộ tín dụng sẽ liên hệ yêu cầu khách hàng thanh toán phần gốc và lãi đúng hạn cũng như đôn đốc khách hàng trả các khoản nợ quá hạn. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, hệ thống sẽ tự động chuyển khoản nợ sang loại thấp hơn theo quy định.

Các khoản nợ thuộc nhóm Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là các khoản nợ xấu (NPL), Phòng Quản lý nợ có vấn đề quản lý, thường

xuyên theo dõi, đề xuất trình Ban lãnh đạo các biện pháp xử lý thu hồi nợ.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của NHNN, NHCTVN thực hiện trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho từng nhóm nợ như sau, trong đó dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể, và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

Bảng 11: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam

Nhóm nợ	Tỷ lệ trích dự phòng cụ thể	Tỷ lệ trích dự phòng chung
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	Không	0,75%
2. Nợ cần chú ý	5%	0,75%
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	20%	0,75%
4. Nợ nghi ngờ	50%	0,75%
5. Nợ có khả năng mất vốn	100%	0,00%

Nguồn: Vietinbank

Theo Đề án tái cơ cấu của NHCT (NHCT bắt đầu tái cơ cấu về tài chính vào 31/12/2000) tổng nợ tồn đọng cần xử lý là 9.485 tỷ đồng, chiếm 27% giá trị các khoản vay. Số nợ tồn đọng phát sinh sau đó là 529 tỷ đồng. Sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu, NHCT đã xử lý được 9.762 tỷ đồng nợ tồn đọng, đạt 102,9% kế hoạch của Đề án xử lý nợ tồn đọng. NHCT đã hoàn thành đề án xử lý nợ tồn đọng được Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt. Theo báo cáo của Phòng Quản lý nợ có vấn đề, tỷ lệ nợ xấu của NHCT tại 31/12/2006 là 1,41% đã giảm xuống 1,02% vào thời điểm 31/12/2007 cho thấy tình hình quản lý nợ xấu của NHCT đã được cải thiện đáng kể.

Quản trị rủi ro thị trường và tác nghiệp

Trước đây, NHCTVN, cũng như các NHNN khác, quan tâm nhiều hơn đến rủi ro tín dụng và ít chú ý đến rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường. Tháng 3/2006, NHCT đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp (MORM) để theo dõi các rủi ro trong hoạt động và rủi ro thị trường của NHCT, với chức năng chính là phát triển các chính sách, thủ tục và hệ thống cảnh báo sớm đối với các rủi ro hoạt động và thị trường.

NHCT chưa thiết lập được đầy đủ, rõ ràng các chính sách và hệ thống quản trị rủi ro, nhằm nhận biết và hạn chế đối với các loại rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối, các quy định về hạn mức, trạng thái và các kỹ thuật bảo hiểm rủi ro tỷ giá (nghiệp vụ phái sinh)

còn đơn giản và chưa đa dạng. Tuy nhiên, mới đây NHNN đã ban hành quy định về quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. Trên cơ sở đó, NHCT ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể để tuân thủ các quy định của NHNN.

Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO và Phòng Đầu tư dựa trên các thông tin thị trường mới nhất để phân tích các thay đổi về tỷ lệ lãi suất dựa trên kinh nghiệm của chuyên viên, và thường áp dụng lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung và dài hạn, thậm chí tùy tình hình biến động của lãi suất trên thị trường có thể áp dụng cả lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay ngắn hạn. Việc đầu tư chứng khoán hiện nay được tập trung vào các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp. Danh mục đầu tư của ngân hàng bao gồm trái phiếu Kho bạc Nhà nước và các loại trái phiếu chính phủ khác. Hàng tháng, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO chuẩn bị báo cáo về các chỉ số tài chính chủ yếu và các tỷ lệ an toàn theo yêu cầu của NHNN và trình Ban điều hành hoặc Ban Tổng giám đốc để xem xét và thông qua.

Với việc quản trị rủi ro tác nghiệp, tính đến thời điểm này, NHNN vẫn chưa ban hành quy định nào về quản trị rủi ro theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Quản trị Rủi ro hoạt động giai đoạn 2. Tuy nhiên, là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, NHCT đã đưa ra chiến lược quản trị rủi ro (được ghi nhận trong chiến lược kinh doanh tổng thể của NHCT cho giai đoạn 2005 – 2010) và những quy định tạm thời về quản trị rủi ro tác nghiệp (Quyết định 220 được HĐQT ban hành tháng 5/2007) nhằm thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro tác nghiệp. Ngoài ra NHCT đã có bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ được thiết lập từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bộ máy này chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của NHCT nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận và sai sót, đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ đảm bảo hoạt động kinh doanh của NHCT tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả.

Quản trị rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý của NHCT do Phòng Pháp chế phụ trách, với chức năng chính là tư vấn và đào tạo về pháp lý cho các đơn vị kinh doanh và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của NHCT. Đối với những trường hợp cụ thể, ví dụ bảo lãnh phát hành trái phiếu, bảo lãnh phát hành ra nước ngoài, cấp tín dụng cho các dự án lớn, NHCT có thể thuê công ty luật bên ngoài tư vấn. Các chi nhánh cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình. Tuy nhiên, với các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc do sai phạm của nhân viên cần được báo cáo lên Phòng Pháp chế tại Trụ sở chính để giải quyết. Đối với sản phẩm mới triển khai, Phòng Pháp chế sẽ xem xét các khía cạnh pháp lý để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành.

Quản trị rủi ro thanh khoản

Do Ban quản trị tài sản nợ, tài sản có (ALCO) chưa thành lập nên việc theo dõi và quản trị rủi ro thanh khoản hiện nay do Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO phụ trách, với trách nhiệm chính là lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn, duy trì khả năng thanh khoản,

và lập các quỹ. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO báo cáo trực tiếp hàng tháng lên Ban điều hành và Hội đồng quản trị để cập nhật tình hình thanh khoản hiện tại của NHCT và dự báo tình trạng thanh khoản cho tháng tiếp theo. NHCT tuân thủ các quy định hiện hành của NHNN trong việc quản trị khả năng thanh khoản. Khối lượng lớn tiền mặt và các công cụ thị trường tiền tệ tạo cho NHCT khả năng thanh khoản đáng kể.

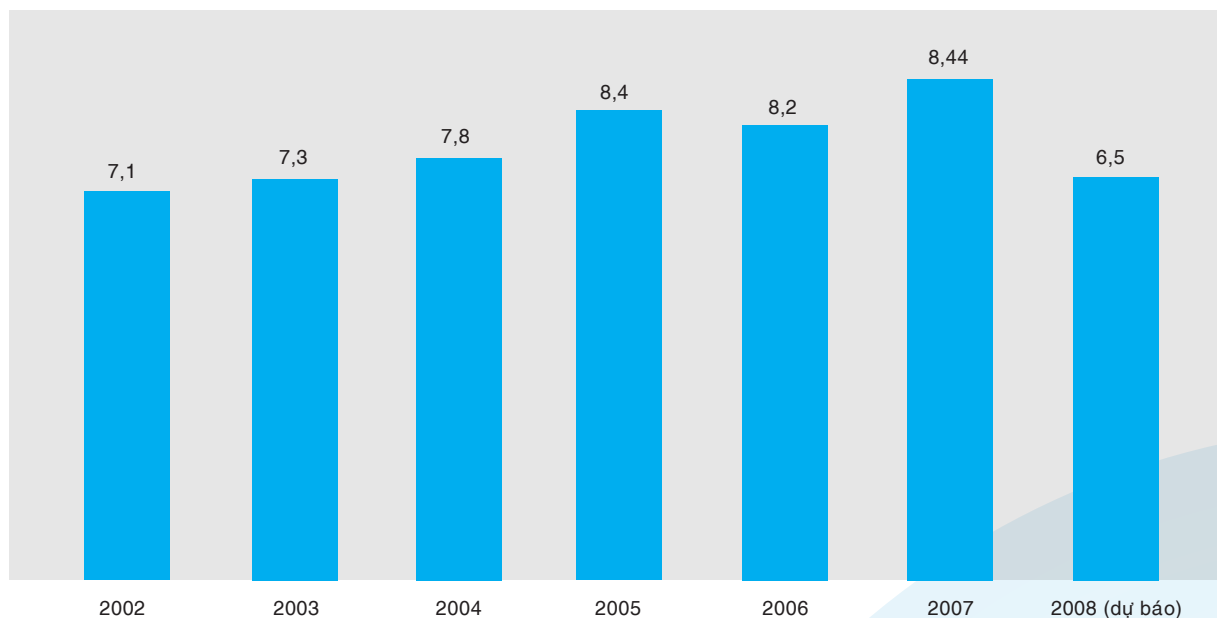
Hiện nay, NHCT đang theo dõi khả năng thanh khoản bằng việc tính toán các tỷ lệ thanh toán theo các hướng dẫn của NHNN và thường xuyên báo cáo với NHNN. Để đảm bảo chủ động trong thanh khoản và phòng tránh các sự cố bất ngờ xảy ra, NHCT tính toán và duy trì một tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản lỏng và các khoản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ và các quỹ dự trữ đặc biệt tại NHNN (chiếm khoảng 25% tổng tài sản). Trong trường hợp khẩn cấp, NHCT có thể xin trợ giúp từ NHNN và các ngân hàng trong nước khác.

3. Thuận lợi

Diễn biến chung của nền kinh tế

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam phát triển khá ổn định với tốc độ cao, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh thứ hai tại Đông Nam Á (sau Campuchia) với tốc độ tăng trưởng GDP hơn 7% trong 6 năm qua và đạt 8,44% trong năm 2007. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ này, GDP thực tế trên đầu người cũng tăng khoảng 6,3%/năm trong 5 năm qua (Nguồn: ADB). Bước sang năm 2008, trước sự tác động tiêu cực của kinh tế thế giới cùng với những khó khăn nội tại của nền kinh tế, tuy nhiên với nỗ lực của Chính phủ và tất cả các thành phần kinh tế, các cân đối vĩ mô như Ngân sách nhà nước, tiền tệ tín dụng, cán cân thanh toán quốc tế v.v. sẽ được tương đối ổn định. Dự báo tăng trưởng GDP vẫn ở mức khá, khoảng 6,5 – 7,0% (Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2008 của Chính phủ).

Hình 12: Tăng trưởng GDP thực tế tại Việt Nam (%)

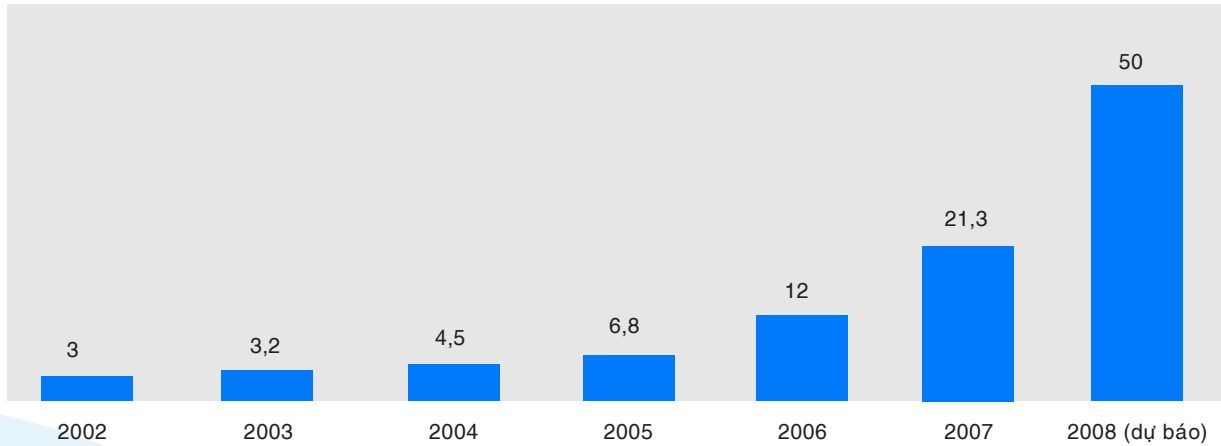


Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2008

Số lượng dự án FDI được cấp phép tăng mạnh trong thời kỳ 2001 đến 2007, từ 555 dự án lên hơn 1.500 dự án, điều này cho thấy Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn của đầu tư nước ngoài. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam cũng tăng mạnh.

Đô thị hóa nhanh và nhu cầu ngày càng tăng về nhà ở và văn phòng khiến Việt Nam trở thành thị trường sinh lợi cho FDI. Theo Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia (thuộc Bộ Kế hoạch - Đầu tư), FDI vào Việt Nam đã tăng mạnh mẽ từ 2005, với mức dự báo vốn dự án FDI cấp mới năm 2008 có thể đạt trên 50 tỷ USD, vốn thực hiện đạt hơn 10 tỷ USD, vượt xa con số của năm ngoái là 21,3 tỷ USD và 8,03 tỷ USD. Điều này cho thấy nhà đầu tư nước ngoài rất quan tâm đến triển vọng phát triển trung và dài hạn của Việt Nam. FDI đầu tư ngày càng tăng vào thị trường bất động sản (cụ thể là văn phòng và tòa nhà thương mại) và du lịch. Tính hết quý I/2008, riêng nguồn vốn FDI vào thị trường này khoảng 4,6 tỷ USD, chiếm 89,9% trong tổng số 5,4 tỷ USD.

Hình 13: Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (tỷ USD)



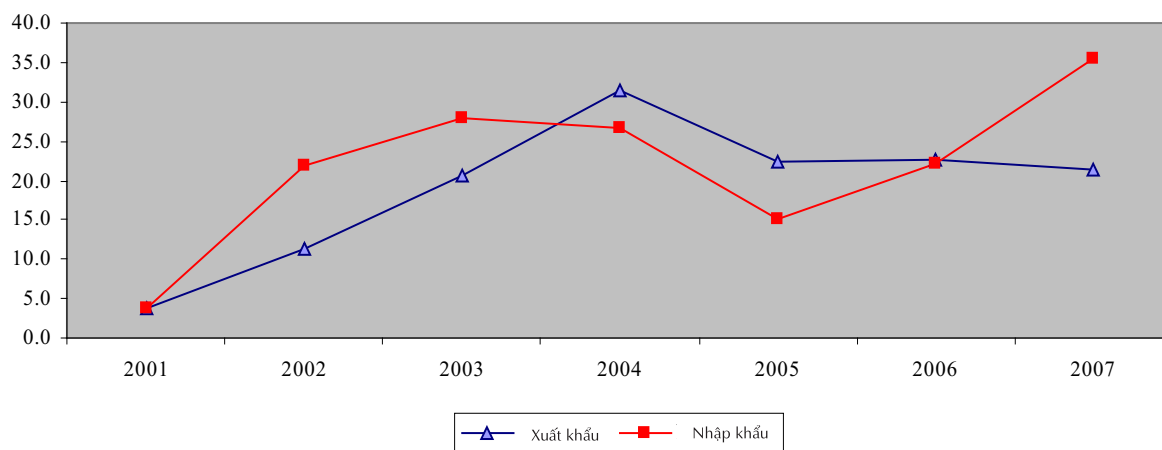
Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Với xu hướng ngày càng quan tâm tới khu vực phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, nhà ở, khu nghỉ ở Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhiều dự án “tỷ đô” được đầu tư, không chỉ ở hai thị trường bất động sản lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh mà ở cả thị trường đang phát triển miền Trung. Gần đây, Tập đoàn Oaktree (Mỹ) đã thông báo đến chính quyền thành phố Đà Nẵng về phương án quy hoạch khu du lịch Làng Vân, với tổng vốn đầu tư dự kiến từ 4,5 đến 5 tỷ USD.

Với số lượng vốn đầu tư FDI ngày càng gia tăng vào các dự án bất động sản, thì điều quan trọng đối với Việt Nam là phải có các chính sách ổn định và minh bạch về tài trợ bất động sản. Luật đất đai và nhà ở phải bãi bỏ các hạn chế còn tồn tại trong các giao dịch và phải có các điều khoản cụ thể về mua và bán các dự án bất động sản. Chính phủ Việt Nam đã có những bước chuyển biến tích cực về mặt pháp lý: các nghị định hướng dẫn thi hành của Luật Đất đai và nhà ở đã tạo ra khung pháp lý minh bạch cho các nhà đầu tư, đồng thời đưa ra các quy định thông thoáng khi tiếp cận thị trường tài chính. Luật Kinh doanh Bất động sản đã mở ra các cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài và Việt kiều khi đầu tư vào bất động sản.

Việc trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 1/2007 đã tạo nên động lực chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng đầu tư nước ngoài và có khả năng sẽ tiếp tục kích thích cải cách đầu tư và cải cách thị trường trong các năm tới. Đồng thời, xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng nhanh chóng bởi sự gia tăng của cơ cấu xuất khẩu đa dạng và nhu cầu mạnh mẽ trong nước về hàng nhập khẩu với tốc độ tăng trưởng lũy kế (CAGR) đạt 16,6% kể từ năm 2003 và tăng lên 21% năm 2006, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng GDP.

Hình 14: Tăng trưởng Xuất nhập khẩu



Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam

Tiềm năng phát triển của ngành tài chính - ngân hàng

Trên thị trường tài chính – ngân hàng hiện nay có 4 ngân hàng thương mại nhà nước, 35 ngân hàng thương mại cổ phần, 5 ngân hàng liên doanh, 37 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 54 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 13 công ty cho thuê tài chính và 12 công ty tài chính, trong đó có các công ty tài chính của các tập đoàn mạnh như Công ty Tài chính Vinashin, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam v.v. và một số lượng lớn các công ty tài chính vừa và nhỏ do các công ty, tổng công ty thành lập phục vụ cho hoạt động của các công ty, tổng công ty đó, và những tổ chức tín dụng khác. Trong đó, các ngân hàng thương mại nhà nước (SOCBs) chỉ chiếm khoảng 6,7% trong số các ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam, tuy nhiên các ngân hàng này chiếm tới 75% tổng tài sản ngân hàng, 77% thị phần hoạt động tín dụng và 75% thị phần huy động vốn (theo Báo cáo ngành ngân hàng 2007 – Vietcombank). Các ngân hàng thương mại cổ phần (JSCBs) tăng trưởng nhanh chiếm khoảng 49,3% trong số các ngân hàng tại Việt Nam, đang cải thiện dần thị phần tín dụng và huy động vốn và ngày càng có vị thế trong hoạt động ngân hàng. Các ngân hàng liên doanh (JVs) và các ngân hàng nước ngoài chiếm khoảng 44% trong số các ngân hàng tại Việt Nam nhưng thị phần hoạt động còn rất khiêm tốn.

Với dân số gần 87 triệu người nhưng chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, trong số đó 6 triệu tài khoản là được mở trong hai năm gần đây, với khoảng 50% tổng số giao dịch vẫn sử dụng tiền mặt, 4 triệu người sử dụng thẻ tín dụng. Điều này cho thấy chỉ khoảng 8% dân số có tài khoản ngân hàng - một tỷ lệ nằm trong số thấp nhất toàn cầu (Nguồn: ADB), như ở Singapore, tỷ lệ này là 95%, ở Malaysia là 65%, ở Thái Lan là 46%. Do vậy thị trường ngân hàng trong nước còn nhiều tiềm năng phát triển.

Vietinbank là Thương hiệu lớn

Là một trong bốn Ngân hàng thương mại Nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, NHCTVN có tổng tài sản chiếm hơn 10% trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng Việt Nam. Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm, tăng mạnh kể từ năm 1996, đạt bình quân hơn 20%/năm, đặc biệt có năm tăng 35% so với năm trước. Bên cạnh đó, NHCT là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu tại Việt Nam và quốc tế. Cùng với lịch sử phát triển, NHCT đang tiến hành hiện đại hóa để đạt chuẩn khu vực và quốc tế, tiến hành cổ phần hóa, hợp tác với các tập đoàn lớn trong và ngoài nước để mở rộng kinh doanh, tăng thêm vị thế. Với thế mạnh về mạng lưới, khách hàng, NHCT ngày càng phát triển hoạt động kinh doanh, hấp dẫn nhiều nhà đầu tư chiến lược cho cổ phần hóa.

Tiến trình cổ phần hóa giúp các ngân hàng thương mại phát triển thương hiệu tốt nhất trong giai đoạn hiện nay. Cổ phần hóa và hiện đại hóa giúp NHCT có được những thế mạnh từ bên trong để giữ được nhân tài, đó là một môi trường làm việc chuyên nghiệp, có định hướng chiến lược phát triển rõ ràng v.v. Để tận dụng cơ hội, công tác thông tin truyền thông là hết sức cần thiết, cần giúp người tài thấy được định hướng phát triển, những cơ hội mà họ có thể nắm được trong tương lai khi NHCT tiến hành hiện đại hóa.

Vietinbank có mạng lưới hoạt động phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước

Với mạng lưới hoạt động gồm 01 Hội sở chính, 03 Sở Giao dịch, 03 Công ty trực thuộc, 03 đơn vị sự nghiệp, 02 Văn phòng đại diện, 138 chi nhánh, 188 phòng giao dịch, 258 điểm giao dịch và 191 quỹ tiết kiệm, 742 máy ATM, phân bố rộng khắp trên 56 tỉnh, thành phố, tập trung nhiều hơn tại các thành phố lớn như Hà Nội (12 chi nhánh và 02 sở giao dịch), Tp. HCM (17 chi nhánh và 01 Sở giao dịch), các khu công nghiệp, khu kinh tế thương mại, vùng đông dân cư, các dịch vụ truyền thống cũng như các dịch vụ hiện đại và giá trị gia tăng khác của NHCT đã đến được với người sử dụng trong cả nước. Điều này giúp NHCT có đủ khả năng đa dạng hoá sản phẩm phù hợp với từng phân đoạn khách hàng.

Hệ thống công nghệ thông tin ngân hàng hiện đại

Hiện tại, hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT của NHCTVN đã và đang được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo tiền đề cho việc phát triển các dịch vụ mới trong tương lai theo mô hình ngân hàng hiện đại. Toàn bộ hệ thống mạng trải rộng khắp cả nước và luôn có phương án dự phòng đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt và đảm bảo cho việc giao dịch trực tuyến với “Hệ thống ngân hàng lõi”. Với hệ thống máy chủ mạnh, hệ thống lưu trữ đủ lớn được thiết kế theo hướng tập trung hoá và ảo hoá nhằm đảm bảo cho Hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) hoạt động ổn định, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển trong vòng 03 đến 05 năm tới v.v. Việc xây dựng Trung tâm dữ liệu (Data center) tại Hà Nội và Trung tâm dự phòng tại Láng Hoà Lạc (dự kiến hoàn thành 12/2008) sẽ đảm bảo

cho toàn bộ hệ thống CNTT luôn được sẵn sàng. NHCTVN cũng đang thực hiện việc chuẩn hoá hệ thống an toàn bảo mật theo tiêu chuẩn quốc tế ISO27001, ISO27002. Bên cạnh đó để nâng cao công tác quản lý cũng như hỗ trợ CNTT trong toàn hệ thống, NHCT đang xây dựng hệ thống quản lý, hỗ trợ CNTT theo tiêu chuẩn ITIL v3.

Hoạt động công nghệ thông tin đã tích cực hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh và quản trị hệ thống, góp phần tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới phục vụ nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

4. Khó khăn và hạn chế

Khó khăn trong quản lý rủi ro

NHCT chưa thành lập Ban Quản lý rủi ro (RMC) và Ban Quản trị tài sản nợ và tài sản có (ALCO), nên trước mắt nghiệp vụ quản lý rủi ro vẫn do bộ phận khác đảm trách. Những tồn tại trong khâu quản lý rủi ro của NHCT chủ yếu ở hai mảng quản trị rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro thị trường và tác nghiệp.

Đối với quản lý rủi ro tín dụng, mặc dù hiện nay NHCTVN đã triển khai nhiều quy trình, quy chế về quản trị rủi ro tín dụng như Sổ tay tín dụng, quy chế cho vay tiêu dùng, cho vay các thành phần kinh tế khác v.v. nhưng hiện NHCT chưa có một khuôn khổ chung cho quản lý rủi ro tín dụng. Mặt khác nhân sự chuyên sâu về quản trị rủi ro tín dụng, hệ thống thông tin khách hàng, ứng dụng các ứng dụng công nghệ thông tin vào trong việc lượng hóa các chỉ tiêu rủi ro cũng là thách thức lớn đối với NHCTVN. Do đó NHCT hiểu được tầm quan trọng và đang nỗ lực thực hiện các chương trình đào tạo nhằm nâng cao sự nhận biết rủi ro tín dụng toàn hệ thống.

Đối với việc quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp, NHCT chưa có mô hình quản lý rủi ro được áp dụng để xác định mức độ rủi ro và mức độ rủi ro có thể chấp nhận được đối với ngân hàng, chưa có kế hoạch chính thức về dự phòng rủi ro thanh khoản cũng như đánh giá rủi ro trong phạm vi toàn ngân hàng hoặc ở cấp các đơn vị kinh doanh.

Do vậy, việc quản lý rủi ro trong hoạt động của ngân hàng bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý còn thiếu tính đồng bộ, chặt chẽ và chưa tuân thủ đúng chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro, có thể gây ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi của NHCT. Hạn chế này cũng là hạn chế phổ biến tại các ngân hàng thương mại. Hạn chế này vừa là khó khăn vừa là điểm yếu mà NHCT cần khắc phục trong tương lai để đảm bảo hoạt động của NHCT được an toàn hơn và nâng cao khả năng sinh lời.

Khó khăn về cơ chế hoạt động

Bên cạnh những tồn tại liên quan đến quản lý rủi ro, NHCT còn gặp những khó khăn trong cơ chế hoạt động. Là một doanh nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước nên trong suốt quá trình hoạt động NHCT phải luôn tuân thủ các quy định của pháp luật đối với loại hình doanh nghiệp nhà nước như chính sách lương thưởng, phúc lợi, định mức lao động, quản lý nhân sự, kế hoạch lợi nhuận, công tác tiếp thị, phát triển khách hàng v.v. Điều này đã làm cho hoạt động kinh doanh phần nào kém linh hoạt và không phát huy hết yếu tố

nguồn lực con người trong quá trình hoạt động.

Hoạt động trong cơ chế này, NHCT đã không ngừng tìm kiếm các giải pháp nhằm hỗ trợ nâng cao đời sống và thu nhập của người lao động trong thời gian qua (theo BCTC kiểm toán năm 2007 của NHCT, thu nhập bình quân năm 2007 là 6,979 triệu/người/tháng – mức thu nhập tương đối cao so với mặt bằng chung của khối ngân hàng, tài chính).

Khó khăn do sự chuyển dịch nguồn lao động

Thời gian qua, việc dịch chuyển các nguồn lực lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán diễn ra rất phổ biến. Nguồn nhân lực của NHCT cũng không nằm ngoài sự chuyển dịch này. Điều này xuất phát từ hai nguyên nhân chủ yếu. Thứ nhất, thị trường dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, chứng khoán đang phát triển với tốc độ cao, yêu cầu về việc mở rộng địa bàn hoạt động, phát triển mạng lưới là yêu cầu cấp bách trong xu thế mở cửa và hội nhập dẫn đến nhu cầu về lao động đối với những lĩnh vực này tăng cao. Việc tuyển mới nhân sự sẽ không hiệu quả bằng việc thu hút các nhân sự có chất lượng cao tại các đơn vị khác trong cùng ngành nghề, cùng lĩnh vực. Thứ hai, bản thân người lao động có chất lượng cao luôn nhận được sự quan tâm và thu hút của các ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính khác với các chính sách, chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Điều này đã dẫn đến việc một bộ phận nhân sự có trình độ, kinh nghiệm chuyển sang làm việc ở nơi khác gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của NHCT.

Khó khăn do áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt

Tính đến thời điểm hiện nay, hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam được chia thành 04 khối bao gồm 4 ngân hàng thương mại nhà nước, 35 ngân hàng thương mại cổ phần, khối các ngân hàng nước ngoài (37 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 5 ngân hàng liên doanh, 54 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 3 ngân hàng 100% vốn nước ngoài vừa được NHNN cấp phép) và khối các công ty tài chính (12 công ty tài chính và 13 công ty cho thuê tài chính) (Nguồn: website của NHNN).

Trước kia, khối các NHTMNN nhờ có lợi thế về quy mô, thương hiệu, mạng lưới đã chiếm thị phần lớn trong thị trường sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây khi hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn, tạo điều kiện bình đẳng cho các thành phần kinh tế cùng phát triển theo cơ chế của nền kinh tế thị trường, thị trường đã ghi nhận sự phát triển vượt bậc của khối các NHTMCP và có thể nói đây đã và sẽ là những đối thủ cạnh tranh của hệ thống các NHTMNN. Thời gian qua, các NHTMCP đã không ngừng nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn điều lệ, đầu tư cho các hoạt động phát triển mạng lưới, thành lập mới các chi nhánh, phát triển hệ thống các phòng giao dịch, đầu tư công nghệ, phát triển sản phẩm cung cấp, đầu tư lắp đặt hệ thống máy ATM tại các địa bàn để có thể phục vụ khách hàng tốt hơn. Bên cạnh đó, các NHTMCP cũng thực hiện hàng loạt các chiến dịch, chương trình

quảng cáo, tiếp thị, quan hệ công chúng để nâng cao vị thế và hình ảnh trên thị trường. Do vậy, NHTMCP có thể nói sẽ là các đối thủ cạnh tranh đối với các NHTMNN.

Theo cam kết hội nhập, từ 01/04/2007 Việt Nam cho phép các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được hoạt động và thực hiện hầu hết các nghiệp vụ như một ngân hàng nội địa – hiện đã có 3 ngân hàng 100% vốn nước ngoài được cấp phép thành lập là Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải và Ngân hàng Standard Chartered Bank và ngân hàng ANZ. Bên cạnh đó, với Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN về việc ban hành quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động của NHTMCP, trong thời gian tới sẽ có nhiều NHTMCP ra đời và đi vào hoạt động. Như vậy quy mô về số lượng các ngân hàng sẽ tăng lên nhiều so với hiện nay. Việt Nam vẫn được đánh giá là một thị trường vô cùng tiềm năng đối với các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng. Tuy nhiên, các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam chưa có sự đa dạng, tính phù hợp hướng đến các đối tượng sử dụng khác nhau, mà vẫn mang tính đơn điệu, chung chung, do vậy làm cho sự cạnh tranh lại càng gay gắt hơn.

hêm vào đó, lãi suất huy động liên tục tăng từ năm 2005 đến nay đã đẩy mặt bằng lãi suất chung lên cao. Đặc biệt, do dư nợ tín dụng tăng trưởng quá cao vào các tháng cuối năm 2007 dẫn đến áp lực nhu cầu vốn rất lớn. Trong khi đó, lạm phát đang là mối quan tâm lớn nhất của nền kinh tế Việt Nam lúc này. Số liệu lạm phát được công bố chính thức là tăng 21,87% cho 9 tháng đầu năm 2008, dự báo chỉ số giá tiêu dùng cả năm tăng khoảng 24% (Nguồn: Tổng cục thống kê). Chính vì vậy, để kiềm chế lạm phát, từ đầu tháng 2 năm 2008, NHNN đã áp dụng đồng thời nhiều biện pháp nhằm thắt chặt tiền tệ như tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 10% lên 11% và mới được điều chỉnh xuống còn 10%; phát hành 20,3 nghìn tỷ đồng tín phiếu NHNN bắt buộc và không được sử dụng tín phiếu này để vay tái cấp vốn; lãi suất cơ bản tăng từ 8,25% lên 8,75%, 14% và hiện nay là 12%; lãi suất tái cấp vốn tăng từ 6,5% lên 7,5%, 14% và hiện nay là 13%; lãi suất chiết khấu tăng từ 4,5% lên 6%, 12% và hiện nay là 11%.

Việc bắt buộc áp dụng đồng thời một loạt các biện pháp trên đã khiến nhiều ngân hàng đứng trước khả năng thiếu hụt tiền mặt trầm trọng. Điều này đã đẩy các ngân hàng vào cuộc đua lãi suất huy động vốn. Đầu năm 2005, lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm của các ngân hàng dao động trong khoảng 7,5% - 8%, đến năm 2006 đã tăng lên 8,4% - 9%. Lãi suất huy động của các ngân hàng đã có thời điểm đạt mức kỷ lục là trên 19%/năm (Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank). Thời gian gần đây tuy các ngân hàng đã lần lượt hạ lãi suất huy động nhưng vẫn còn ở mức rất cao so với thời điểm năm 2007. Việc duy trì lãi suất tiền gửi ở mức cao của toàn hệ thống ngân hàng cho thấy áp lực cạnh tranh trong khu vực ngân hàng nội địa.

Áp lực từ biến động của nền kinh tế, cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các ngân hàng và các định chế tài chính đã làm thay đổi cơ cấu nguồn vốn theo hướng kỳ hạn ngắn dần, nguồn vốn lỏng dễ bị tác động bởi các yếu tố như tỷ giá, lạm phát,

tâm lý khách hàng v.v. đã tạo ra nhiều sức ép và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam nói chung và của NHCT nói riêng trong thời gian vừa qua. Nguồn vốn huy động thiếu sự ổn định và cơ cấu kỳ hạn ngày càng ngắn khi các ngân hàng chỉ dùng công cụ cạnh tranh bằng lãi suất là chủ yếu; việc tuân thủ các cam kết kỳ hạn từ phía khách hàng ngày càng giảm dần; tiền gửi của doanh nghiệp ngày càng hạn chế. Bên cạnh đó, sức ép tăng trưởng tín dụng rất lớn từ nhu cầu vốn của nền kinh tế, cơ hội cho vay khách hàng mới trở nên dễ dàng là áp lực không nhỏ đối với nhiều chi nhánh NHCT, đặc biệt là với những chi nhánh trước đây rất khó tăng trưởng dư nợ tín dụng. Kết quả là dư nợ tăng rất mạnh, liên tục trong 4 tháng đầu năm 2008 trong khi nguồn vốn sụt giảm gây rất nhiều khó khăn về cân đối vốn kinh doanh, đảm bảo khả năng thanh toán. Thêm vào đó, hiệu quả kinh doanh của hoạt động tín dụng giảm thấp vì sự biến động quá nhanh của lãi suất huy động trong thời gian ngắn cộng với các chi phí khuyến mại, dự trữ bắt buộc tăng làm cho mức chênh lệch giữa lãi suất đầu vào và lãi suất đầu ra ngày càng thu hẹp. Hơn nữa, sự biến động trái chiều của lãi suất ngoại tệ trong nước so với thị trường thế giới làm một số khoản vay trung dài hạn ngoại tệ của Ngân hàng thấp hơn so với lãi suất huy động vốn cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh chung của NHCT.

Hạn chế về nguồn thu nhập

Tuy hoạt động đa năng, phát triển nhiều dịch vụ, sản phẩm mới nhưng nguồn thu nhập chính của NHCT vẫn từ hoạt động tín dụng truyền thống. So với nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần, các sản phẩm bán lẻ của NHCT chưa thực sự phong phú, đa dạng, vì vậy chưa đáp ứng kịp nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cá nhân, thiếu tính liên kết với các sản phẩm dịch vụ khác để tạo ra các gói sản phẩm hàm chứa nhiều giá trị gia tăng. Đặc biệt, giá vàng và ngoại tệ cũng biến động không ngừng cùng với lãi suất là diễn biến tất yếu của kinh tế thị trường trong thời gian qua sẽ tạo ra nhu cầu sử dụng các sản phẩm tài chính phái sinh. Tuy nhiên, hiện nay NHCT chưa chuẩn bị được nhiều cho việc cung ứng các sản phẩm này đến khách hàng (như các sản phẩm kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hoán đổi và quyền chọn, v.v.).

Công tác tiếp thị, marketing bán hàng, tuyên truyền quảng cáo về nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ ngân hàng nói chung còn nhiều tồn tại, chưa có sự khác biệt mang tính cạnh tranh cao trên thị trường.

Hạn chế về hệ thống công nghệ thông tin

Mặc dù công nghệ ngân hàng đã được đổi mới và hiện đại hóa nhưng vẫn chưa theo kịp các ngân hàng trong khu vực. Tính năng “Hệ thống ngân hàng lõi” còn hạn chế (chương trình hiện đại hóa INCAS cần bổ sung nhiều tiện ích để đáp ứng nhu cầu phân tích quản trị và điều hành), việc tổ chức triển khai đầu tư công nghệ đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu cấp bách của hoạt động kinh doanh trong giai đoạn hội nhập.

Hệ thống kế toán của NHCT còn thiếu tính đồng bộ, hệ thống thanh toán giữa các ngân hàng thương mại và ngân hàng nhà nước chưa thống nhất, cần phải tiếp tục đổi mới và hiện đại hóa.

Các hạn chế khác

Bên cạnh những khó khăn trên, NHCT còn gặp phải một số những hạn chế trong quá trình hoạt động như hạn chế liên quan đến việc tính giá vốn nội bộ, thiếu công cụ để xác định chính xác mức độ sinh lời từng danh mục tài sản cũng như sản phẩm cụ thể để định hướng phát triển.

Một số chi nhánh còn chủ quan, chưa nhận thức đúng khó khăn, diễn biến phức tạp của thị trường khi điều hành hoạt động kinh doanh, chưa tuân thủ đúng chủ trương, chỉ đạo của Ban lãnh đạo như cho vay vượt quá chỉ tiêu, cho vay vào lĩnh vực đã được yêu cầu hạn chế, cho vay với tài sản thế chấp không đảm bảo giá trị, chưa tận dụng thời cơ để cơ cấu lại khách hàng v.v. vừa gây khó khăn cho điều hành hệ thống vừa không cải thiện được chất lượng tín dụng.

Cơ cấu tổ chức nguồn nhân lực còn một số bất cập như: chưa có sự trao đổi hợp lý giữa các phòng quản lý nguồn nhân lực tại Trụ sở chính với cán bộ nguồn nhân lực tại các chi nhánh; sự phối hợp chưa triệt để trong xử lý công việc giữa một số phòng ban, giữa Trụ sở chính và chi nhánh đôi lúc gây chậm trễ, ách tắc, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh; thiếu cán bộ, chuyên gia giỏi đảm nhiệm các nghiệp vụ mới và lĩnh vực công nghệ cao.

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm 2004 - 2008

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHCTVN giai đoạn 2004 - 2008

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	2007	9 tháng đầu năm 2008
Tài sản, nguồn vốn					
Tổng tài sản	98.601.171	115.765.970	135.442.520	166.112.971	187.534.335
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8.400.308	14.384.495	26.229.341	12.841.040	21.894.634
Cho vay và tạm ứng khách hàng	69.238.983	74.632.271	80.142.030	100.482.233	115.282.450
Đầu tư vào chứng khoán	11.839.087	13.586.843	17.329.218	37.404.891	26.815.554
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.532.405	4.756.672	4.923.742	5.428.856	11.173.724
Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	72.258.562	84.387.013	91.505.860	112.692.813	112.513.808
Vốn chủ sở hữu	4.593.153	4.999.839	5.637.625	10.646.529	11.599.806
Kết quả kinh doanh					
Thu nhập hoạt động	2.997.424	3.808.236	4.571.569	6.648.680	6.378.230
Chi phí hoạt động	(1.219.857)	(1.790.546)	(2.141.322)	(2.766.027)	2.581.995
Dự phòng rủi ro	(1.441.782)	(1.492.506)	(1.600.256)	(2.353.568)	(2.509.508)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự trữ rủi ro tín dụng	1.777.567	2.017.690	2.430.247	3.882.653	3.796.235
Lợi nhuận trước thuế	335.785	525.184	829.991	1.529.085	1.286.727
Lợi nhuận sau thuế	276.521	423.093	602.800	1.149.442	1.096.316
Các chỉ tiêu tài chính					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	0,34%	0,49%	0,66%	1,01%	0,73%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	7,31%	10,95%	15,61%	18,78%	11,57%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	11,20%	13,79%	18,11%	23,00%	20,17%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0,28%	0,39%	0,48%	0,76%	0,62%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,02%	8,82%	11,33%	14,12%	9,86%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	9,23%	11,11%	13,19%	17,29%	17,19%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2005, 2006, 2007 và BCTC chưa kiểm toán Q3/2008 Vietinbank (số liệu 9 tháng đầu năm 2008 chưa bao gồm các Công ty hạch toán độc lập).

III. TÀI SẢN CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

1. Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2007

Bảng 13: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2007

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	2.238.996	1.242.325	996.671
Nhà cửa, vật kiến trúc	637.770	244.289	393.481
Máy móc thiết bị	1.204.230	720.148	484.082
Phương tiện vận tải	259.584	177.605	81.979
Tài sản cố định khác	137.412	100.283	37.129
Tài sản cố định vô hình	309.642	92.117	217.525
Quyền sử dụng đất	182.397	8.172	174.225
Phần mềm kế toán	126.512	83.340	43.172
Tài sản vô hình khác	733	605	128

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2007 Vietinbank

2. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất NHCT hiện đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm 30/09/2008 là: 563.284,27 m², được chi tiết như sau:

Bảng 14: Tình hình quản lý và sử dụng đất

Nội dung	Diện tích
■ Phân theo mục đích sử dụng:	563.284,27 m²
- Đất sử dụng làm trụ sở, văn phòng giao dịch	511.730,57 m ²
- Đất sử dụng làm kho lưu giữ, nhà để xe	3.649,00 m ²
- Đất sử dụng kinh doanh ngành nghề khác	5.532,75 m ²
- Đất không dùng	0,00 m ²
- Đất chưa dùng	1.615,50 m ²
- Khác	40.756,45 m ²
■ Phân theo hình thức nhận quyền sử dụng đất	563.284,27 m²
- Giao đất	105.423,88 m ²
- Thuê đất trả tiền một lần	40.120,54 m ²

- Thuê đất trả tiền hàng năm	261.133,05 m ²
- Đất khác do NHCT sở hữu	95.300,65 m ²
- Đất chưa nhận Chứng nhận quyền sử dụng đất	61.306,15 m ²

Nguồn: Vietinbank

IV. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Căn cứ theo quyết định số 2604/QĐ- NHNN về công bố giá trị doanh nghiệp NHCTVN do NHNN ban hành ngày 04 tháng 11 năm 2008, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 31/12/2007 của NHCTVN để cổ phần hóa như sau:

Bảng 15: Giá trị doanh nghiệp và Giá trị phần vốn nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Giá trị sổ sách	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
1	Giá trị doanh nghiệp	166.112.971	172.157.726	6.044.755
2	<i>Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</i>	<i>10.040.855</i>	<i>16.085.610</i>	<i>6.044.755</i>

Đồng thời quyết định này cũng nêu rõ NHCTVN không thực hiện điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được đánh giá lại.

PHẦN II: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Tên gọi và địa chỉ

Tên tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

Tên viết tắt tiếng Anh: VIETINBANK

Trụ sở chính : Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 3942.1030

Fax : (84.4) 3942.1032

Website : www.vietinbank.vn

Biểu trưng (logo): 

2. Hình thức cổ phần hóa

Theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, NHCT được cổ phần hóa theo hình thức giữ nguyên phần vốn Nhà nước tại NHCT theo giá trị được xác định lại, đồng thời phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn theo nguyên tắc Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, không thấp hơn 51% vốn điều lệ của NHTMCP CÔNG THƯƠNG

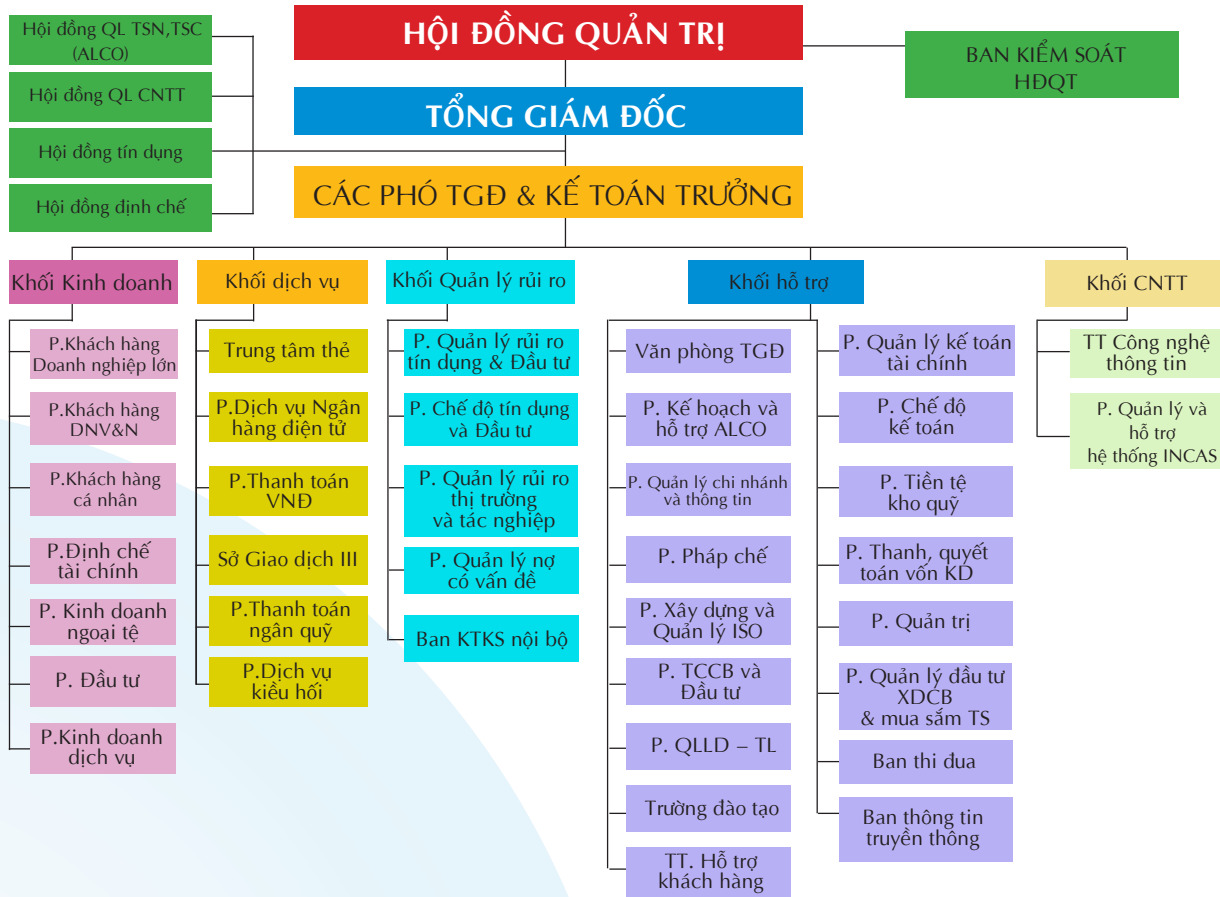
Tổng khối lượng cổ phần phát hành lần đầu chiếm 20% vốn điều lệ của NHTMCP CÔNG THƯƠNG tương đương với 2.680 tỷ đồng theo cơ cấu vốn phát hành trình bày ở mục 5 dưới đây.

3. Cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa

Cơ cấu tổ chức của NHTMCP Công Thương sau cổ phần hoá như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội Đồng quản trị
- Ban Điều hành
- Ban Kiểm soát
- Các bộ phận trực thuộc hội sở chính (với các phòng ban trực thuộc)
 - Bộ phận bán hàng (với các phòng ban trực thuộc phân loại theo từng phân đoạn thị trường, loại khách hàng
 - Bộ phận dịch vụ khách hàng
 - Bộ phận phụ trách các sản phẩm
 - Bộ phận hỗ trợ: phân tích và xử lý rủi ro, tài chính kế toán, nhân sự và đào tạo, truyền thông, chiến lược, quan hệ nhà đầu tư
 - Bộ phận kinh doanh vốn (đầu tư tài chính, đầu tư dự án, liên doanh liên kết v.v.)
- Các chi nhánh và phòng giao dịch
- Các công ty thành viên

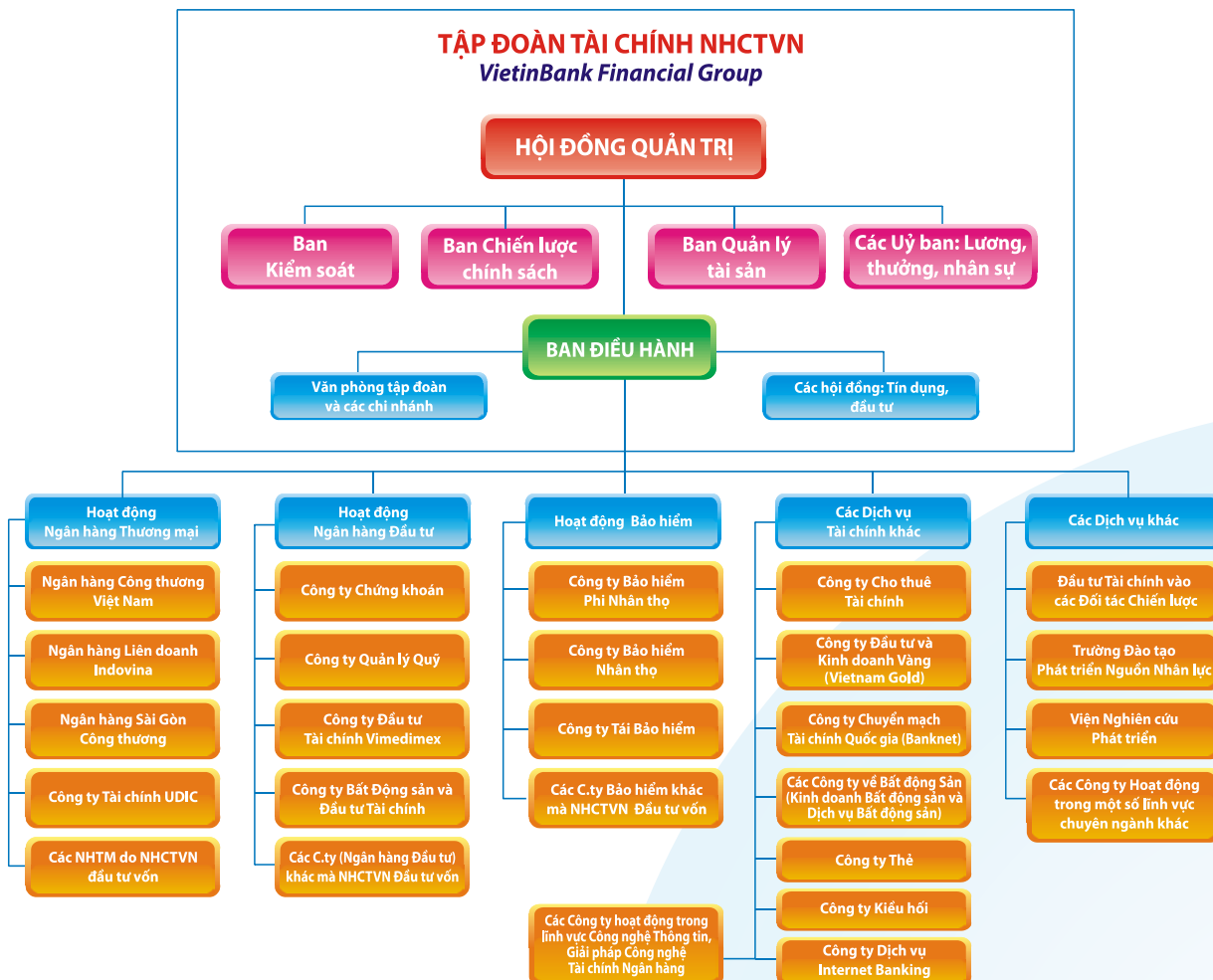
Hình 15: Mô hình tổ chức Ngân hàng TMCP CÔNG THƯƠNG



Nguồn: Vietinbank

Với mục tiêu chiến lược là sau cổ phần hóa, NHTMCPCT sẽ trở thành Tập đoàn Tài chính hàng đầu tại Việt Nam, ngang tầm với khu vực và vươn xa tầm hoạt động ra thế giới, mô hình Tập đoàn Tài chính NHCTVN được xây dựng như sau:

Hình 16: Mô hình Tập đoàn Tài chính NHCTVN



Nguồn: Vietinbank

4. Các hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, NHTMCP Công Thương dự kiến vẫn sẽ tiến hành các hoạt động kinh doanh như trước khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, Ngân hàng sẽ nỗ lực nâng cao chất lượng các hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh cho phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh mới theo kế hoạch kinh doanh dự kiến đã đưa ra.

Các lĩnh vực kinh doanh chính của Ngân hàng sau cổ phần hóa bao gồm:

- Huy động vốn
- Cho vay nền kinh tế
- Đầu tư
- Thanh toán và ngân quỹ
- Các dịch vụ khác.

5. Vốn điều lệ sau cổ phần hóa

Việc xây dựng vốn điều lệ của NHCT sau khi cổ phần hóa được cân nhắc giữa các tiêu chí: đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định hiện hành và phù hợp với hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng trong tương lai, đảm bảo mức sinh lời trên vốn đủ để hấp dẫn các nhà đầu tư, đảm bảo mức vốn cần thiết để đầu tư và mở rộng hoạt động của ngân hàng sau khi cổ phần hóa. Theo đó, Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa NHCT và Quyết định số 2604/QĐ-NHNN về Công bố giá trị doanh nghiệp NHCT, vốn điều lệ sau cổ phần hóa của NHCT được lựa chọn là: 13.400.000.000.000 đồng.

Theo công văn số 300/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 05 tháng 11 năm 2008 của NHCT về việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung cổ phần hóa của NHCT và công văn số 2901/CV-TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính Phủ về đồng ý với các nội dung trong công văn số 300 nêu trên, cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của NHTMCPCT như sau:

Bảng 16: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

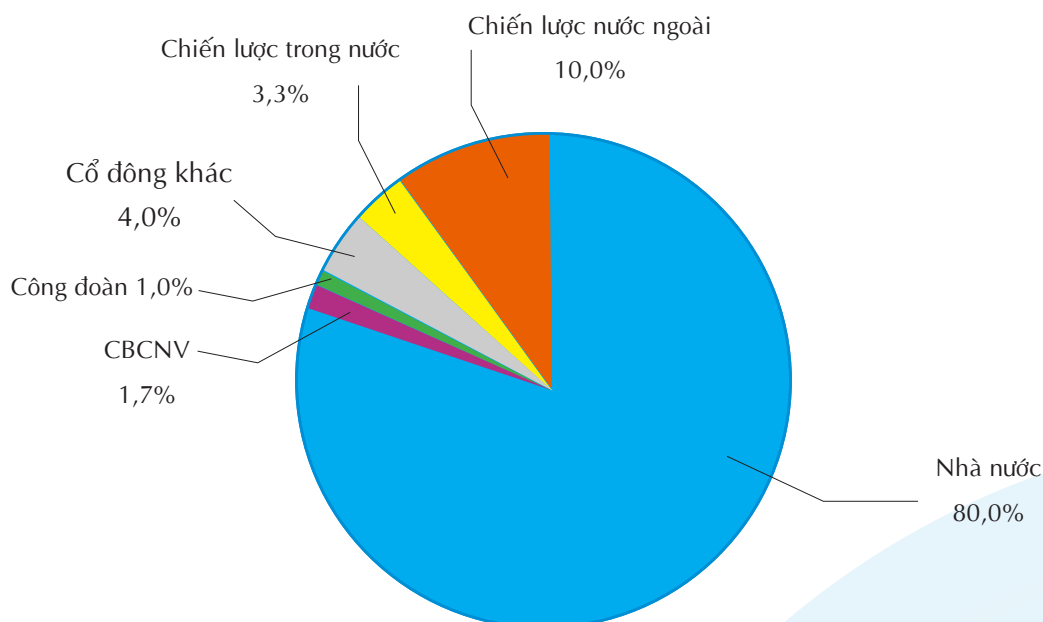
Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	(%) nắm giữ	Giá trị
Vốn điều lệ		13.400.000
- Nhà nước	80%	10.720.000
- CBCNV	1,7%	227.800
- Tổ chức công đoàn	1,0%	134.000
- Nhà đầu tư chiến lược trong nước	3,3%	442.200
- Cổ đông khác thông qua IPO	4,0%	536.000
- Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài	10,0%	1.340.000

Nguồn: Vietinbank

Vốn điều lệ thực tế sau cổ phần hóa sẽ được điều chỉnh theo kết quả thực tế và quy định hiện hành. Sau cổ phần hóa, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước sẽ quản lý phần vốn nhà nước tại NHTMCPCT. NHNN cử người làm đại diện phần vốn nhà nước này và tham gia Hội đồng quản trị NHTMCPCT. Chính phủ Việt Nam chủ trương giảm tỷ lệ sở hữu vốn trong NHTMCPCT xuống còn 51% vào năm 2010.

Hình 17: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Vietinbank



6. Thuận lợi và khó khăn

6.1. Thuận lợi

Chuyển đổi sang hình thức ngân hàng cổ phần, cơ chế sở hữu có sự thay đổi, có sự tham gia của nhiều thành phần sở hữu và đặc biệt là các đối tác chiến lược nước ngoài sẽ cải thiện văn hóa kinh doanh, công tác quản trị Ngân hàng phù hợp với tình hình mới, tăng tính cạnh tranh của NHTMCPCT trên thị trường đồng thời mở ra nhiều cơ hội được tiếp cận công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong kinh doanh ngân hàng.

Sau cổ phần hóa, bộ máy tổ chức nhân sự sẽ được chuyển đổi, sắp xếp gọn nhẹ tạo điều kiện cho NHTMCPCT đổi mới và củng cố cơ cấu tổ chức.

Mạng lưới phân phối sâu rộng là thuận lợi nổi trội của NHTMCPCT. Điều này giúp Ngân hàng có đủ nguồn lực để phát triển sản phẩm phù hợp với phân đoạn khách hàng cao cấp. Sau cổ phần hóa, vốn điều lệ lớn là cơ sở để NHCT mở rộng và củng cố thêm hệ thống mạng lưới chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn quốc.

Năng lực vốn chủ sở hữu sau cổ phần hóa của Ngân hàng tăng cao là điều kiện thuận lợi để NHTMCPCT thực hiện tài trợ cho các dự án lớn và đáp ứng các nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp quy mô lớn.

Mối quan hệ gắn bó sâu sắc với các khách hàng truyền thống là các DNNN sẽ hỗ trợ hoạt động của Ngân hàng.

6.2. Khó khăn

Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng cao trong thời gian qua nhưng lạm phát hiện đang ở mức rất cao (chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng đầu năm 2008 so với cùng kỳ 2007 là trên 27% - theo Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2008 của Chính phủ) đã làm giảm đáng kể niềm tin của các nhà đầu tư và người tiêu dùng. Cùng với việc giá nhiên liệu liên tục tăng cao đã làm tăng thêm áp lực lạm phát lên nền kinh tế. Kết quả là sản xuất và chi tiêu trong nước có nguy cơ giảm và tín dụng cũng giảm theo.

Bên cạnh đó, lãi suất VND và USD hiện cũng không ổn định khiến các ngân hàng nói chung và NHTMCPCT nói riêng sẽ phải có các chính sách thay đổi linh hoạt để đảm bảo huy động được nguồn vốn cần thiết trong khi vẫn phải đảm bảo hiệu quả.

Sau cổ phần hóa, vốn điều lệ tăng và sự tham gia của các cổ đông bên ngoài sẽ dẫn đến áp lực về quản lý, điều hành, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả ngày càng tăng. Sự trợ cấp, bảo hộ về vốn, tín dụng v.v. của Nhà nước giảm đi, Ngân hàng phải tự lực trong hoạt động kinh doanh.

Hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ và thường xuyên thay đổi trong lĩnh vực tài chính ngân hàng gây ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động của Ngân hàng.

Cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ngày càng khốc liệt đòi hỏi NHTMCPCT phải có các chính sách phù hợp, linh hoạt về sản phẩm, lãi suất cũng như phải không ngừng đổi mới từ hoạt động kinh doanh đến quản lý điều hành.

7. Chiến lược kinh doanh trong các năm tới

7.1. Mục tiêu chiến lược sau cổ phần hóa

Theo Phương án kinh doanh sau cổ phần hóa của NHTMCPCT, mục tiêu của NHTMCPCT sau cổ phần hóa là:

- Hiện đại hoá.
- Minh bạch và lành mạnh tài chính.
- Tiêu chuẩn hoá các dịch vụ, quản trị ngân hàng và quản trị nguồn nhân lực.
- Trở thành tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam, ngang tầm với khu vực và vươn xa tầm hoạt động ra thế giới.

7.2. Chiến lược của NHTMCP Công thương

Xây dựng mô hình hoạt động của một nhà cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện

Với mục tiêu trở thành một tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện, NHTMCPCT định hướng xây dựng mô hình hoạt động cho phép thực hiện chiến lược tổng thể của Ngân hàng. Triển khai thành công mô hình này sẽ giúp Ngân hàng tiết kiệm chi phí trong hệ thống ngân hàng và đẩy mạnh tăng trưởng trong các mảng thị trường khách hàng chủ chốt. Điều này còn giúp NHTMCPCT xác định rõ trách nhiệm giữa các nhóm sản phẩm và các phòng ban chịu trách nhiệm cung cấp các sản phẩm.

Xây dựng chiến lược Công ty đầu tư

NHTMCPCT sẽ xây dựng một chiến lược chi tiết đối với công ty đầu tư, trong đó xác định rõ các lĩnh vực chính mà công ty đầu tư cần tập trung và tác động của chiến lược đối với phương thức làm việc hiện nay. Việc thực hiện chiến lược sẽ giúp NHTMCPCT phát triển quan hệ đối tác chiến lược trên cơ sở có chọn lọc với các doanh nghiệp lớn quan trọng (mảng khách hàng chủ chốt). Điều này giúp Ngân hàng tận dụng sức mạnh tổng hợp nhằm trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện.

Thành lập Trung tâm phát triển danh mục đầu tư nhằm đánh giá các cơ hội tăng trưởng và giảm chi phí

Việc xây dựng trung tâm đánh giá các cơ hội tăng trưởng và giảm chi phí trong các nghiệp vụ và sản phẩm nhằm đảm bảo cơ cấu danh mục đầu tư lành mạnh. NHTMCPCT định hướng cải thiện các quy trình phát triển sản phẩm, bao gồm cả việc quản trị toàn bộ vòng đời của sản phẩm, cũng như phát triển các kênh phân phối sản phẩm. Các quy trình phát triển này bao gồm cả việc phát triển và giới thiệu sản phẩm mới, cũng như điều chỉnh các sản phẩm và dịch vụ hiện tại cho phù hợp với các mảng khách hàng cụ thể. Việc thành lập Trung tâm phát triển danh mục đầu tư sẽ giúp NHTMCPCT tạo ra các sản phẩm và các thương vụ kinh doanh phù hợp với nhu cầu ngày càng phát triển của khách hàng.

Phát triển và giới thiệu các sản phẩm mới thông qua cải tiến sản phẩm và phát triển kênh phân phối

Để thành công trong các thị trường khách hàng trọng yếu, điều quan trọng là đưa ra được các sản phẩm mới và phân phối các sản phẩm này thông qua các kênh khác nhau, đảm bảo các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường mục tiêu và dễ dàng tiếp cận các thị trường mục tiêu. Việc này sẽ giúp rà soát, hoàn chỉnh và thực hiện quy trình phát triển và phân phối sản phẩm mới cho các thị trường khách hàng khác nhau. Cải thiện phương pháp tiếp cận cho việc bán thêm và bán kèm các sản phẩm và dịch vụ trong nhiều thị trường khách hàng khác nhau.

Quy trình nhận diện các cơ hội và phương pháp tiếp cận để bán thêm, bán kèm sản phẩm và dịch vụ cần phải được cải thiện, không chỉ trong phạm vi từng mảng thị trường khách hàng mà còn giữa các mảng thị trường khách hàng với nhau. Việc áp dụng các phương pháp tiếp cận phù hợp cho tất cả các mảng thị trường sẽ giúp Ngân hàng phục vụ được khách hàng của khách hàng, liên thông giữa các mảng thị trường, giúp tối đa hoá số lượng sản phẩm được sử dụng bởi mỗi khách hàng cũng như khả năng sinh lời của mỗi tài khoản.

Phát triển các chiến lược về dịch vụ sau bán hàng, chú trọng các phương pháp tiếp cận quản trị tài khoản phù hợp và phát triển quan hệ

Tập trung phát triển tài khoản và xây dựng quan hệ sẽ giúp NHTMCPCT cung cấp

dịch vụ chất lượng cao và có thêm khách hàng.

Xây dựng chiến lược dịch vụ hậu mãi, cùng với cách thức xử lý dịch vụ khác nhau cho các mảng khách hàng có tầm quan trọng đặc biệt trong các mảng thị trường khách hàng là những cá nhân có thu nhập cao, DNVVN, doanh nghiệp lớn và khách hàng của thị trường liên ngân hàng.

Thiết lập mối quan hệ lâu dài với khách hàng và hiểu rõ hơn về những yếu kém trong việc cung cấp các sản phẩm hiện tại sẽ giúp NHTMCPCT trở thành ngân hàng được lựa chọn là nhà cung cấp dịch vụ tài chính tốt nhất và sáng tạo nhất.

7.3. Kế hoạch tài chính

Trong giai đoạn 2008-2010 ngoài các công ty con, NHTMCPCT sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi kinh doanh và các thị trường mới. NHTMCPCT tập trung vào hai lĩnh vực hoạt động: nghiệp vụ ngân hàng thương mại cho người tiêu dùng và khối các DNVVN.

Bảng 17: Bảng cân đối kế toán dự kiến thời kỳ 2008 – 2012

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	12-08	12-09	12-10	12-11	12-12
Tổng tài sản có					
Tiền mặt và tiền mặt tương đương tại quỹ	2.098	2.504	2.884	3.295	3.728
Tiền gửi tại NHNN	10.607	13.524	16.569	20.309	24.699
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng khác	5.126	6.368	7.781	9.348	11.180
Tiền gửi và tín dụng tại các ngân hàng khác	10.489	13.174	16.020	19.384	23.298
Đầu tư vào chứng khoán	44.247	51.769	60.570	70.867	82.915
Tín dụng (trừ dự phòng rủi ro)	130.027	166.399	204.345	247.360	297.013
Tài sản có khác	7.182	9.743	12.224	17.118	23.132
Tổng tài sản có	209.776	263.482	320.392	387.682	465.965
Tài sản nợ và VCSH					
Tiền gửi thanh toán của KBNN và các ngân hàng khác	1.971	2.476	3.004	3.648	4.395
Vay NHNN	394	495	601	730	879
Tiền gửi có kỳ hạn và vay các ngân hàng khác	5.912	8.666	10.516	12.768	15.383
Tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khách hàng khác	151.532	193.207	236.693	290.135	352.845
Các khoản vay khác	31.532	37.760	43.566	50.162	57.137
Các tài sản nợ khác	5.736	5.002	6.069	7.369	8.878
Tổng tài sản nợ	197.078	247.606	300.449	364.812	439.518
VCSH	12.698	15.877	19.944	22.870	26.447
Tổng tài sản nợ và VCSH	209.776	263.482	320.392	387.682	465.965

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Vietinbank

Ghi chú:

Các dự đoán dựa vào giả thiết của Ban lãnh đạo NHCT;

Giả thiết việc cổ phần hóa của NHCT diễn ra vào năm 2008 bằng việc bán đi 10% cổ phần trong đợt IPO trong nước và 10% bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, bao gồm toàn bộ các cổ phiếu mới phát hành của NHCT;

Các dự đoán giả thiết rằng NHTMCPCT nhận được 20% thặng dư vốn trên giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu bán ra;

Giả thiết có một đợt tăng vốn thêm 1.649 tỷ VND nữa vào năm 2010 để đảm bảo tỉ lệ vốn cấp 1 ở mức trên 10%;

Giả thiết thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% cho tất cả các năm theo phương án cổ phần hóa đã duyệt. Xin lưu ý, theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm xuống mức 25%.

Bảng 18: Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2008-2012

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2008	2009	2010	2011	2012
Các khoản mục lãi, lỗ chính					
Lãi và thu nhập từ lãi	16.306	21.116	25.618	31.577	38.245
Lãi và chi phí lãi	(10.543)	(13.830)	(16.398)	(20.524)	(25.126)
Lãi và thu nhập lãi ròng	5.763	7.286	9.219	11.053	13.119
Phí, hoa hồng phí và các khoản thu nhập ngoài lãi ròng	837	1.187	1.716	2.264	3.026
Các khoản thu nhập từ hoạt động khác	975	907	921	950	1.010
Thu nhập ngoài lãi ròng	1.813	2.094	2.637	3.214	4.035
Chi phí lương và các chi phí cho cán bộ khác	(2.105)	(2.631)	(3.157)	(3.710)	(4.322)
Khấu hao và các chi phí hoạt động khác	(1.510)	(1.905)	(2.341)	(2.860)	(3.500)
Tổng chi ngoài lãi	(3.615)	(4.537)	(5.498)	(6.570)	(7.822)
Thu nhập hoạt động trước dự phòng	3.961	4.843	6.357	7.697	9.333
Chi dự phòng	(2.242)	(1.834)	(2.286)	(2.743)	(3.247)
Thu nhập trước thuế	1.719	3.009	4.072	4.954	6.086

Thuế thu nhập	(481)	(842)	(1.140)	(1.387)	(1.704)
Thu nhập ròng dành cho cổ đông	1.237	2.166	2.932	3.567	4.382
Cổ tức chi trong năm	0	(433)	(586)	(713)	(876)

Nguồn: Vietinbank

Ghi chú:

Các dự đoán dựa vào giả thiết của Ban lãnh đạo NHCT;

Giả thiết việc cổ phần hóa của NHCT diễn ra vào năm 2008 bằng việc bán đi 10% cổ phần trong đợt IPO trong nước và 10% bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, bao gồm toàn bộ các cổ phiếu mới phát hành của NHCT;

Các dự đoán giả thiết rằng NHTMCPCT nhận được 20% thặng dư vốn trên giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu bán ra;

Giả thiết có một đợt tăng vốn thêm 1.649 tỷ VND nữa vào năm 2010 để đảm bảo tỉ lệ vốn cấp 1 ở mức trên 10%;

Giả thiết thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% cho tất cả các năm theo phương án cổ phần hóa đã duyệt. Xin lưu ý, theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm xuống mức 25%.

Bảng 19: Các chỉ số hoạt động dự kiến thời kỳ 2008 – 2012

Tại thời điểm	12-08	12-09	12-10	12-11	12-12
Các chỉ số hoạt động					
Lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân	0,66%	0,92%	1,00%	1,01%	1,03%
Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân	10,6%	15,2%	16,4%	16,7%	17,8%
Chỉ số hiệu quả (Chi phí/thu nhập)	47,7%	48,4%	46,4%	46,1%	45,6%
Các chỉ số thanh khoản					
Tiền mặt/Tổng tài sản có	1,00%	0,95%	0,90%	0,85%	0,80%
Tổng tín dụng/tổng tiền gửi	87,9%	88,2%	88,6%	87,8%	86,9%
Tổng tín dụng/tài sản có	63,5%	64,7%	65,5%	65,7%	65,8%
Dữ liệu về tỷ lệ và chênh lệch					
Biên độ dao động lãi ròng	2,82%	2,84%	2,92%	2,85%	2,78%
Chênh lệch lãi ròng	3,16%	3,17%	3,25%	3,20%	3,14%

Các chỉ số vốn theo quy định					
Vốn cấp I	10,1%	10,2%	10,8%	10,5%	10,5%
Vốn cấp II (dự trữ chung)	0,8%	0,8%	0,8%	0,9%	0,9%
Tỷ lệ an toàn vốn	10,9%	11,0%	11,6%	11,4%	11,4%
Chất lượng tài sản có					
Nợ có vấn đề/Tổng dư nợ	1,95%	1,79%	1,82%	1,88%	1,94%
Các chỉ số khác					
% thu nhập từ phí/ tổng thu nhập	13,5%	14,7%	16,3%	17,5%	19,1%

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị Vietinbank

Ghi chú:

Các dự đoán dựa vào giả thiết của Ban lãnh đạo NHCT;

Giả thiết việc cổ phần hóa của NHCT diễn ra vào năm 2008 bằng việc bán đi 10% cổ phần trong đợt IPO trong nước và 10% bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, bao gồm toàn bộ các cổ phiếu mới phát hành của NHCT;

Các dự đoán giả thiết rằng NHTMCPCT nhận được 20% thặng dư vốn trên giá trị danh nghĩa của các cổ phần bán ra;

Giả thiết có một đợt tăng vốn thêm 1.649 tỷ VND nữa vào năm 2010 để đảm bảo tỉ lệ vốn cấp 1 ở mức trên 10%;

Giả thiết thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% cho tất cả các năm theo phương án cổ phần hóa đã duyệt. Xin lưu ý, theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm xuống mức 25%.

7.4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các định chế có hiệu quả, phát triển Ngân hàng theo một mô hình tổ chức mới hiện đại và theo nhu cầu của khách hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển và giải phóng các nguồn lực sẵn có.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị ngân hàng cũng như khả năng quản trị rủi ro.

- Triển khai áp dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị rủi ro tín dụng và quản trị doanh nghiệp.

- Tăng nguồn vốn và nâng cao chất lượng quản lý tài sản nợ, tài sản có thông qua việc đa dạng hoá các nguồn vốn và cơ cấu thời hạn của nguồn vốn, tăng tỷ lệ nguồn vốn có

chi phí rẻ, tích cực tìm kiếm nguồn và đảm bảo rằng các nhu cầu về tín dụng, đầu tư và thanh toán có thể được đáp ứng.

- Tăng tài sản sinh lời được quản lý rủi ro bằng cách tích cực tăng tín dụng và đầu tư, thu hút khách hàng mới trong khi vẫn đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính bền vững.

- Xây dựng nền tảng nhằm tăng thị phần của các hoạt động phi tín dụng và các dịch vụ tài chính ngân hàng khác, cung cấp các dịch vụ này cho tất cả các khách hàng trên thị trường với chất lượng dịch vụ cao và ổn định bằng cách tạo những nét riêng biệt của Ngân hàng.

- Đẩy mạnh và tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối.

- Hoàn thiện chính sách và qui trình nội bộ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và thực tiễn quốc tế.

- Thực hiện hiệu quả chương trình cải cách hành chính của NHTMCPCT.

- Trong giai đoạn 2008 – 2010, ngoài các công ty con đang hoạt động, NHTMCPCT sẽ tiếp tục mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới và các thị trường mới. Ngân hàng lên kế hoạch tập trung phát triển các hoạt động ngân hàng thương mại cho người tiêu dùng cũng như khối các DN VVN.

- Thúc đẩy phát triển các sản phẩm có thu nhập từ phí và hoa hồng của ngân hàng hiện đại hơn là các sản phẩm có thu nhập từ lãi của ngân hàng truyền thống với các hoạt động liên quan đến tiền gửi – cho vay thuần túy.

- Tăng cường vị thế như là một tập đoàn tài chính thông qua các mối quan hệ đối tác với các doanh nghiệp và tập đoàn lớn trong nước trong các lĩnh vực kinh doanh sinh lợi cao như cơ sở hạ tầng, viễn thông, v.v.

- Giảm tỷ trọng dư nợ đối với khu vực DNNN và đẩy mạnh hoạt động đối với khu vực DN VVN bằng việc phát huy tối đa hiệu quả của mạng lưới phân phối và các sản phẩm hấp dẫn.

- Phát triển hệ thống thông tin khách hàng và xác lập vị thế chiến lược đối với phân đoạn thị trường có tốc độ tăng trưởng cao.

- Triển khai áp dụng chiến lược dịch vụ hậu mãi, chú trọng vào các phương thức quản lý tài khoản linh hoạt và phát triển quan hệ khách hàng.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của

nguồn nhân lực thông qua việc cải thiện vấn đề quản lý, đo lường hiệu quả làm việc của nhân viên, chính sách đãi ngộ nhân tài hợp lý và nâng cao năng lực của tổ chức.

8. Các rủi ro dự kiến

Nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ lưỡng các nhân tố rủi ro nêu dưới đây cũng như những thông tin khác được cung cấp trong Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của NHTMCPCT, và có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của NHTMCPCT. Những vấn đề và rủi ro khác mà NHTMCPCT hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến giá cổ phiếu của NHTMCPCT sau này.

8.1. Rủi ro về lãi suất

Một trong những loại rủi ro đặc thù của ngân hàng thương mại là rủi ro lãi suất. Đó là sự chênh lệch giữa lãi suất huy động đầu vào và lãi suất đầu ra do biến động của thị trường và chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư, cho vay ra thị trường. Khi lãi suất thị trường thay đổi, những nguồn thu chính từ danh mục cho vay và đầu tư chứng khoán cũng như chi phí trả lãi đối với tiền gửi và các nguồn vay của ngân hàng đều bị tác động. Những thay đổi của lãi suất thị trường có thể tác động tiêu cực tới lợi nhuận ngân hàng do làm tăng chi phí nguồn vốn, giảm thu nhập từ tài sản, hạ thấp giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Vì vậy, sự biến động của lãi suất tác động đến toàn bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của ngân hàng. Nếu không có sự quan tâm thích đáng đến việc quản lý rủi ro lãi suất, không dự đoán được xu hướng biến động của lãi suất thì các ngân hàng có thể bị thiệt hại nặng nề từ loại rủi ro này, thậm chí đẩy ngân hàng vào tình trạng thua lỗ dẫn đến phá sản.

Ngoài ra rủi ro lãi suất còn có nguy cơ tăng do sau cổ phần hóa NHTMCPCT nhận được ít nguồn vốn với lãi suất ưu đãi của Chính phủ. Do đó NHTMCPCT có thể phải huy động với lãi suất cao hơn. Mặt khác do sự cạnh tranh với các ngân hàng thương mại khác trong khu vực trong khi nguồn vốn bị eo hẹp thì việc huy động vốn càng trở lên khó khăn hơn. Để giải quyết vấn đề này thì tăng lãi suất sẽ là một trong những giải pháp cấp bách của Ngân hàng và vì vậy rủi ro lãi suất sẽ khó có thể tránh khỏi.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, NHCT trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro như áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu thị trường; tham gia vào các hợp đồng hoán đổi lãi suất với nhiều đối tác nước ngoài; áp dụng chính sách lãi suất thả nổi trong nhiều hợp đồng tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất.

8.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng khi khách hàng vay không trả được nợ (bao gồm cả gốc lẫn lãi) theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, bảo lãnh đã ký. Nguyên nhân khách hàng không trả được nợ xuất phát từ (i) nguyên nhân chủ quan là do

ý thức trả nợ của khách hàng, trình độ lãnh đạo doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của chuyên viên NHTMCPCT và (ii) nguyên nhân khách quan do cơ chế chính sách thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của khách hàng, lũ lụt, thiên tai dịch bệnh v.v.

Sau cổ phần hóa việc đảm bảo, trợ cấp của Nhà nước đối với khoản tín dụng cho các Tổng công ty Nhà nước – vốn là khách hàng truyền thống của các ngân hàng thương mại nhà nước sẽ giảm đi, do đó rủi ro tín dụng đối với nhóm này trở nên cao hơn. Khi tiếp tục cấp tín dụng cho các doanh nghiệp này NHTMCPCT cần phải đánh giá và thẩm định tín dụng chặt chẽ hơn cho các khoản vay của mình. Chính vì vậy, NHTMCPCT phải tự chủ nguồn vốn của mình, do đó rủi ro tín dụng là một vấn đề cần được coi trọng trong danh mục đầu tư của NHTMCPCT.

Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, NHCT đã ban hành chính sách quản lý rủi ro tín dụng trong Sổ tay tín dụng và có điều chỉnh chính sách tín dụng từng thời kỳ như: đa dạng hóa danh mục đầu tư, quy trình xem xét và phê chuẩn đa cấp, quy trình kiểm tra giám sát khoản vay, quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề, hạn mức tín dụng. Bên cạnh đó NHCT còn xây dựng hệ thống tính điểm xếp hạng riêng cho từng loại khách hàng như khách hàng là công ty, khách hàng là các định chế tài chính và khách hàng cá nhân.

Đặc biệt để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quyết định cấp và quản lý tín dụng, bên cạnh các phòng tín dụng trực tiếp cho vay khách hàng NHCT đã xây dựng bộ máy quản lý rủi ro tín dụng từ Trụ sở chính đến mọi chi nhánh với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là phát hiện, phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng. NHCT thực hiện việc chấm điểm xếp hạng chi nhánh để xác định mức ủy quyền phán quyết cho chi nhánh. Việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ cũng được NHCT chú trọng.

Hiện nay, NHCTVN đang thực hiện dự án hiện đại hóa hệ thống ngân hàng giai đoạn 2. Mục tiêu của module quản trị rủi ro tín dụng thuộc dự án này là mua sắm, bổ sung các giải pháp phần mềm hỗ trợ ngân hàng tự động hóa toàn bộ quá trình quản lý tín dụng từ khâu đầu đến khâu cuối, đồng thời giúp ngân hàng đo lường, lượng hóa, quản lý rủi ro tín dụng ở cấp độ giao dịch cũng như danh mục toàn hàng theo các chuẩn mực quốc tế. Các hệ thống cũng sẽ được sử dụng để hỗ trợ ngân hàng định giá khoản vay, trích lập dự phòng rủi ro, đánh giá hiệu quả hoạt động có điều chỉnh rủi ro, và quản lý vốn kinh tế.

8.3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại NHTMCPCT. Để quản trị rủi ro về ngoại hối, NHCT (và sau này là NHTMCPCT) thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống, trong đó quy định hạn mức trạng thái ngoại tệ cho từng chi nhánh, hạn mức đối tác về Hội sở chính. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống được kiểm soát và cân bằng kịp thời, đảm bảo cuối ngày trên bảng cân đối toàn hệ thống, trạng thái ngoại hối được duy trì ở mức hợp lý, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật. Để giảm thiểu và phòng tránh

rủi ro về ngoại hối, ngoài các quy định về trạng thái, hạn mức, nghiệp vụ mua bán ngoại tệ giao ngay, hiện tại NHCT còn áp dụng các nghiệp vụ phái sinh như kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ.

8.4. Rủi ro về thanh khoản

Thanh khoản là một mấu chốt quan trọng trong công tác cân đối và điều hòa vốn, nó được coi là một yếu tố sống còn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là khả năng ngân hàng không thể đáp ứng các nhu cầu rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất của người gửi cũng như đáp ứng các nghĩa vụ chi trả tài chính khác. Rủi ro thanh khoản bắt nguồn từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng tại thời điểm hiện tại hay trong tương lai. Sau cổ phần hóa, nguồn vốn không còn được ưu đãi của Nhà nước, do vậy vấn đề thanh khoản càng phải được hết sức lưu ý và quan tâm; việc cân đối, điều tiết, điều hòa vốn phải được quản lý chặt chẽ có hệ thống. Hơn nữa, tâm lý nhà đầu tư, người gửi tiền Việt Nam dễ bị dao động và hành động theo số đông bởi từ nhiều luồng thông tin. Yếu tố tâm lý là sự nhạy cảm lan truyền có hệ thống. Vì vậy, việc rút tiền hàng loạt là rất có thể xảy ra khi thị trường, kinh tế Việt Nam và thế giới có những dấu hiệu bất ổn, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề thanh khoản của ngân hàng và rủi ro của vấn đề này là rất lớn và khó lường.

Theo quy trình quản trị rủi ro hiện nay, việc quản lý rủi ro thanh khoản do Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO chịu trách nhiệm. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản đã được nêu rõ trong phần I mục II khoản 2 (Quản trị rủi ro).

8.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ tài chính được hạch toán ngoại bảng, các nghiệp vụ này, chủ yếu là nghiệp vụ bảo lãnh tài chính và giao dịch thư tín dụng cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Đối với các nghiệp vụ bảo lãnh tài chính, rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Đối với các giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay của NHTMCPCT, thông thường khách hàng là người mua/nhà nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro trong nghiệp vụ này thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Rủi ro tiềm ẩn của các giao dịch thư tín dụng thương mại trả chậm là khả năng khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng; lúc đó Ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thanh toán cho bên thụ hưởng, nghĩa vụ phát sinh của khách hàng sẽ được hạch toán trong nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro, NHCT thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các giao dịch này khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng.

8.6. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Đối với NHCT cũng như NHTMCPCT, công nghệ thông tin liên quan đến tất cả các mảng giao dịch, quản lý rủi ro, quản lý tín dụng, công tác báo cáo, kế toán, liên lạc và quản trị v.v. trên toàn hệ thống. Sức mạnh công nghệ thông tin đã và đang nâng cao hiệu quả công việc và ưu thế cạnh tranh của NHCT cũng như NHTMCPCT. Tuy nhiên, hiện đại hóa về CNTT lại có thể gây ra những hậu quả khó lường mang tính hệ thống khi gặp những sai sót trong quy trình vận hành. Bên cạnh đó, ý thức của người sử dụng khi không tuân thủ chặt chẽ chế độ theo dõi, kiểm soát, bảo mật, an ninh, an toàn hệ thống cũng có thể là nguyên nhân gây rủi ro về CNTT làm thiệt hại hoặc gây thua lỗ trong kinh doanh.

Với tính chất hoạt động chuyên nghiệp, nhanh nhạy, bảo mật và xử lý kịp thời trong các giao dịch thì hoạt động của NHTMCPCT còn phải thường xuyên được hỗ trợ từ công nghệ, phần mềm hiện đại, tốc độ đường truyền nhanh và hệ thống bảo mật đảm bảo an toàn trong công tác quản lý dữ liệu. Do vậy, việc lựa chọn những nhà cung cấp chuyên nghiệp về công nghệ hiện đại phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng là hết sức quan trọng, không những đem lại những ứng dụng hữu hiệu và còn hạn chế và khắc phục những rủi ro bất khả kháng xảy ra trong quá trình sử dụng.

Tóm lại, rủi ro liên quan đến CNTT có thể gây ra bởi yếu tố kỹ thuật của công nghệ, yếu tố chủ quan từ phía con người và yếu tố bất khả kháng trong quá trình ứng dụng. Vì vậy, NHTMCPCT cần đặc biệt chú trọng cho việc đầu tư, quản lý và ứng dụng CNTT để phát huy hơn nữa những ưu thế cạnh tranh do CNTT đem lại.

8.7. Rủi ro tác nghiệp

Rủi ro tác nghiệp là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người v.v. trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro tác nghiệp của NHCT đã được trình bày trong phần I mục II khoản 2 (Quản trị rủi ro) ở trên.

Rủi ro tác nghiệp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý. Để phòng chống rủi ro này, NHCT (và sau này là NHTMCPCT) chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng v.v. đã được tiêu chuẩn hóa.

8.8. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp được xác định dựa trên cung cầu của thị trường. Sau khi cổ phần hóa và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, NHTMCPCT sẽ phải đối mặt với những rủi ro do sự biến động giá chứng khoán trên thị trường. Sự biến động của thị trường này hết sức phức tạp và khó lường do các yếu tố tâm lý, tình hình kinh tế trong nước và thế giới, đặc biệt khi hiện nay những biến động của thị trường này

càng trở nên khá nhạy cảm với những biến động của thế giới.

8.9. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý. Để phòng chống rủi ro này, NHCT (và sau này là NHTMCPCT) chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng, v.v. đã được tiêu chuẩn hóa. Hệ thống công nghệ thông tin của NHCT thường xuyên được cải tiến để nâng cao tính ổn định, an toàn và bảo mật. Phòng Pháp chế của NHCT (và sau này là NHTMCPCT) có nhiệm vụ chính trong việc đảm bảo các quyền lợi hợp lý và hợp pháp trong hoạt động kinh doanh của NHCT.

Ngoài ra, hoạt động của NHTMCPCT còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định khác liên quan. Khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán, NHTMCPCT còn chịu sự điều chỉnh của các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Quá trình sửa đổi, hướng dẫn các văn bản pháp luật thường kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn cho hoạt động của NHTMCPCT. Do vậy, những biến đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của NHTMCPCT.

8.10. Rủi ro của đợt phát hành

NHCT đã tính toán thận trọng kế hoạch hoạt động kinh doanh trong các năm tới cũng như mức giá khởi điểm của đợt phát hành. Tuy nhiên, vẫn có khả năng xảy ra một số rủi ro đối với đợt phát hành cổ phần lần đầu. Khả năng đầu tiên là việc bán đấu giá ra công chúng không đạt mục tiêu về giá cũng như về số lượng (xin lưu ý NHCT không thực hiện bảo lãnh cho đợt phát hành này). Khả năng thứ hai là việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài bị kéo dài so với dự kiến. Ngoài ra, cũng có thể có rủi ro đối với việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong nước, cũng như Công đoàn và CBCN của NHCT. Kết quả là, cơ cấu cổ phần của NHTMCPCT có thể bị điều chỉnh theo hướng giảm vốn điều lệ và NHTMCPCT không thu được số tiền thặng dư như đã dự kiến. Việc này có thể sẽ ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của NHTMCPCT cũng như giá cổ phần của NHTMCPCT sau này.

8.11. Rủi ro khác

Rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa v.v. do thiên tai gây ra, các rủi ro do đặc trưng của hoạt động ngân hàng, tiền và các tài sản giữ hộ của khách hàng trong kho và tiền vận chuyển trên đường đi đều được mua bảo hiểm.

9. Kế hoạch niêm yết trên thị trường chứng khoán

Nhằm nâng cao vị thế và hình ảnh của NHTMCPCT trên thị trường, đồng thời tạo ra

kênh tài chính, thu hút những nguồn lực từ xã hội, tăng cường chất lượng quản lý doanh nghiệp và mức độ minh bạch và xây dựng cơ sở nền tảng cho IPO quốc tế, dự kiến ngay sau khi chính thức hoàn tất các thủ tục chuyển đổi sang NHCP, NHTMCPCT sẽ tiến hành ngay các thủ tục cần thiết để niêm yết cổ phiếu của mình trên SGDCK thành phố Hồ Chí Minh hoặc TTGDCK Hà Nội.

10. Các hạng mục ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng của NHCT được thể hiện ở bảng sau

Bảng 20: Các cam kết ngoại bảng của NHCTVN

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản bảo lãnh	31/12/2007	30/09/2008
1. Bảo lãnh tài chính	6.082.241	
2. Thư tín dụng trả ngay	1.744.579	0
3. Thư tín dụng trả chậm	12.251.065	0
Tổng	20.077.885	

Nguồn: Vietinbank

11. Thông tin về đợt phát hành

Đợt phát hành cổ phần lần đầu phục vụ cổ phần hóa NHCT được thực hiện thành bốn gói: (i) phát hành theo phương thức đấu giá công khai, (ii) phát hành cho nhà đầu tư chiến lược trong nước, (iii) phát hành cho Công đoàn và CBCNV với giá ưu đãi và (iv) phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Dưới đây là thông tin tóm tắt về đợt phát hành này.

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng VDL	Giá bán
Bán ưu đãi cho CBCNV	22.780.000	1,7%	60% giá đấu thành công bình quân
Bán ưu đãi cho Tổ chức công đoàn	13.400.000	1,0%	60% giá đấu thành công bình quân
Bán đấu giá công khai trên SGDCK TP. Hồ Chí Minh	53.600.000	4,0%	Giá đấu thành công của từng nhà đầu tư
Bán cho nhà đầu tư chiến lược trong nước	44.220.000	3,3%	Giá thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật
Bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài	134.000.000	10,0%	Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

11.1. Thông tin về đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

Cổ phần phát hành:	Cổ phần của NHTMCPCT – được thành lập từ quá trình cổ phần hóa NHCT
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	20.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần phát hành:	53.600.000 cổ phần (4,0% VDL)
Đối tượng phát hành:	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam được tham gia đăng ký và đấu giá cổ phần của NHTMCPCT.
Phương thức đấu giá:	Cổ phần được phát hành theo hình thức đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 115/QĐ-UBCK ngày 13/02/2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
Thời gian và địa điểm đăng ký:	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam do Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.
Tổ chức đấu giá:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Phương thức và thời hạn thanh toán:	Được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Ngân hàng Công thương Việt Nam

11.2. Thông tin về việc phát hành cổ phần cho Công đoàn và CBCNV

Theo Công văn số 300/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 05 tháng 11 năm 2008 của HĐQT NHCT về trình Chính phủ phê duyệt một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN, Công văn số 2901/TTg-ĐMDN ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN và Biên bản Tổng hợp ý kiến và biểu quyết Ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCTVN ngày 02 tháng 12 năm 2008, Công đoàn được mua tổng số cổ phần là 13.400.000, chiếm 1% vốn điều lệ của NHTMCPCT. CBCNV của NHCT đủ tiêu chuẩn được mua tổng số cổ phần là 22.780.000, chiếm 1,7% vốn điều lệ của NHTMCPCT trên cơ sở mỗi năm làm việc tại khu vực nhà nước (theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) được mua 100 cổ phần. Giá bán cho Công đoàn và CBCNV bằng 60% giá đấu giá thành công bình quân của đợt đấu giá cổ phần công khai.

Phương thức đăng ký mua, thời hạn thanh toán và các vấn đề khác liên quan đến việc bán cổ phần cho Công đoàn và CBCNV của NHCT sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCT phù hợp với pháp luật có liên quan.

11.3. Thông tin về việc phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong nước

Theo Công văn số 300/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 05 tháng 11 năm 2008 của HĐQT NHCT về trình Chính phủ phê duyệt một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN, Công văn số 2901/TTg-ĐMDN ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung cổ phần hóa NHCTVN và Biên bản Tổng hợp ý kiến và biểu quyết ban chỉ đạo cổ phần hóa NHCTVN ngày 02 tháng 12 năm 2008, cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược trong nước là 44.220.000, chiếm 3,3% vốn điều lệ của NHTMCPCT.

Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong nước sẽ được thực hiện theo quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

11.4. Thông tin về việc phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài

Theo Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa NHCTVN:

■ Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là đối tượng mua cổ phần của NHTMCPCT phải đáp ứng các tiêu chí sau: là tổ chức tài chính có quy mô lớn, có năng lực tài chính mạnh, chất lượng hoạt động và quản trị ngân hàng tốt, có kinh nghiệm đầu tư thành công tại khu vực, có chiến lược kinh doanh phù hợp, có chuyên môn và tính chuyên nghiệp cao trong cùng lĩnh vực hoạt động và đảm bảo không có xung đột về lợi ích với chiến lược phát triển của NHTMCPCT.

■ NHTMCPCT sẽ không có quá 2 nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.

■ Tổng số cổ phần chào bán lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là 134.000.000 (cổ phần) chiếm 10% vốn điều lệ của NHTMCPCT. Tỷ lệ cổ phần chào

bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài qua các giai đoạn không quá 20% vốn điều lệ của NHTMCPCT.

■ Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sẽ được thực hiện theo phương thức thỏa thuận, phù hợp với nguyên tắc thị trường và theo quy định của pháp luật. Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề trình của NHCT.

12. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

Theo Điều 45 Nghị định số 109, số tiền thu được từ việc cổ phần hoá NHCTVN sẽ được xử lý như sau:

Số tiền thu được từ cổ phần hoá do NHCTVN giữ lại sẽ có giá trị tương đương với giá trị số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá.

Phần thặng dư vốn (số chênh lệch giữa giá trị mệnh giá và số tiền thực bán được của số cổ phần phát hành thêm) sẽ được sử dụng để thanh toán các chi phí cổ phần hoá và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, phần còn lại được xử lý theo quy định tại khoản 1(c), điều 45, Nghị định số 109.

Theo Quyết định số 1354, sau khi hoàn thành cổ phần hoá, NHTMCPCT sẽ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án sử dụng nguồn vốn thặng dư thu được sau khi bán cổ phần.

NHCT dự kiến trình Chính phủ phương án sử dụng phần thặng dư vốn từ cổ phần hoá theo hướng: 20% nguồn vốn thặng dư (tương đương với tỷ lệ cổ phần phát hành thêm) được sử dụng cho nhu cầu hoạt động của Ngân hàng nhằm tài trợ cho việc mở rộng trong tương lai và 80% phần vốn thặng dư còn lại sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ cho phép để lại NHTMCPCT dưới hình khoản tiền gửi uỷ thác đầu tư theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Ngân hàng Công thương Việt Nam trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Công thương Việt Nam cung cấp theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn.

	Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2008
ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Trưởng ban chỉ CPH - Chủ tịch HĐQT  PHẠM HUY HÙNG	ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM UV HĐQT - Tổng Giám đốc  PHẠM XUÂN LẬP
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN  Nguyễn Duy Hưng TỔNG GIÁM ĐỐC	



Nâng giá trị cuộc sống

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2007 triệu đồng</i>	<i>2006 số trình bày lại triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý tại quỹ	3	1.743.604	1.436.603
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	4	8.496.135	5.620.312
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	5	12.841.040	26.229.341
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	5.1	4.829.941	4.731.685
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	5.2	8.011.099	21.497.656
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh	6	739.381	867.393
Chứng khoán kinh doanh		742.456	870.374
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.075)	(2.981)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản TC khác	7	258	-
Cho vay khách hàng	8	100.482.233	80.142.030
Cho vay khách hàng		102.190.640	80.152.334
Trừ: dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(1.708.407)	(10.304)
Chứng khoán đầu tư	10	37.404.891	17.329.218
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	32.352.839	12.148.027
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	5.052.052	5.181.191
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	684.138	510.211
Tài sản cố định	12	1.214.196	1.157.037
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	12.1	996.671	958.888
Nguyên giá tài sản cố định		2.238.996	1.958.849
Hao mòn tài sản cố định		(1.242.325)	(999.961)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	12.2	217.525	198.149
Nguyên giá tài sản cố định		309.642	265.305
Hao mòn tài sản cố định		(92.117)	(67.156)
Tài sản cố khác	13	2.507.095	2.150.375
TỔNG TÀI SẢN		166.112.971	135.442.520

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2007

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2007 triệu đồng</i>	<i>2006 số trình bày lại triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	14	712.745	491.363
Tiền, vàng gửi và vay từ các TCTD khác	15	5.428.856	4.923.742
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	15.1	1.263.234	236.792
Tiền gửi có kỳ hạn và vay các TCTD khác	15.2	4.165.622	4.686.950
Tiền gửi của khách hàng	16	112.692.813	91.505.860
Phát hành trái phiếu tăng vốn và các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	17	28.952.892	21.525.679
Phát hành giấy tờ có giá	18	3.672.024	8.178.374
Các công cụ tài chính phái sinh các công nợ TC khác	7	6	-
Các khoản nợ khác	19	4.007.106	3.179.877
Các khoản lãi phải trả	19.1	1.832.736	1.959.092
Các khoản phải trả và công nợ khác	19.2	2.013.942	1.220.785
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9	160.428	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		155.466.442	129.804.895
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn chủ sở hữu	21	7.972.180	3.974.521
Vốn điều lệ		7.608.643	3.616.043
Vốn mua sắm tài sản cố định		297.065	292.006
Vốn khác		66.472	66.472
Quỹ của TCTD	21	2.420.702	1.544.414
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	21	61.585	61.139
Lợi nhuận chưa phân phối	21	192.062	57.551
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.646.529	5.637.625
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		166.112.971	135.442.520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	2007 <i>triệu đồng</i>	2006 <i>triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		75.402	46.717
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		13.995.644	8.897.617
Bảo lãnh khác		6.006.839	3.421.193
		20.077.885	12.365.527

Người lập :



Bà Nguyễn Thị Lũy
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 4 năm 2008

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2007

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Thuyết minh	2007 triệu đồng	2006 số trình bày lại triệu đồng
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	12.769.280	10.116.365
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(8.085.890)	(6.571.160)
THU NHẬP LÃI THUẦN		4.683.390	3.545.205
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	437.656	349.447
Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(102.909)	(76.763)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	24	334.747	272.684
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	64.087	60.002
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	71.374	22.765
Thu nhập cổ tức và phân chia lãi lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	27	88.247	64.638
Thu nhập từ hoạt động khác	28	1.406.835	606.275
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		6.648.680	4.571.569
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(1.619.189)	(1.118.567)
Chi phí khấu hao	12	(312.022)	(302.987)
Chi phí hoạt động khác	29	(834.816)	(719.768)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(2.766.027)	(2.141.322)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		3.882.653	2.430.247
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(2.353.568)	(1.600.256)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		1.529.085	829.991
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	(379.643)	(227.191)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Chi phí thuế TNDN		(379.643)	(227.191)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		1.149.442	602.800

Người lập :

Bà Nguyễn Thị Lũy
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Thạnh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 4 năm 2008

BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	2007 triệu đồng	2006 số trình bày lại triệu đồng
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM		57.551	46.940
Lợi nhuận thuần trong năm		1.149.442	602.800
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		1.206.993	649.740
<i>Trừ:</i>			
- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước		-	(605.510)
- Thoái lãi từ nợ khoan hồng không được ghi nhận tăng thu nhập		-	(13.873)
- Tăng lợi nhuận để lại do ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định vô hình của phần mềm INCAS trước đây đã ghi nhận vào chi phí nghiên cứu ứng dụng và triển khai		-	27.090
- Thoái trích các quỹ của năm trước	21	2.422	-
- Tạm trích các quỹ dự trữ trong năm	21	(1.012.352)	-
- Bổ sung vốn mua sắm tài sản cố định từ lợi nhuận để lại	21	(5.001)	-
- Các khoản khác		-	104
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM		192.062	57.551

Người lập :



 Bà Nguyễn Thị Lữ
 Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



 Ông Nguyễn Văn Chung
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:


 Ông Nguyễn Văn Thanh
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 4 năm 2008

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2007

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2007 triệu đồng</i>	<i>2006 số trình bày lại triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		12.390.675	9.861.044
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(8.212.246)	(5.805.002)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	334.747	272.684
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	64.087	60.002
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		71.374	22.765
Thu nhập từ hoạt động khác		61.212	598.833
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng	28	1.345.623	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(2.454.005)	(1.656.455)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	20	(262.441)	(217.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		3.339.026	3.136.376
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(34.191.639)	(19.704.597)
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi CKH và cho vay các TCTD khác		8.272.339	(8.451.808)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(19.987.437)	(4.201.862)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các TSTC khác		(258)	-
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(22.038.306)	(5.518.777)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất		(495.037)	(1.772.878)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		57.060	240.728
Những thay đổi về công nợ hoạt động		25.376.689	17.953.697
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(15.583.770)	(1.963.649)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		505.114	2.356.843
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		36.992.105	7.118.848
Tăng/(Giảm) phát hành trái phiếu tăng vốn và các nguồn vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		7.427.213	2.328.988
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá		(4.506.350)	8.177.547
Tăng/(Giảm) các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác		6	-
Tăng/(Giảm) các khoản nợ khác		678.924	27.773
Sử dụng các quỹ	21	(136.553)	(92.653)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.475.924)	1.385.476

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	2007	2006
<i>Thuyết minh</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>Số trình bày lại triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(409.276)	(234.013)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.920	38.188
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11.1 (120.660)	(80.505)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11.1 21.757	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	53.445	32.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(449.814)	(243.724)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn điều lệ	21 3.992.600	110.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3.992.600	110.555
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.933.138)	1.252.307
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	14.951.633	13.699.326
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	30 13.018.495	14.951.633

Người lập :



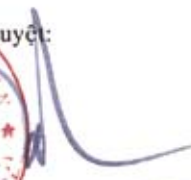

Bà Nguyễn Thị Lữ
 Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Thạnh
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 4 năm 2008



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2006

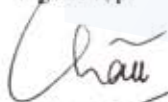
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

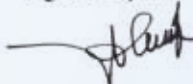
	Thuyết minh	2006 triệu đồng	2005 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	7	1.436.603	1.177.131
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN VN)	8	5.620.312	8.020.515
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác	9	4.731.685	3.324.100
Chứng khoán kinh doanh	10	867.393	472.737
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các (TCTD) khác	11	21.497.656	11.060.395
Cho vay và tạm ứng khách hàng	12	80.152.334	74.632.271
Dự phòng rủi ro tín dụng	13	(61.185)	(182.926)
Đầu tư vào chứng khoán	14	17.394.049	13.586.843
Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết	15	445.380	329.137
Tài sản cố định hữu hình	16.1	× 958.538	1.001.652
Tài sản cố định vô hình	16.2	× 159.898	130.368
Xây dựng dở dang	17	✓ 207.671	273.495
Lãi dự thu		1.279.930	1.026.762
Các tài sản khác	18	✓ 672.762	913.490
TỔNG TÀI SẢN		135.363.026	115.765.970
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước và các TCTD khác	19	355.257	2.426.565
Vay từ NHNN VN	20	372.898	265.239
Tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các TCTD khác	21	4.686.950	2.330.107
Các nguồn vốn vay khác	22	21.525.679	19.196.691
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	23	99.683.408	84.387.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31	13.004	52.370
Lãi dự chi		1.954.538	1.188.380
Các khoản phải trả khác	24	1.164.270	919.766
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		129.756.004	110.766.131
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn điều lệ	25	3.616.043	3.505.488
Vốn mua sắm TSCĐ	25	292.007	292.242
Vốn khác	25	66.472	66.472
Các quỹ dự trữ	26.1	1.479.443	1.031.264
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi các báo cáo tài chính	26.2	61.139	57.433
Lợi nhuận để lại		91.918	46.940
TỔNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.607.022	4.999.839
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		135.363.026	115.765.970
CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG		12.365.527	7.381.980

Người lập:



 Bà Phạm Thị Châu
 Trưởng phòng Chế độ kế toán

Người duyệt:



 Ông Nguyễn Văn Chung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Ông Nguyễn Văn Thanh
 Phó Tổng Giám đốc


Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 06 năm 2007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2006

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2006 triệu đồng</i>	<i>Năm 2005 triệu đồng</i>
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản tương đương	27	10.128.138	8.079.782
Chi phí lãi và các khoản tương đương	28	(6.571.160)	(4.793.131)
THU NHẬP LÃI THUẦN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG		3.556.978	3.286.651
Thu phí dịch vụ	29	349.447	264.832
Chi phí dịch vụ	29	(76.763)	(58.254)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		22.765	(194)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		60.002	43.116
Lãi/(lỗ) thuần từ đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết	15	61.601	38.213
Thu nhập cổ tức từ các khoản đầu tư thông thường khác		3.037	3.181
Thu nhập hoạt động khác		598.833	230.691
TỔNG THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		4.575.900	3.808.236
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Lương và các chi phí nhân viên khác		(1.113.722)	(863.131)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(275.233)	(218.725)
Chi phí hoạt động khác	30	(758.040)	(708.690)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(2.146.995)	(1.790.546)
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUẦN TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG			
		2.428.905	2.017.690
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể	13	(1.649.685)	(1.491.655)
Chi phí dự phòng rủi ro chung	13	(1.452)	(851)
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ		777.768	525.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(178.129)	(102.091)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		599.639	423.093

Người lập:

Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ kế toán

Người duyệt:

Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Nguyễn Văn Thạnh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

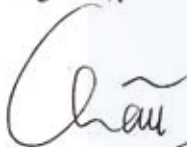
Ngày 29 tháng 6 năm 2007

BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2006 triệu đồng</i>	<i>Năm 2005 triệu đồng</i>
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM		46.940	10.143
Lợi nhuận thuần trong năm		599.639	423.093
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		646.579	433.236
<i>Cộng:</i>			
- giảm quỹ lương và kinh phí công đoàn theo biên bản quyết toán thuế năm 2004		-	18.972
- giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo biên bản thuế năm 2004		-	3.992
- khác		-	915
<i>Trừ:</i>			
- trích lập các quỹ dự trữ của Ngân hàng và các công ty con	26.1	(531.324)	(313.142)
- trích lập các quỹ dự trữ của các công ty liên doanh, liên kết	26.2	(9.215)	(29.081)
- điều chỉnh trích quỹ của các năm trước		-	(3.991)
- tăng dự phòng rủi ro theo biên bản thuế năm 2004		-	(18.864)
- tăng vốn từ lãi thu được của Trái phiếu Chính phủ đặc biệt trước đây đã hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh		-	(19.195)
- tăng thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng theo biên bản quyết toán thuế 2004		-	(7.005)
- khác		(14.122)	(18.897)
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM		91.918	46.940

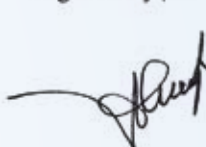
Lợi nhuận để lại cuối năm là phần lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng trong năm.

Người lập:



Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ kế toán

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Thạnh
Phó Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2006

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

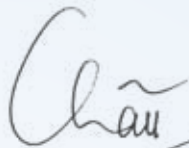
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2006 triệu đồng</i>	<i>Năm 2005 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và phí dịch vụ		10.210.491	7.958.293
Chi lãi và phí dịch vụ		(5.881.765)	(4.416.336)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		60.002	38.950
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		22.765	(64.756)
Thu nhập hoạt động khác		598.833	230.692
Các khoản phải trả cho nhân viên và nhà cung cấp		(1.656.455)	(1.398.942)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	31	<u>(217.495)</u>	<u>(83.610)</u>
Tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh trước khi thay đổi vốn lưu động thuần		3.136.376	2.264.291
Tăng/(giảm) tài sản:			
Tiền gửi tại NHNN VN		(630.983)	(871.105)
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác		(7.820.825)	(1.481.840)
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư		(4.201.862)	(1.826.992)
Cho vay và tạm ứng khách hàng		(7.291.655)	(7.353.370)
Tài sản xiết nợ	18.1	407.434	221.470
Các tài sản khác		(166.706)	(371.183)
Tăng/(giảm) nợ:			
Vay từ NHNN VN		(1.963.649)	(559.427)
Tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các TCTD khác		2.356.843	608.682
Các nguồn vốn vay khác		2.328.988	3.897.482
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng khác		15.296.395	12.128.451
Phải trả khác		<u>27.715</u>	<u>97.359</u>
Tiền thuần thu được/(sử dụng) trong hoạt động kinh doanh		1.478.071	6.753.818
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang		(234.013)	(535.823)
Thu từ thanh lý tài sản cố định		38.188	6.293
Tăng đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết	15	(80.505)	(2.636)
Cổ tức nhận được trong năm		<u>32.606</u>	<u>26.347</u>
Tiền thuần thu được/(sử dụng) trong hoạt động đầu tư		(243.724)	(505.819)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2006 triệu đồng</i>	<i>Năm 2005 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Vốn điều lệ tăng trong năm	25	110.555	72.600
Sử dụng các quỹ trong năm		(92.653)	(43.053)
Các khoản khác		58	7.134
Tiền thuần thu được trong hoạt động tài chính		17.960	36.681
Thay đổi thuần của tiền và các khoản tương đương tiền		1.252.307	6.284.680
Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương tiền		13.699.326	7.414.646
Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương tiền	32	14.951.633	13.699.326

Người lập:



Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ kế toán

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Thạnh
Phó Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2007



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2005

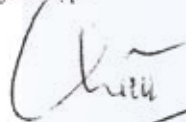
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

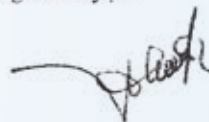
	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản tương đương	3	8.060.885	6.657.038
Chi phí lãi và các khoản tương đương	4	<u>(4.793.131)</u>	<u>(3.956.034)</u>
THU NHẬP LÃI RÒNG		3.267.754	2.701.004
Thu nhập thuần từ phí dịch vụ	5	206.578	170.183
Thu nhập/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và ngoại hối	6	47.487	9.149
Thu nhập từ hoạt động khác	7	<u>103.490</u>	<u>90.635</u>
TỔNG THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		<u>3.625.309</u>	<u>2.970.971</u>
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Lương và các chi phí nhân viên khác		(960.050)	(492.019)
Chi phí khấu hao		(218.725)	(152.339)
Chi phí hoạt động khác	8	<u>(716.705)</u>	<u>(527.533)</u>
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		<u>(1.895.480)</u>	<u>(1.171.891)</u>
Lãi thuần từ đầu tư góp vốn liên kết, liên doanh	18	38.758	16.577
Dự phòng rủi ro tín dụng	15	(1.846.954)	(4.863.283)
Thu hồi nợ xấu trước đây đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro tín dụng		<u>129.854</u>	<u>-</u>
THU NHẬP/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ		51.487	(3.047.626)
Thuế (chi phí)/ thu nhập	27	<u>(100.240)</u>	<u>(59.264)</u>
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN TRONG NĂM		<u>(48.753)</u>	<u>(3.106.890)</u>

Người lập:



Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ Kế toán

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán Trưởng



Người duyệt:

Ông Nguyễn Văn Thanh
Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2005

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

	Thuyết minh	2005 triệu đồng	2004 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	9	1.177.131	1.283.542
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN VN)	10	8.020.515	5.260.666
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác	11	3.324.100	1.785.223
Chứng khoán kinh doanh	12	472.737	393.501
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	13	11.060.395	6.615.085
Cho vay và ứng trước khách hàng, sau khi lập dự phòng rủi ro tín dụng	14	70.692.261	65.170.001
Chứng khoán sẵn sàng để bán	16	9.468.291	8.037.710
Chứng khoán giữ đến khi đáo hạn	17	4.297.710	3.750.750
Đầu tư góp vốn liên doanh	18	329.137	312.082
Tài sản cố định hữu hình	19	1.003.419	790.509
Tài sản vô hình và quyền sử dụng đất	20	130.368	121.995
Xây dựng dở dang		242.802	153.281
Lãi dự thu		758.962	578.408
Các tài sản khác	21	913.490	763.776
TỔNG TÀI SẢN		111.891.318	95.016.529
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước và các TCTD khác	22	2.426.565	810.980
Tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các TCTD khác	23	2.330.107	1.721.425
Vay từ NHNN VN	24	265.239	2.440.251
Các nguồn vốn vay khác	25	19.196.691	15.299.209
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	26	84.387.013	72.258.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	27	52.370	35.740
Lãi dự chi		1.188.380	817.893
Các khoản phải trả khác	28	978.298	610.878
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		110.824.663	93.994.938
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn điều lệ		3.505.488	3.432.888
Vốn khác		358.714	366.935
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi các báo cáo tài chính		57.433	64.886
Các quỹ dự trữ	30	816.857	599.824
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán		67.234	-
Lỗ lũy kế		(3.739.071)	(3.442.942)
TỔNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.066.655	1.021.591
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		111.891.318	95.016.529
CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG		7.381.980	8.690.386

Người lập:

Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ Kế toán

Người duyệt:

Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Ông Nguyễn Văn Thạnh
Phó Tổng Giám Đốc



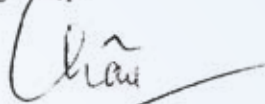
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2007

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

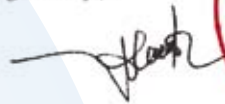
	Vốn điều lệ triệu đồng	Vốn mua sắm tài sản cố định triệu đồng	Vốn khác triệu đồng	Quỹ đánh giá lại		Lợi nhuận để lại (Lỗ lũy kế) triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
				Các quỹ dự trữ triệu đồng	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC triệu đồng		
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2003	2.933.000	291.826	55.472	611.548	-	(116.050)	3.849.431
Vốn tăng trong năm	400.000	-	-	-	-	-	400.000
Tăng vốn từ thu lãi TP CP Đặc biệt	59.400	-	-	-	-	(59.400)	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(3.106.890)	(3.106.890)
Thu sử dụng vốn trong năm	-	7.789	-	-	-	(7.789)	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	-	2.251	-	2.251
Tăng vốn theo Quyết định của BTC	40.488	-	-	-	-	-	40.488
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2004	-	-	-	160.776	-	(157.445)	3.331
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(27.347)	-	-	(27.347)
Phân loại lại sang các khoản phải trả	-	-	-	(145.153)	-	-	(145.153)
Các khoản khác	-	848	-	-	-	4.632	5.480
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2004	3.432.888	300.453	66.472	599.824	-	(3.442.942)	1.021.591
Vốn khác tăng trong năm	-	36	-	-	-	-	36
Tăng vốn từ thu lãi TPCP Đặc biệt	72.600	-	-	-	-	(19.195)	53.405
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(48.753)	(48.753)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	-	-	(7.453)	(7.453)
Chênh lệch do đánh giá lại TSTC sẵn sàng để bán	-	-	-	-	67.234	-	67.234
Trích quỹ cho năm 2005	-	-	-	226.332	-	(226.332)	-
Điều chỉnh trích quỹ năm trước	-	(8.257)	-	(9.127)	-	17.384	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(208)	-	-	(208)
Các khoản khác	-	-	-	36	-	(19.233)	(19.197)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2005	3.505.488	292.242	66.472	816.851	67.234	(3.739.071)	1.066.655

Người lập:



Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ Kế toán

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Thanh
Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2007

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	2005 <i>triệu đồng</i>	2004 <i>triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và phí dịch vụ		7.958.293	7.251.206
Chi lãi và phí dịch vụ		(4.416.336)	(3.947.917)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		38.950	(15.873)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(64.756)	4.037
Thu nhập hoạt động khác		230.692	70.477
Các khoản phải trả cho nhân viên và nhà cung cấp		(1.434.671)	(1.027.507)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	27	(83.610)	(51.561)
Tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh trước khi thay đổi vốn lưu động thuần		2.228.562	2.282.862
Tăng/(giảm) tài sản:			
Tiền gửi tại NHNN VN		(871.105)	(1.204.428)
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác		(1.481.840)	3.009.576
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư		(1.826.992)	(818.646)
Cho vay và tạm ứng khách hàng		(7.353.370)	(9.113.559)
Các tài sản khác		(149.713)	1,086,985
Tăng/(giảm) nợ:			
Vay từ NHNN VN		(2.175.012)	1.659.524
Tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các TCTD khác		(202.298)	104.954
Các nguồn vốn vay khác		3.897.482	1.121.276
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng		12.128.451	2.179.527
Phải trả khác		97.359	84.230
Tiền thuần thu được/(sử dụng) trong hoạt động kinh doanh		4.291.524	392.301
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang		(535.823)	(392.301)
Thu từ thanh lý tài sản cố định		6.293	-
Tăng đầu tư góp vốn liên doanh	18	(2.636)	(39.191)
Cổ tức nhận được trong năm		26.347	18.157
Tiền thuần thu được/(sử dụng) trong hoạt động đầu tư		(505.819)	(413.335)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2005 triệu đồng</i>	<i>Năm 2004 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn do nhận lãi từ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt	29	72.600	-
Sử dụng các quỹ trong năm		(262)	(27.347)
Các khoản khác		72	633
		<u>72.410</u>	<u>(26.714)</u>
Tiền thuần thu trong hoạt động tài chính		72.410	(26.714)
Thay đổi thuần của tiền và các khoản tương đương tiền		3.858.115	(47.748)
Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương tiền	31	7.414.646	7.462.394
Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương tiền	31	11.272.761	7.414.646

Người lập:



Bà Phạm Thị Châu
Trưởng phòng Chế độ Kế toán

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Chung
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Văn Thanh
Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2007

